

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	04
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	05
MỞ ĐẦU	06
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....	10
1.1. Lý luận chung về công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	10
1.1.1. <i>Khái niệm</i>	10
1.1.2. <i>Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước</i>	12
1.1.3. <i>Nội dung quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.....</i>	15
1.2. Quy trình quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	23
1.2.1. <i>Hồ sơ, tài liệu làm căn cứ quản lý, kiểm soát</i>	23
1.2.2. <i>Quy trình quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.....</i>	24
1.3. Tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước.....	40
1.3.1. <i>Tiêu chí đánh giá công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước.....</i>	40
1.3.2. <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.....</i>	42
1.4. Một số bài học kinh nghiệm có thể áp dụng đối với Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.....	44
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HƯNG YÊN.....	46
2.1. Tổng quan về Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.....	46
2.1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.....</i>	46
2.1.2. <i>Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.....</i>	47
2.1.3. <i>Cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	51
2.1.4. <i>Quy mô giao dịch của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	53
2.1.5. <i>Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....</i>	53

2.2. Thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên	56
<i>2.2.1. Công tác kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên giai đoạn 2014-2018</i>	56
<i>2.2.2. Nguyên tắc kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	59
<i>2.2.3. Phương thức kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	60
<i>2.2.4. Kết quả kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	64
2.3. Đánh giá công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên	65
<i>2.3.1. Ưu điểm</i>	65
<i>2.3.2. Hạn chế</i>	67
<i>2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế</i>	76
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HƯNG YÊN	79
3.1. Phương hướng tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên	79
<i>3.1.1. Bối cảnh trong nước tác động đến công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</i>	79
<i>3.1.2. Định hướng phát triển của hệ thống Kho bạc Nhà nước</i>	84
<i>3.1.3. Định hướng triển khai Luật đầu tư công giai đoạn 2020-2030</i>	85
3.2. Một số giải pháp tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên	86
<i>3.2.1. Tăng cường cơ chế, chính sách quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước</i>	86
<i>3.2.2. Tăng cường công tác tổ chức cán bộ của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	90
<i>3.2.3. Hiện đại hóa công nghệ, hoàn thiện quy trình về quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên</i>	94

3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước ...	96
3.2.5. Chú trọng triển khai Luật đầu tư công giai đoạn 2020-2030 ..	98
3.2.6. Đề xuất, kiến nghị.....	98
CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	104
4.1. Mô tả các chức năng chính.....	104
4.1.1. Hệ thống	104
4.1.2. Danh mục.....	104
4.1.3. Nhập dữ liệu dự án.....	105
4.1.4. Báo cáo	105
4.2. Mô tả chi tiết dữ liệu	106
4.2.1. Danh mục dự án	106
4.2.2. Danh mục chủ đầu tư	107
4.2.3. Danh mục cấp quản lý.....	107
4.2.4. Danh mục địa bàn hành chính	107
4.2.5. Danh mục nguồn vốn.....	107
4.2.6. Danh mục nhóm dự án.....	108
4.2.7. Danh mục người sử dụng	108
4.2.8. Số liệu dự án	108
4.3. Mô tả màn hình nhập dữ liệu.....	110
4.3.1. Màn hình nhập thông tin dự án	110
4.3.2. Màn hình nhập thông tin tạm ứng	111
4.3.3. Màn hình nhập thông tin quyết toán	113
4.4. Mô tả các tiêu thức trên màn hình kết xuất báo cáo	114
4.4.1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.....	114
4.4.2. Báo cáo chi tiết tình hình giải ngân	114
4.4.3. Báo cáo tình hình quyết toán vốn theo dự án, công trình từ khi khởi công.....	115
4.4.4. Báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện dự án	115
4.4.5. Báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện hợp đồng	116
4.4.6. Báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện thanh toán tạm ứng.....	116
4.5. Các mẫu biểu báo cáo	116
4.6. Kết quả sau khi triển khai.....	116
KẾT LUẬN.....	118
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	120
PHỤ LỤC	

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

STT	Nội dung	Trang
I	DANH MỤC SƠ ĐỒ	
1	1.1. Quy trình luân chuyển hồ sơ, chứng từ thanh toán vốn đầu tư tại KBNN Hưng Yên	24
2	2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên	52
II	DANH MỤC BẢNG BIỂU	
1	2.1. Số lượng đơn vị giao dịch và số lượng tài khoản của các đơn vị giao dịch với KBNN Hưng Yên	53
2	2.2. Tình hình thu NSNN tại tỉnh Hưng Yên	54
3	2.3. Cơ cấu chi NSNN tại tỉnh Hưng Yên	55
4	2.4. Số lượng dự án đầu tư nguồn vốn NSNN tại tỉnh Hưng Yên	56
5	2.5. Kết quả kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2014-2018	65
6	2.6. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư hằng năm	67
7	2.7. Số lượng các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm	68
8	2.8. Tình hình chuyển nguồn vốn sang năm sau và giải ngân	69
9	2.9. Tình hình quyết toán các dự án đầu tư nguồn vốn NSNN tại tỉnh Hưng Yên tại thời điểm 30/6/2017	71
10	2.10. Tình hình quyết toán, bố trí vốn các dự án đầu tư nguồn vốn NSNN có thời gian hoàn thành từ năm 2016 trở về trước tại thời điểm 30/6/2017	72

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTMT	Chương trình mục tiêu
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GPMB	Giải phóng mặt bằng
HĐND	Hội đồng nhân dân
KBNN	Kho bạc Nhà nước
NS	Ngân sách
NSNN	Ngân sách Nhà nước
TKTG	Tài khoản tiền gửi
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ trương của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, khai thác và phát huy tối đa nội lực, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, hằng năm NSNN đầu tư khá lớn cho các dự án XDCB nhằm chủ động điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành, vùng, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cũng như nền kinh tế quốc gia phát triển.

Các dự án đầu tư XDCB từ NSNN đòi hỏi một nguồn lực tài chính rất lớn của cả nước cũng như của từng địa phương để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Vốn đầu tư từ NSNN được coi như vốn môi để thu hút các nguồn lực trong nước cũng như nguồn lực ngoài nước vào đầu tư phát triển, đóng vai trò mở đường cho phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ, nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho nhân dân. Vốn đầu tư XDCB từ NSNN có vai trò quan trọng như vậy cho nên làm thế nào để quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB từ NSNN đạt hiệu quả cao, giảm thiểu những thất thoát, lãng phí là vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên do tính chất phức tạp của vấn đề này cho nên đến nay đó vẫn là bài toán đặt ra cho không chỉ riêng đối với ngành tài chính mà nó còn là vấn đề quan tâm của tất cả các cấp, các ngành, của Đảng và Nhà nước.

Ở tỉnh Hưng Yên, những năm gần đây công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB từ NSNN qua hệ thống KBNN Hưng Yên đã được các cấp, các ngành hết sức quan tâm. Các cấp chính quyền từ tỉnh đến huyện, xã, các đơn vị trong ngành tài chính, đặc biệt là hệ thống KBNN trên địa bàn đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB. Thông qua hoạt động của mình hệ thống KBNN Hưng Yên đã kịp thời phát hiện và từ chối thanh toán những khoản chi không đúng mục đích, sai nguyên tắc, vi phạm quy trình, không đúng định mức chi tiêu... góp phần ngăn chặn và giảm bớt thất thoát, lãng phí. Tuy vậy, bên cạnh đó công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên vẫn còn tồn tại những

bất cập; hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vẫn còn hạn chế; công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư vẫn còn nhiều bước thực hiện thủ công, công tác báo cáo và đối chiếu số liệu giữa Sở Tài chính, chủ đầu tư và Kho bạc còn mất rất nhiều thời gian và thiếu chính xác dẫn đến sai sót, đặc biệt là các dự án cấp xã quản lý. Việc tổng hợp số liệu để báo cáo các cấp chính quyền địa phương đôi khi chưa kịp thời và chưa đảm bảo tính cập nhật tại mọi thời điểm. Do vậy, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ *“Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”* là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu của đề tài

- Phân tích thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN Hưng Yên trong giai đoạn 2014-2018, trong đó bao gồm các dự án có thời gian hoàn thành từ năm 2016 trở về trước nhưng chưa thực hiện quyết toán, tất toán tài khoản; làm rõ những ưu điểm, kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân chủ yếu.

- Đề xuất các giải pháp, kiến nghị với các cơ quan liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB nguồn vốn NSNN qua KBNN Hưng Yên trong điều kiện hiện nay và những yêu cầu mới đang đặt ra.

- Xây dựng, triển khai thử nghiệm ứng dụng phần mềm quản lý, tổng hợp báo cáo về kiểm soát thanh toán, quyết toán các dự án đầu tư XDCB nguồn vốn NSNN tại KBNN Hưng Yên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Về đối tượng nghiên cứu:

Công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN Hưng Yên.

- Về phạm vi nghiên cứu:

- + Trong phạm vi nghiên cứu, đề tài đề cập đến thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN

Hung Yên, đề từ đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư.

+ Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN Hưng Yên giai đoạn 2014-2018.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

Việc nghiên cứu đề tài dựa trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và dựa trên các lý thuyết kinh tế - tài chính cũng như kế thừa kết quả của các nghiên cứu trước đây. Trong quá trình thực hiện đề tài, nhiều phương pháp nghiên cứu chuyên ngành được sử dụng như: Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp, mô hình hóa, kết hợp nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tiễn để thực hiện đề tài, cụ thể là:

- Suru tầm tài liệu phục vụ nghiên cứu;
- Toạ đàm, hội thảo khoa học;
- Phương pháp điều tra, khảo sát; sử dụng kết quả điều tra, khảo sát số liệu thực tế tại các huyện, thị xã, thành phố;
- Phân tích, đánh giá thực tiễn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý;
- Sử dụng các công cụ ứng dụng công nghệ thông tin, phối hợp với điều tra khảo sát, kết nối với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập thông tin, các tài liệu cần thiết phục vụ cho các nội dung nghiên cứu của đề tài.
- Thành phần tham gia điều tra:
 - + Số đoàn đi điều tra: 01 đoàn, cụ thể:
 - + Đoàn điều tra tại TP Hưng Yên: 02 ngày, 01 người.
 - + Đoàn điều tra tại Tiên Lữ: 02 ngày, 01 người.
 - + Đoàn điều tra tại Phù Cừ: 02 ngày, 01 người.
 - + Đoàn điều tra tại Kim Động: 02 ngày, 01 người.
 - + Đoàn điều tra tại Ân Thi: 02 ngày, 01 người.
 - + Đoàn điều tra tại Khoái Châu: 02 ngày, 01 người.
 - + Đoàn điều tra tại Văn Giang: 02 ngày, 01 người.

- + Đoàn điều tra tại Mỹ Hào: 02 ngày, 01 người.
- + Đoàn điều tra tại Yên Mỹ: 02 ngày, 01 người.
- + Đoàn điều tra tại Văn Lâm: 02 ngày, 01 người.

- Phương pháp phân tích số liệu trên một báo cáo cụ thể: Đây là phương pháp chủ yếu được áp dụng trong đề tài, được áp dụng trong phần lớn các phân tích, đánh giá thông tin. Phương pháp này được áp dụng để đưa ra đánh giá thực trạng của đề tài và lập cơ sở dữ liệu cho đề tài.

5. Đóng góp về khoa học của đề tài

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XD CB nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
- Đề ra các giải pháp tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XD CB nguồn vốn NSNN qua KBNN Hưng Yên.
- Góp phần đảm bảo thực hiện các dự án đầu tư theo đúng tiến độ, vì thông qua việc quản lý, kiểm soát thanh toán và tổng hợp báo cáo sẽ nắm bắt kịp thời về tình hình thực hiện của các dự án, qua đó tham mưu cho các cấp chính quyền địa phương, các chủ đầu tư kịp thời tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong triển khai các dự án đầu tư, góp phần đảm bảo dự án thực hiện theo đúng tiến độ, như vậy sẽ hạn chế các chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện dự án và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN.

6. Kết cấu của đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Chương 2: Phân tích thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.

Chương 3: Giải pháp tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.

Chương 4: Xây dựng phần mềm quản lý và tổng hợp báo cáo tình hình kiểm soát các dự án đầu tư.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

1.1. Lý luận chung về công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

1.1.1. Khái niệm

** Dự án đầu tư xây dựng cơ bản*

Dự án đầu tư xây dựng cơ bản là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn đầu tư để xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo những công trình xây dựng nhằm mục đích phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong một thời hạn nhất định.

Về mặt hình thức, dự án đầu tư là một tập hồ sơ tài liệu trình bày một cách chi tiết có hệ thống các hoạt động và chi phí theo một kế hoạch để đạt được những kết quả và thực hiện được những mục tiêu nhất định trong tương lai.

Về mặt nội dung, dự án đầu tư là một tập hợp các hoạt động có liên quan với nhau nhằm đạt được những mục đích đã đề ra thông qua nguồn lực đã xác định như vấn đề thị trường, sản phẩm, công nghệ, kinh tế, tài chính...

Vậy, dự án đầu tư phải nhằm việc sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào để thu được đầu ra phù hợp với những mục tiêu cụ thể. Đầu vào là lao động, nguyên vật liệu, đất đai, tiền vốn... Đầu ra là các sản phẩm, dịch vụ. Sử dụng đầu vào được hiểu là sử dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ, biện pháp tổ chức quản trị và các luật lệ...

** Vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư*

Vốn được biểu hiện bằng giá trị, có nghĩa là vốn phải đại diện cho một loại giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc một loại giá trị tài sản nhất định.

Vốn được biểu hiện bằng tiền nhưng không phải là tất cả mọi nguồn tiền đều là vốn. Tiền chỉ trở thành vốn khi nó được sử dụng vào mục đích đầu tư hoặc kinh doanh. Tiền tiêu dùng hằng ngày, tiền dự trữ không có khả năng sinh

lời không phải là vốn.

Trong nền kinh tế thị trường, vốn cũng là một loại hàng hóa nhưng là một loại hàng hóa đặc biệt, nó có đặc điểm giống các hàng hóa khác đều có chủ sở hữu, những người chủ sở hữu vốn chỉ bán quyền sử dụng vốn trong thời gian nhất định, chính nhờ có sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn đã làm cho vốn có khả năng lưu thông sinh lời.

Vốn đầu tư là toàn bộ chi phí bỏ ra để thực hiện mục tiêu đầu tư.

Đầu tư theo nghĩa rộng là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho Nhà đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn nguồn lực đã bỏ ra. Để đạt được kết quả đó, nguồn lực có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, là sức lao động và trí tuệ. Trong những kết quả đạt được có thể tăng thêm các tài sản tài chính (tiền vốn), tài sản vật chất (đường sá, cầu cống, trường học, các cửa cải vật chất khác), có thể là nguồn lực có đủ điều kiện làm việc với năng suất cao hơn trong nền sản xuất xã hội, những kết quả là tài sản vật chất, tài sản trí tuệ và nguồn lực tăng thêm có vai trò quan trọng trong mọi lúc mọi nơi, không chỉ đối với cả nền kinh tế, những kết quả này không chỉ người đầu tư mà cả nền kinh tế được thụ hưởng.

Theo nghĩa hẹp, đầu tư chỉ bao gồm những hoạt động sử dụng các nguồn lực hiện tại, nhằm đem lại cho nền kinh tế xã hội những kết quả trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã sử dụng để đạt được kết quả đó. Như vậy nếu xem xét trong phạm vi quốc gia thì chỉ những hoạt động sử dụng nguồn lực ở hiện tại để trực tiếp làm tăng tài sản vật chất, nguồn nhân lực và tài sản trí tuệ, hoặc duy trì sự hoạt động của các tài sản và nguồn lực sẵn có thuộc phạm trù đầu tư theo nghĩa hẹp hay đầu tư phát triển. Sự biểu hiện bằng tiền tất cả các nguồn lực đã bỏ ra trên đây gọi là vốn đầu tư hay vốn đầu tư phát triển.

Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, trong giai đoạn hiện nay cùng với tiến trình đổi mới nền kinh tế, chuyển từ kế hoạch hóa tập trung với 2 thành phần kinh tế cơ bản là quốc doanh và tập thể sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước nhằm huy động toàn bộ nguồn lực từ các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển nền kinh tế xã hội. Hiện

nay đầu tư phát triển của đất nước được huy động từ các nguồn vốn đó là: Nguồn vốn đầu tư từ NSNN; Nguồn vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh; Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Nguồn vốn đầu tư khác của Nhà nước, Nguồn vốn của dân cư và tư nhân; Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Như vậy các loại nguồn vốn cấu thành nên nguồn vốn đầu tư bao gồm:

Nguồn vốn đầu tư từ NSNN: Đây là nguồn chi của NSNN cho đầu tư phát triển, là nguồn vốn quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Nguồn vốn này được huy động từ các khoản thu của NSNN, trong đó có một phần nguồn vốn ODA và các khoản vay nước ngoài được đưa vào ngân sách để đầu tư.

Nguồn vốn đầu tư khác của nhà nước: Nguồn vốn này bao gồm vốn khấu hao cơ bản để lại, lợi nhuận sau thuế, phát hành trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp đối với những doanh nghiệp Nhà nước cổ phần, vốn cổ phần hóa, vốn nhà xưởng, đất đai chưa sử dụng đến có thể huy động trong kỳ kế hoạch, vốn liên kết liên doanh... của doanh nghiệp Nhà nước và các nguồn vốn khác của Nhà nước. Nguồn vốn này chủ yếu đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị, hiện đại hóa dây chuyền công nghệ.

1.1.2. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

1.1.2.1. Khái niệm

* Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước:

“Vốn đầu tư từ NSNN còn gọi là vốn đầu tư phát triển từ NSNN là khoản vốn ngân sách được Nhà nước dành cho đầu tư XD CB các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình phúc lợi xã hội không có khả năng thu hồi vốn và các khoản chi đầu tư khác theo quy định của Luật Ngân sách”.

Vốn đầu tư thuộc NSNN bao gồm: Vốn đầu tư từ ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương được sử dụng đầu tư vào các lĩnh vực theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong từng thời kỳ, cụ thể như sau:

Vốn đầu tư từ ngân sách trung ương: Đầu tư XD CB các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do trung ương quản lý;

Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước, góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật, chỉ cho Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các Quỹ hỗ trợ phát triển đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế; dự trữ nhà nước; cho vay của Chính phủ để đầu tư phát triển. Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia.

Vốn đầu tư từ ngân sách cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là ngân sách cấp tỉnh): Đầu tư XDCB các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội do cấp tỉnh quản lý; đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vốn đầu tư từ ngân sách cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là ngân sách cấp huyện): Đầu tư XDCB các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo sự phân cấp của tỉnh, trong đó có nhiệm vụ chi đầu tư XDCB các trường phổ thông quốc lập các cấp và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị.

Vốn đầu tư từ ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã): Đầu tư XDCB các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo sự phân cấp của tỉnh.

1.1.2.2. Vai trò quản lý nhà nước về vốn đầu xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

- Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường:

Cơ chế vận hành của nền kinh tế nước ta được thực hiện là cơ chế thị trường có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Mọi hoạt động của các chủ thể sản xuất, kinh doanh đều được thực hiện dưới tác động của cơ chế thị trường và chịu sự quản lý bởi các công cụ, chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Nhà nước còn sử dụng các lực lượng kinh tế của mình để dẫn dắt và định hướng nền kinh tế thị trường. Như vậy, cơ chế hoạt động của nền kinh tế là: Thị trường điều tiết nền kinh tế, Nhà nước điều tiết thị trường và mối quan hệ Nhà nước - thị trường

- các chủ thể kinh tế là mối quan hệ hữu cơ, thống nhất.

- Quản lý nhà nước về vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước:

Là một bộ phận cấu thành trong 5 nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, tuy chỉ chiếm một tỷ trọng không lớn (chiếm 20-26% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chiếm 5-7% GDP) song đầu tư XDCB từ nguồn NSNN có vai trò quan trọng đặc biệt thể hiện trên các mặt sau đây:

Một là, đầu tư XDCB từ nguồn NSNN là công cụ kinh tế quan trọng để Nhà nước trực tiếp tác động đến các quá trình kinh tế xã hội, điều tiết vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước. Bằng việc cung cấp những dịch vụ công cộng như hạ tầng kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng... mà các thành phần kinh tế khác không muốn, không thể hoặc không được đầu tư. Các dự án đầu tư từ NSNN được triển khai ở các vị trí quan trọng, then chốt nhất nhằm đảm bảo cho nền kinh tế - xã hội phát triển ổn định theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, đầu tư XDCB từ nguồn NSNN được coi là một công cụ để Nhà nước chủ động điều tiết, điều chỉnh hàng loạt các quan hệ và những cân đối lớn của nền kinh tế:

Đầu tư từ NSNN là công cụ để Nhà nước chủ động điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành, vùng, lãnh thổ. Vốn đầu tư từ NSNN được tập trung vào các mục tiêu phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, góp phần tích cực cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xử lý bất hợp lý trong phát triển vùng, miền, tạo cơ sở tăng trưởng bền vững. Nhà nước đã bỏ ra hàng nghìn tỷ đồng để đầu tư phát triển kinh tế ở những vùng sâu, vùng xa nhằm thực hiện chủ trương xoá đói giảm nghèo, đảm bảo sự bình đẳng trong việc thụ hưởng các thành quả của tăng trưởng, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc. Xét về mặt bản chất, đầu tư của Chính phủ là một giải pháp để điều chỉnh những khuyết tật vốn có của nền kinh tế thị trường.

Ba là, đầu tư XDCB từ NSNN tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và cho toàn nền kinh tế phát triển. Vốn đầu tư từ NSNN để thu hút các nguồn lực

trong nước và ngoài nước vào đầu tư phát triển. Đường đến đâu thì thị trường mở ra đến đó, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phát triển sẽ tạo ra khả năng rộng lớn để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, du lịch... Có đủ vốn đầu tư trong nước mới góp phần giải ngân, hấp thụ được các nguồn vốn ODA, có hạ tầng kinh tế xã hội tốt mới thu hút được vốn FDI; có vốn đầu tư của Nhà nước mới khuyến khích phát triển các hình thức BT, BOT... Như vậy, đầu tư từ NSNN có vai trò hạt nhân để thúc đẩy xã hội hoá trong đầu tư, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bốn là, đầu tư XD CB từ NSNN có vai trò mở đường cho sự phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân, các dự án đầu tư vào các lĩnh vực trên rất tốn kém, độ rủi ro cao, khả năng thu hồi vốn thấp nên thường được Nhà nước đầu tư bằng nguồn NSNN, như dự án đầu tư các phòng thí nghiệm trọng điểm, các trạm trại nghiên cứu giống mới, các trường đại học, các bệnh viện, các trung tâm y tế... sẽ cung cấp các dịch vụ công tạo điều kiện nâng cao hiệu quả đầu tư của nền kinh tế.

1.1.3. Nội dung quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

1.1.3.1. Đối tượng quản lý, kiểm soát

Các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN theo quy định của Luật NSNN và Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng đều phải chịu sự kiểm soát theo cơ chế, chế độ quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của KBNN bao gồm:

- Các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn thuộc các lĩnh vực:

- + Giao thông, thuỷ lợi, giáo dục đào tạo, y tế.
- + Các trạm, trại thú y, động, thực vật nghiên cứu giống mới và cải tạo giống.
- + Xây dựng các công trình văn hoá, xã hội, thể dục - thể thao, phúc lợi công cộng.
- + Dự án thuộc cơ quan quản lý nhà nước, khoa học - kỹ thuật.
- + Trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, vườn Quốc gia, khu bảo tồn

thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái khu vực, vùng lãnh thổ.

- Các dự án quốc phòng, an ninh, dự án đặc biệt Quốc gia.
- Các dự án của các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Các dự án được bố trí bằng vốn chi sự nghiệp trong dự toán NSNN để sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có, có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, nhằm phục hồi hoặc tăng giá trị tài sản cố định (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp).
- Các dự án đầu tư khác theo quyết định của Chính phủ.

1.1.3.2. Nguyên tắc quản lý, kiểm soát

a. Đúng đối tượng:

Chi đầu tư XDCCB từ nguồn NSNN được thực hiện theo phương thức cấp phát không hoàn trả nhằm đảm bảo vốn để đầu tư các dự án cần thiết phải đầu tư thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... Từ đó tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho sự phát triển toàn diện và cân đối của nền kinh tế quốc dân.

Nguồn chi đầu tư XDCCB từ NSNN bao gồm vốn trong nước của các cấp NSNN, vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ và vốn viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ, các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước. Nguồn thanh toán đầu tư XDCCB từ NSNN chỉ được sử dụng để cấp phát cho các dự án thuộc đối tượng sử dụng vốn NSNN theo quy định của Luật NSNN và Quy chế quản lý đầu tư XDCCB.

b. Thực hiện nghiêm chỉnh trình tự đầu tư và xây dựng, có đủ hồ sơ dự án công trình theo quy định phù hợp với từng giai đoạn đầu tư:

Trình tự đầu tư và xây dựng là trật tự các giai đoạn, các bước công việc trong từng giai đoạn của quá trình đầu tư và xây dựng từng công trình. Các dự án đầu tư không phân biệt quy mô và mức vốn đầu tư đều phải thực hiện nghiêm chỉnh trình tự đầu tư và xây dựng gồm 3 giai đoạn là chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng. Các công việc trong

giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng có thể thực hiện tuần tự hoặc gói đầu, xen kẽ tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án đầu tư.

c. Đúng mục đích, đúng kế hoạch:

Nguồn NSNN đầu tư cho các công trình, dự án được xác định trong kế hoạch NSNN hằng năm dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, kế hoạch xây dựng cơ bản của từng bộ, ngành, địa phương, từng đơn vị cơ sở và khả năng nguồn vốn của NSNN. Vì vậy, cấp phát vốn đầu tư XDCB của NSNN đúng mục đích, đúng kế hoạch nhằm tuân thủ nguyên tắc quản lý NSNN và đảm bảo tính kế hoạch, cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, của từng ngành, từng lĩnh vực và từng địa phương.

Vốn đầu tư XDCB chỉ được sử dụng cho mục đích đầu tư XDCB theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không được sử dụng cho các mục đích khác như dùng để trang trải nhu cầu chi thường xuyên của đơn vị... Cấp phát vốn đầu tư XDCB phải tuân thủ theo đúng kế hoạch vốn đã được duyệt cho từng công trình; tổng số cấp vốn thanh toán trong năm kế hoạch cho từng dự án đầu tư không được vượt kế hoạch vốn năm của dự án được duyệt; không được điều chuyển vốn từ công trình này sang công trình khác nếu không có quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc biệt là điều chuyển vốn từ công trình trung ương sang công trình địa phương.

Nguyên tắc cấp vốn đầu tư XDCB đúng mục đích và đúng kế hoạch đòi hỏi phải không ngừng hoàn thiện phương pháp cấp vốn thanh toán theo hướng khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành được cấp phát vốn thanh toán là sản phẩm hàng hóa vừa có giá trị và vừa có giá trị sử dụng. Nâng cao hiệu quả đầu tư XDCB của nền kinh tế quốc dân nói chung và hiệu quả đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN nói riêng đòi hỏi công tác quy hoạch phải đi trước một bước, không ngừng nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng cơ bản.

d. Cấp phát theo khối lượng thực tế hoàn thành và trong phạm vi thiết kế, dự toán được duyệt:

Sản phẩm xây dựng cơ bản có vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng dài, kết cấu kỹ thuật phức tạp. Quản lý và cấp vốn theo mức độ khối lượng thực tế hoàn thành kế hoạch nhằm đảm bảo vốn cho quá trình đầu tư XD CB được tiến hành liên tục đúng kế hoạch tiến độ, kiểm tra chặt chẽ được chất lượng từng khối lượng xây dựng cơ bản và chất lượng của công trình hoàn thành, đảm bảo vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích và có vật tư đảm bảo, tránh ứ đọng và gây thất thoát, lãng phí vốn đầu tư.

Sản phẩm xây dựng cơ bản có tính đơn chiếc, mỗi công trình có thiết kế và dự toán riêng. Dự toán công trình xây dựng phản ánh những chi phí cần thiết là giới hạn mức vốn tối đa được phép đầu tư XD CB công trình được xác định dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá xây dựng cơ bản và các chính sách chế độ của Nhà nước quy định. Hơn nữa, một trong những nguyên tắc quan trọng trong quản lý chi NSNN theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, quản lý và cấp phát vốn đầu tư XD CB phải dựa vào dự toán đã được duyệt và chỉ trong phạm vi dự toán đã được duyệt.

Khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành được cấp vốn thanh toán phải là khối lượng đã thực hiện, đúng thiết kế, thực hiện đúng trình tự đầu tư XD CB, có trong dự toán, có trong kế hoạch xây dựng cơ bản năm và đã được nghiệm thu bàn giao theo đúng chế độ quy định của Nhà nước. Khối lượng thực hiện ở thời điểm nào thì áp dụng cơ chế chính sách ở thời điểm đó.

Giá thanh toán là giá trúng thầu hoặc giá chỉ định thầu theo đúng hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Luật Đấu thầu và các điều khoản trong hợp đồng xây dựng ký kết.

đ. Giám đốc bằng đồng tiền:

Kiểm tra bằng đồng tiền đối với việc sử dụng tiền vốn đúng mục đích, đúng kế hoạch, có hiệu quả là sự thể hiện chức năng của tài chính. Thực hiện công tác giám đốc trong quá trình cấp phát vốn đầu tư có tác dụng đảm bảo sử dụng tiền vốn tiết kiệm, đúng mục đích, đúng kế hoạch và thúc đẩy các đơn vị thực hiện tốt trình tự đầu tư và xây dựng, kế hoạch tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình và hoàn thành công trình đúng thời hạn để đưa vào sản xuất sử dụng. Giám

độc bằng đồng tiền được thực hiện đối với mọi dự án đầu tư, trong tất cả các giai đoạn của quá trình đầu tư và xây dựng, bao gồm giám đốc trước, trong và sau khi cấp phát vốn.

Các nguyên tắc quản lý và cấp phát vốn đầu tư XDCB của NSNN là một thể thống nhất, chi phối toàn bộ công tác quản lý và cấp phát vốn đầu tư XDCB. Chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và là điều kiện tiên đề để thực hiện lẫn nhau. KBNN Hưng Yên và KBNN các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện kiểm soát thanh toán trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; KBNN không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán của chủ đầu tư.

1.1.3.3. Nội dung quản lý, kiểm soát

1.1.3.3.1. Quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư từ NSNN qua KBNN

a. Nội dung quản lý, kiểm soát hồ sơ:

Thứ nhất, trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, KBNN căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình, KBNN không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. KBNN căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

Thứ hai, KBNN thực hiện kiểm soát chi theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, KBNN hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát chi trong hệ thống KBNN, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước.

Thứ ba, trong thời hạn 7 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau”, 3 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, KBNN kiểm soát, thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

Thứ tư, kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán thu hồi tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

Thứ năm, tổng số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán trong năm (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án.

b. Nội dung kiểm soát chi:

Kiểm soát chi đầu tư XD CB bao gồm kiểm soát chi tạm ứng và kiểm soát chi khối lượng hoàn thành.

- Kiểm soát chi tạm ứng: Việc tạm ứng vốn đầu tư XD CB chỉ cho các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định rõ đối tượng, nội dung và công việc cụ thể. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải theo quy định của Nhà nước đối với từng đối tượng cụ thể. Thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 1 năm sau). Thanh toán tạm ứng có thể được thực hiện một lần hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán tạm ứng nhưng không vượt mức quy định.

- Kiểm soát chi khối lượng hoàn thành: Kiểm soát chi khối lượng hoàn thành cho những công việc được thực hiện theo hợp đồng đảm bảo việc thanh

toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng; kiểm soát chi khối lượng hoàn thành cho các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng; việc thanh toán trên cơ sở bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

1.1.3.3.2. Quản lý, kiểm soát cam kết chi đầu tư

Cùng với xu thế hội nhập và mở cửa, đòi hỏi phải minh bạch thông tin và tuân thủ các cam kết, đảm bảo thanh toán khi đã hoàn thành các giao dịch kinh tế là nghĩa vụ của Nhà nước khi tham gia nền kinh tế. Đây là một xu thế phát triển tất yếu. Do đó, thực hiện cam kết chi là một là một trong số các nội dung cải cách mạnh mẽ, tiếp cận và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, giúp Chính phủ từng bước tiến tới các mục tiêu phát triển đất nước. Cùng với việc thực hiện cam kết chi thì công tác kiểm soát chi đầu tư XDCHB có thêm một nội dung quan trọng đó là kiểm soát cam kết chi đầu tư XDCHB.

a. Nguyên tắc quản lý, kiểm soát cam kết chi đầu tư XDCHB:

Cam kết chi chỉ được thanh toán khi số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng số tiền chưa được thanh toán của khoản cam kết chi đó.

Trường hợp số tiền đề nghị thanh toán lớn hơn số tiền còn lại chưa thanh toán của khoản cam kết chi, chủ đầu tư phải đề nghị KBNN nơi giao dịch tiến hành điều chỉnh, hủy cam kết chi và hợp đồng theo đúng quy định.

Trong quá trình quản lý, kiểm soát cam kết chi, nếu phát hiện các khoản cam kết chi sai chế độ quy định hoặc các khoản dự toán để cam kết chi không được chuyển nguồn sang năm sau hoặc chủ đầu tư không có nhu cầu sử dụng tiếp, KBNN thực hiện hủy các khoản cam kết chi của chủ đầu tư theo chế độ quy định.

b. Nội dung quản lý, kiểm soát cam kết chi đầu tư XDCHB:

Hiện nay các chủ đầu tư, các đơn vị dự toán thực hiện thủ tục cam kết chi theo quy định tại Thông tư số 40/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về Quản lý và

kiểm soát cam kết chi NSNN qua KBNN. Trên cơ sở kế hoạch vốn đã bố trí cho từng hợp đồng chi đầu tư trong năm, trong vòng 10 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng chủ đầu tư gửi đề nghị cam kết chi đến KBNN nơi giao dịch. Căn cứ đề nghị của chủ đầu tư, KBNN thực hiện:

- Kiểm soát các nền tảng, cơ sở pháp lý hình thành nên khoản cam kết chi đầu tư gồm: Kiểm tra dấu, chữ ký của chủ đầu tư trên hồ sơ phải phù hợp với mẫu dấu, chữ ký đã đăng ký với KBNN. Trường hợp đơn vị dự toán gửi đề nghị cam kết chi hoặc điều chỉnh cam kết chi đến KBNN thông qua chương trình giao diện, thì phải đảm bảo nguyên tắc trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử. Kiểm tra hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ có tuân thủ quy trình, thủ tục về mua sắm đấu thầu, chỉ định thầu theo quy định hiện hành hay không. Kiểm tra nội dung thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ có đảm bảo có trong dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay không.

- Kiểm soát, đối chiếu đảm bảo khoản đề nghị cam kết chi không được vượt quá kế hoạch vốn năm đã giao cho dự án và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.

- Kiểm soát, đối chiếu đề nghị cam kết chi của chủ đầu tư, đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu thông tin và được gửi trước thời hạn theo quy định.

Trường hợp cam kết chi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định thì KBNN ghi nhận bút toán cam kết chi vào hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) và thông báo cho chủ đầu tư được biết.

Trường hợp cam kết chi không đảm bảo đủ các điều kiện quy định, KBNN được phép từ chối ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo cho chủ đầu tư biết.

Trường hợp đơn vị thực hiện thủ tục cam kết chi chậm quá 10 ngày làm việc thì KBNN tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về chậm thủ tục cam kết chi. Sau khi đơn vị ký biên bản vi phạm, Giám đốc KBNN tỉnh ra quyết định xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, đơn vị thực hiện nộp phạt đồng thời phải làm thủ tục cam kết chi trước khi đề nghị KBNN thanh toán, chi trả NSNN.

1.2. Quy trình quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

1.2.1. Hồ sơ, tài liệu làm căn cứ quản lý, kiểm soát

Bước 1: Hồ sơ pháp lý của dự án gửi một lần, hoặc những hồ sơ chứng từ chỉ có một bản theo quy định phải gửi đến KBNN (bao gồm cả trường hợp bổ sung, điều chỉnh) phải là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận bản chính của Chủ đầu tư.

Bước 2: Những hồ sơ chứng từ gửi từng lần tạm ứng, thanh toán là bản chính, có đầy đủ chữ ký đúng chức danh và có đóng dấu đỏ của đơn vị.

a) Đối với các chứng từ: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (03 liên, hoặc 05 liên đối với trường hợp thực hiện khấu trừ thuế GTGT), Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (03 liên), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán, Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện, Giấy rút vốn đầu tư (04 liên, hoặc 05 liên đối với trường hợp thực hiện khấu trừ thuế GTGT), Ủy nhiệm chi: Chủ đầu tư lập theo mẫu in sẵn hoặc có thể lập trên máy vi tính nhưng phải đảm bảo theo đúng mẫu do Bộ Tài chính quy định.

b) Hồ sơ, chứng từ được công chức KBNN tiếp nhận từ Chủ đầu tư gửi đến phải được thực hiện ghi chép chính xác, đầy đủ các chỉ tiêu đã quy định trên mẫu và theo các văn bản hướng dẫn phương pháp lập các mẫu biểu (nếu có); đồng thời phải ký tên đầy đủ trên từng liên chứng từ thanh toán bằng mực màu xanh, không phai. Tuyệt đối không được ký lông bằng giấy than, ký bằng mực màu đen, màu đỏ, bằng bút chì. Chữ ký và dấu đóng trên Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư và các chứng từ rút vốn phải phù hợp, thống nhất với mẫu dấu và chữ ký đã đăng ký tại KBNN.

Bước 3: Đối với Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án thực hiện giao nhận hồ sơ qua mạng dịch vụ công trực tuyến KBNN: Hồ sơ, chứng từ thực hiện theo quy định của dịch vụ công; thực hiện chữ ký số theo quy định về giao dịch điện tử.

Bước mở tài khoản:

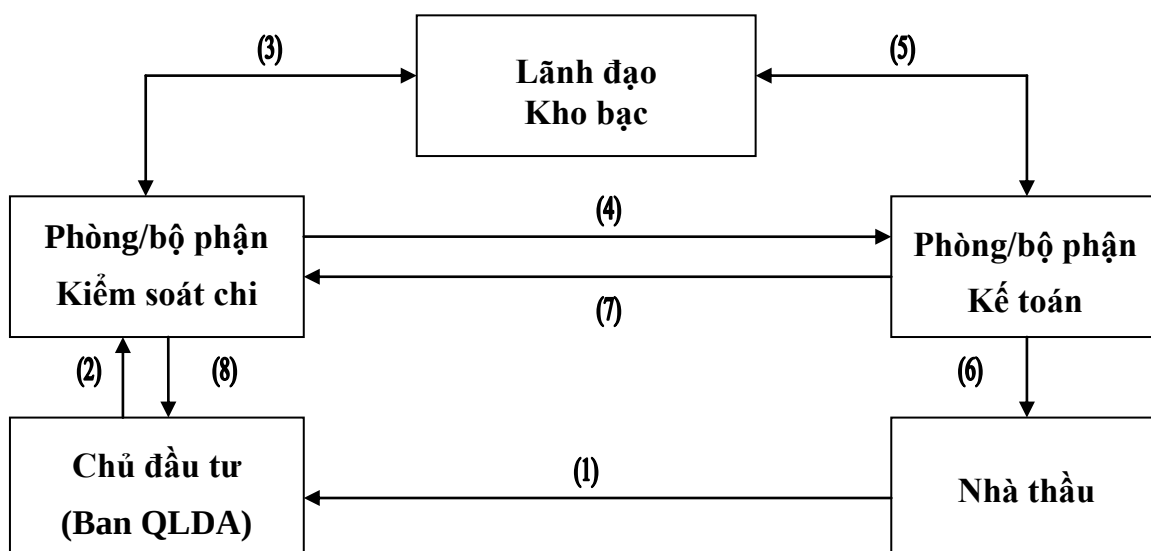
- Để phục vụ cho việc kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của KBNN, các Chủ đầu tư, Ban QLDA phải mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư (tài khoản dự toán) tại KBNN.

Sau khi nhận hồ sơ mở tài khoản, công chức kiểm soát chỉ được giao nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, đối chiếu theo đúng quy định của Bộ Tài chính, làm thủ tục mở tài khoản cho Chủ đầu tư. Sau khi mở tài khoản, phòng/ bộ phận kế toán chuyển lại cho phòng/bộ phận kiểm soát chi 02 Bản đăng ký mở tài khoản và sổ tài khoản; 01 bản phòng/bộ phận kiểm soát chi gửi Chủ đầu tư; 01 Bản lưu hồ sơ để thực hiện kiểm soát chi khi tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư XDCB đối với dự án.

1.2.2. Quy trình quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Quy trình quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB tại KBNN được thực hiện theo nguyên tắc “*một cửa*”, có nghĩa là việc giải quyết công việc từ khâu hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chứng từ và trả kết quả được thực hiện do một công chức kiểm soát chi chịu trách nhiệm. Có thể khái quát quy trình này theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1. Quy trình luân chuyển hồ sơ, chứng từ thanh toán vốn đầu tư tại KBNN Hưng Yên



1.2.2.1. Kiểm soát thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư

1. Hồ sơ làm căn cứ kiểm soát, thanh toán.

a) Hồ sơ pháp lý của dự án

Công chức kiểm soát chi (phòng, bộ phận Kiểm soát chi) tiếp nhận hồ sơ do Chủ đầu tư gửi đến KBNN và chỉ gửi một lần cho cả quá trình thực hiện dự án (trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh), gồm:

- Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư;
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: Phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng (nếu có).

Trường hợp Chủ đầu tư được phép tự thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, hồ sơ có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (nếu chưa quy định trong quyết định đầu tư dự án, ...), dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt, văn bản của Lãnh đạo đơn vị giao cho đơn vị cấp dưới trực tiếp thực hiện hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ.

b) Hồ sơ bổ sung hằng năm:

- Đối với các dự án do Trung ương quản lý: Văn bản giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm của Bộ, ngành Trung ương.
- Đối với các dự án do địa phương quản lý: Văn bản giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW, UBND huyện (sau đây viết tắt là UBND tỉnh, huyện).

Việc nhập kế hoạch vốn đầu tư trên TABMIS được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc và các văn bản hướng dẫn bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế (nếu có).

c) Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án:

Công chức kiểm soát chi nhận hồ sơ, tài liệu do Chủ đầu tư gửi đến và thực hiện kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, sự logic về thời gian giữa các hồ sơ, tài liệu.

Trường hợp phải lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu phải kiểm tra, đối chiếu giữa hợp đồng với Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền đảm bảo tính phù hợp, logic về thời gian, về hình thức hợp đồng (trọn gói, theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, đơn giá kết hợp), giá trị hợp đồng, tên nhà thầu được lựa chọn.

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, công chức kiểm soát chi lập 02 liên phiếu giao nhận hồ sơ với Chủ đầu tư (theo mẫu số 01/KSC kèm theo), có chữ ký của công chức kiểm soát chi và Chủ đầu tư; lưu 01 liên, gửi lại cho Chủ đầu tư 01 liên phiếu giao nhận để cùng theo dõi, phối hợp thực hiện.

2. Tạm ứng vốn:

a) Đối tượng tạm ứng, mức tạm ứng, thu hồi tạm ứng:

Đối tượng tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng và thời điểm thu hồi tạm ứng được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 5, Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn riêng cho từng đối tượng, nguồn vốn (nếu có).

b) Ngoài hồ sơ của dự án theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 08/2016/TT-BTC, công chức kiểm soát chi còn tiếp nhận những hồ sơ đề nghị tạm ứng sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (tạm ứng).
- Giấy rút vốn đầu tư.
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (trừ những trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng theo Điểm b, Khoản 4, Điều 8, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính); Chủ đầu tư gửi KBNN bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư.

3. Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành:

Ngoài tài liệu của dự án theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 08/2016/TT-BTC, công chức kiểm soát chi tiếp nhận các hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành sau:

a) Trường hợp thanh toán cho các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có ký xác nhận, đóng dấu của đại diện nhà thầu và đại diện Chủ đầu tư (Phụ lục số 03.a ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có).

- Giấy rút vốn đầu tư.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, ngoài các hồ sơ nêu trên, công chức kiểm soát còn tiếp nhận các hồ sơ: Dự toán phát sinh và quyết định phê duyệt dự toán của Chủ đầu tư, hoặc của cấp có thẩm quyền, phụ lục bổ sung hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có ký xác nhận, đóng dấu của đại diện nhà thầu và đại diện Chủ đầu tư (Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

b) Trường hợp thanh toán cho các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của Chủ đầu tư), hoặc Bảng kê chứng từ thanh toán (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính) Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến KBNN; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt, và phù hợp với tính chất từng loại công việc.

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có).

- Giấy rút vốn đầu tư.

4. Nội dung kiểm soát, trình tự các bước công việc và thời gian kiểm soát vốn chuẩn bị đầu tư.

4.1. Nội dung kiểm soát:

Căn cứ hồ sơ đã nhận, công chức kiểm soát chỉ thực hiện kiểm soát sự đầy đủ, tính pháp lý của hồ sơ tạm ứng, thanh toán (bao gồm cả việc kiểm tra

mẫu dấu, chữ ký) phù hợp mã đơn vị sử dụng ngân sách, mục lục ngân sách, đầy đủ và thống nhất các chỉ tiêu ghi trên các hồ sơ, chứng từ đề nghị tạm ứng, thanh toán; đồng thời cần tập trung kiểm tra các nội dung sau:

a) Dự án đã được giao kế hoạch vốn năm của cấp có thẩm quyền (theo nguồn vốn, niên độ kế hoạch vốn) và đã được nhập trên TABMIS theo quy định hiện hành, phù hợp với dữ liệu trên TABMIS.

b) Kiểm tra các khoản đề nghị tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng đảm bảo thuộc đối tượng thực hiện cam kết chi thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi theo quy định hiện hành.

c) Đối với hồ sơ đề nghị tạm ứng:

- Kiểm tra, đối chiếu hạng mục, nội dung công việc đề nghị tạm ứng có phù hợp với dự toán, hoặc hợp đồng đã ký.

- Kiểm tra mức vốn đề nghị tạm ứng phù hợp với quy định hiện hành, trong phạm vi kế hoạch vốn năm được giao.

d) Đối với hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành:

- Đối với các công việc thực hiện theo hợp đồng:

- + Kiểm tra, đối chiếu hạng mục, nội dung công việc, khối lượng hoàn thành ghi tại Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán có phù hợp với tên công trình, hạng mục, nội dung công việc hoặc số lượng và danh mục thiết bị nếu có (đối với hợp đồng mua sắm thiết bị) quy định trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có) đã ký; giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán không được vượt giá trị hợp đồng kinh tế đã ký kết, hoặc dự toán được duyệt (trường hợp chỉ định thầu và thanh toán theo dự toán được duyệt hoặc trường hợp tự thực hiện hoặc phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng thanh toán theo dự toán); phù hợp với từng loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng.

- + Đối với hợp đồng theo đơn giá: Thực hiện kiểm tra, xem xét sự phù hợp giữa đơn giá đề nghị thanh toán với đơn giá ghi trong hợp đồng, hoặc dự toán được duyệt nếu hợp đồng quy định thanh toán theo đơn giá trong dự toán được

duyet. Trường hợp đơn giá trong hợp đồng, hoặc dự toán được duyệt là đơn giá chi tiết theo chi phí đầu vào của khối lượng XD CB (đơn giá nguyên vật liệu, chi phí máy móc thi công, chi phí nhân công, ...) thì Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc xác định đơn giá và giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán, KBNN không chịu trách nhiệm và không kiểm tra, xem xét sự phù hợp của đơn giá đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư.

- Đối với các công việc thực hiện không theo hợp đồng:

Kiểm tra nội dung công việc, khối lượng hoàn thành ghi tại Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư để đảm bảo nội dung, khối lượng hoàn thành được thanh toán phù hợp với dự toán chi phí được duyệt.

4.2. Trình tự các bước công việc và thời gian kiểm soát thanh toán:

Bước 1:

Công chức kiểm soát chi thực hiện kiểm soát hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán kiểm tra các nội dung tại Điểm 4.1 nêu trên, đảm bảo tính logic về thời gian và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý tài chính đầu tư XD CB và thực hiện các nội dung công việc sau:

- Xác định và chấp nhận số vốn tạm ứng, thanh toán, số vốn tạm ứng cần phải thu hồi; tên, tài khoản đơn vị được hưởng, ghi đầy đủ các chỉ tiêu (phần ghi của KBNN) và ký vào Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy rút vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có).

- Lập tờ trình lãnh đạo (theo mẫu số 02/KSC), trình Trưởng phòng/Phụ trách bộ phận kiểm soát chi toàn bộ hồ sơ tạm ứng, hoặc thanh toán khối lượng hoàn thành để xem xét, ký, trình Lãnh đạo KBNN phụ trách xem xét, phê duyệt.

Trường hợp thuộc đối tượng phải thực hiện cam kết chi nhưng chưa được Chủ đầu tư thực hiện cam kết chi, công chức kiểm soát chi đề nghị Chủ đầu tư làm thủ tục cam kết chi trước khi tạm ứng, thanh toán (thực hiện theo quy trình về quản lý, kiểm soát cam kết chi).

Trường hợp số vốn chấp nhận thanh toán có sự chênh lệch so với số vốn đề nghị của Chủ đầu tư, công chức kiểm soát chi lập Thông báo kết quả kiểm soát thanh toán (Mẫu số 03/KSC), nêu rõ lý do và báo cáo Trưởng phòng/Phụ

trách bộ phận Kiểm soát chi.

Bước 2:

Trưởng phòng/ Phụ trách bộ phận kiểm soát chi kiểm tra hồ sơ, ký tờ trình lãnh đạo KBNN, và các chứng từ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có) Giấy rút vốn đầu tư; sau đó chuyển lại hồ sơ cho công chức kiểm soát chi để trình lãnh đạo KBNN phụ trách.

Trường hợp Trưởng phòng/Phụ trách bộ phận kiểm soát chi chấp nhận thanh toán số vốn khác so với số vốn công chức kiểm soát chi trình; Trưởng phòng/ bộ phận kiểm soát chi ghi lại số vốn chấp nhận thanh toán trên tờ trình lãnh đạo và yêu cầu công chức kiểm soát chi hoàn thiện lại Thông báo kết quả (theo mẫu số 03/KSC) trình lãnh đạo KBNN ký, gửi Chủ đầu tư.

Bước 3:

Lãnh đạo KBNN phụ trách kiểm soát chi xem xét, ký duyệt tờ trình lãnh đạo của phòng/bộ phận Kiểm soát chi và Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, sau đó chuyển trả hồ sơ cho phòng/bộ phận Kiểm soát chi.

Trường hợp lãnh đạo KBNN yêu cầu làm rõ hồ sơ thanh toán thì phòng/ bộ phận Kiểm soát chi có trách nhiệm giải trình.

Trường hợp lãnh đạo KBNN phê duyệt khác với số vốn đề nghị chấp nhận thanh toán của phòng Kiểm soát chi thì sau khi lãnh đạo trả hồ sơ, công chức kiểm soát chi hoàn thiện lại Thông báo (theo mẫu số 03/KSC) theo ý kiến của lãnh đạo KBNN, báo cáo Trưởng phòng/Phụ trách bộ phận kiểm soát chi trình lãnh đạo KBNN ký gửi Chủ đầu tư về kết quả chấp nhận thanh toán.

(Thời gian thực hiện các bước 1, 2, 3 chậm nhất là 02 ngày làm việc).

Bước 4:

Công chức kiểm soát chi chuyển chứng từ cho phòng/bộ phận Kế toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy rút vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có).

Kế toán viên (KTV) thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ kế toán, hạch toán, ký trên chứng từ giấy, sau đó nhập giao dịch trên hệ thống

và trình Kế toán trưởng (KTT) phê duyệt trên hệ thống TABMIS, đồng thời trình chứng từ giấy báo cáo KTT. KTT kiểm tra và ký chứng từ giấy, phê duyệt giao dịch trên TABMIS, sau đó chuyển chứng từ lại cho KTV để trình lãnh đạo đơn vị KBNN phụ trách kế toán xem xét hồ sơ, ký duyệt chứng từ giấy.

Nếu phát hiện sai sót hoặc chứng từ kế toán không hợp lệ, hợp pháp, Phòng Kế toán thông báo lý do và chuyển trả hồ sơ về phòng/ bộ phận kiểm soát chi để xử lý.

Bước 5:

Lãnh đạo đơn vị KBNN phụ trách kế toán xem xét, ký duyệt Giấy rút vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có) sau đó chuyển trả hồ sơ cho KTV để làm thủ tục chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng theo quy định tại các quy trình thanh toán hiện hành. Trường hợp Lãnh đạo đơn vị KBNN phụ trách kế toán không đồng ý ký duyệt, trả lại hồ sơ, KTV nhận lại hồ sơ và có trách nhiệm báo cáo lại KTT để xử lý.

Phòng/ bộ phận kế toán lưu 01 liên Giấy rút vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có), hồ sơ còn lại chuyển lại phòng/ bộ phận kiểm soát chi để lưu hồ sơ và trả Chủ đầu tư.

Trường hợp Chủ đầu tư lĩnh tiền mặt thì phòng/ bộ phận kế toán thực hiện chi tiền mặt cho đơn vị.

Ngoài quy định về việc ký chứng từ nói trên; tùy điều kiện và tình hình thực tế tại đơn vị, Giám đốc KBNN tỉnh, huyện có thể phân công một đồng chí Lãnh đạo (Giám đốc hoặc Phó giám đốc) ký tất cả các chứng từ thanh toán vốn đầu tư (bao gồm cả giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, giấy rút vốn, ủy nhiệm chi,...).

(Thời gian thực hiện các bước 4, 5 là 01 ngày làm việc).

Tổng thời gian thực hiện kiểm soát chi và chuyển tiền trong nội bộ hệ thống KBNN chậm nhất là 03 ngày làm việc. Đối với hồ sơ, chứng từ do Chủ đầu tư gửi đến sau thời điểm 15 giờ, hoặc chứng từ do phòng, bộ phận kiểm soát chi gửi cho phòng, bộ phận kế toán nhà nước sau thời điểm 15 giờ thì được tính sang ngày hôm sau. Phòng hoặc bộ phận Kế toán Nhà nước, Kiểm soát chi thực

hiện theo dõi việc giao nhận hồ sơ của các đơn vị sử dụng ngân sách, Chủ đầu tư và trả hồ sơ kiểm soát chi theo đúng thời gian quy định.

1.2.2.2. Kiểm soát thanh toán vốn thực hiện đầu tư

1. Hồ sơ làm căn cứ kiểm soát, thanh toán:

1.1. Hồ sơ pháp lý của dự án:

Công chức kiểm soát chi tiếp nhận hồ sơ do Chủ đầu tư gửi đến KBNN và chỉ gửi một lần cho cả quá trình thực hiện dự án (trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh):

a) Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) kèm theo dự án đầu tư xây dựng công trình, hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

b) Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

c) Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có).

Ngoài ra:

- Đối với hợp đồng thi công xây dựng có điều khoản quy định GPMB thì Chủ đầu tư phải gửi kèm kế hoạch tiến độ GPMB theo quy định của hợp đồng (do Chủ đầu tư phối hợp với tổ chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, bồi thường GPMB bằng lập, có chữ ký, đóng dấu của Chủ đầu tư).

- Đối với hợp đồng liên danh các nhà thầu, nếu các điều khoản quy định của hợp đồng chưa phân chia rõ khối lượng, giá trị thực hiện giữa các nhà thầu cũng như tài khoản của nhà thầu thì Chủ đầu tư phải gửi đến KBNN thỏa thuận liên danh hoặc phụ lục hợp đồng có nêu rõ các nội dung trên.

- Đối với hợp đồng có quy định thời hạn có hiệu lực của hợp đồng được tính từ khi nhà thầu có bảo lãnh thực hiện hợp đồng, KBNN yêu cầu Chủ đầu tư gửi Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (bản sao, có đóng dấu xác nhận sao y bản chính của Chủ đầu tư).

d) Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải gửi kèm theo phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án cho Ban QLDA chuyên ngành, khu vực thực hiện quản lý dự án thì hồ sơ bổ sung thêm: Hợp đồng ủy thác quản lý dự án được ký giữa Chủ đầu tư xây dựng công trình và Ban QLDA chuyên ngành, khu vực.

f) Đối với trường hợp dự án, công trình được cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện, công chức kiểm soát chi tiếp nhận hồ sơ, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình. Đối với trường hợp dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, Chủ đầu tư chỉ gửi dự toán và quyết định phê duyệt khi có điều chỉnh dự toán;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa ghi rõ trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Văn bản của Lãnh đạo đơn vị giao cho đơn vị cấp dưới trực tiếp thực hiện hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ.

1.2. Hồ sơ bổ sung hằng năm:

a) Đối với các dự án do Trung ương quản lý: Văn bản giao Kế hoạch vốn đầu tư năm của Bộ, ngành Trung ương.

b) Đối với các dự án do địa phương quản lý: Văn bản giao Kế hoạch vốn đầu tư năm của UBND tỉnh, huyện.

Việc nhập kế hoạch vốn đầu tư trên TABMIS được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính và các

văn bản hướng dẫn bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế (nếu có).

1.3. Kiểm tra hồ sơ dự án:

Công chức kiểm soát chi nhận hồ sơ, tài liệu do Chủ đầu tư gửi đến và thực hiện kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, sự logic về thời gian giữa các hồ sơ, tài liệu.

Trường hợp phải lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu phải kiểm tra, đối chiếu giữa hợp đồng với Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền đảm bảo tính phù hợp, logic về thời gian, về hình thức hợp đồng (trộn gói, theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, đơn giá kết hợp), giá trị hợp đồng, tên nhà thầu được lựa chọn.

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, công chức kiểm soát chi lập 02 liên phiếu giao nhận hồ sơ với Chủ đầu tư (theo mẫu số 01/KSC), có chữ ký của công chức kiểm soát chi và Chủ đầu tư; lưu 01 liên, gửi lại cho Chủ đầu tư 01 liên phiếu giao nhận để cùng theo dõi, phối hợp thực hiện.

Ngoài ra đối với các dự án do Bộ, ngành cơ quan Trung ương quản lý cần kiểm tra, nắm vững các thông tin ghi trên văn bản giao kế hoạch vốn của cấp có thẩm quyền. Trường hợp phát hiện văn bản giao kế hoạch vốn của cấp có thẩm quyền chưa rõ ràng, hoặc còn thiếu thông tin (như tên dự án không phù hợp với quyết định đầu tư dự án, không đúng danh mục dự án được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoặc Bộ Tài chính thông báo, thiếu nơi mở tài khoản của dự án) niên độ kế hoạch vốn (vốn cấp, vốn ứng, kéo dài, thu hồi vốn ứng trước,...), nguồn vốn được giao kế hoạch (vốn NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại,...), KBNN nơi giao dịch được phép từ chối, không nhận hồ sơ và có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền để điều chỉnh bổ sung theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban QLDA chuyên ngành, hoặc Ban QLDA khu vực theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Xây dựng cần kiểm tra, nắm vững các quy định của hợp đồng ủy thác để thực hiện kiểm soát thanh toán vốn cho dự án theo đúng nội

dung quy định của hợp đồng và các nội dung quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư XDCH.

2. Tạm ứng vốn:

a) Đối tượng tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng:

Đối tượng tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng và thời điểm thu hồi tạm ứng được thực hiện theo quy định tại các Khoản 3, 5, Điều 8, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan (nếu có).

b) Hồ sơ tạm ứng:

Ngoài hồ sơ của dự án theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 08/2016/TT-BTC, công chức kiểm soát chi còn tiếp nhận những hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy rút vốn đầu tư;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu, gửi bản sao có đóng dấu xác nhận sao y bản chính của Chủ đầu tư (trừ những trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng theo quy định).

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng đối với các hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Trường hợp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng đã hết hạn mà vẫn chưa thu hồi hết vốn đầu tư đã tạm ứng, KBNN có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu gia hạn thời gian bảo lãnh tạm ứng đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng. Nếu Chủ đầu tư không gia hạn bảo lãnh tạm ứng mà vẫn đề nghị tạm ứng tiếp cho hợp đồng đó (trường hợp chưa tạm ứng đủ theo quy định của hợp đồng) thì KBNN được phép tạm dừng, không tiếp tục tạm ứng cho hợp đồng. Trường hợp đã tạm ứng đủ thì không tiếp tục tạm ứng cho hợp đồng khi có yêu cầu, KBNN có văn bản đơn đốc lần thứ hai sau 01 tháng kể từ khi ban hành văn bản lần một đồng thời theo dõi có biện pháp báo cáo cấp có thẩm quyền để thu hồi tạm ứng đúng quy định.

3. Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành:

Ngoài tài liệu của dự án theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 08/2016/TT-BTC, công chức kiểm soát chi tiếp nhận các hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành sau:

a) Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành được thực hiện theo hợp đồng.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có ký xác nhận, đóng dấu của đại diện Chủ đầu tư và đại diện nhà thầu (Phụ lục số 03.a ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);

- Giấy rút vốn đầu tư.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, ngoài các hồ sơ nói trên, công chức kiểm soát chi tiếp nhận thêm các hồ sơ: (1) Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán phát sinh, phụ lục bổ sung hợp đồng; (2) Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có ký xác nhận, đóng dấu của đại diện Chủ đầu tư và đại diện nhà thầu (Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

Trường hợp khối lượng phát sinh được hình thành gói thầu mới (đối với hợp đồng trọn gói), KBNN thực hiện kiểm soát thanh toán riêng cho gói thầu phát sinh như đối với trường hợp thanh toán theo hợp đồng.

b) Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành được thực hiện không theo hợp đồng:

- Đối với các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng, việc thanh toán căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc, Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của Chủ đầu tư); Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt, phù hợp với tính chất từng loại công việc và không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến KBNN.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

+ Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành, hoặc Bảng kê chứng từ thanh toán;

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

+ Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);

+ Giấy rút vốn đầu tư.

c) Hồ sơ thanh toán khối lượng XD/CB hoàn thành đối với gói thầu thi công xây dựng, gói thầu mua sắm thiết bị của dự án theo hình thức tự thực hiện:

Hồ sơ thanh toán do Chủ đầu tư gửi đến KBNN như đối với thanh toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng xây dựng.

Trường hợp thanh toán khối lượng hoàn thành được thực hiện theo hợp đồng:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có ký xác nhận, đóng dấu của đại diện Chủ đầu tư và đại diện nhà thầu (Phụ lục số 03.a ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC);

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);

- Giấy rút vốn đầu tư.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, ngoài các hồ sơ nói trên, công chức kiểm soát chi tiếp nhận thêm các hồ sơ:

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán phát sinh, phụ lục bổ sung hợp đồng;

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đề nghị thanh toán có ký xác nhận, đóng dấu của đại diện Chủ đầu tư và đại diện nhà thầu (Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

Trường hợp khối lượng phát sinh được hình thành gói thầu mới (đối với hợp đồng trọn gói), KBNN thực hiện kiểm soát thanh toán riêng cho gói thầu phát sinh như đối với trường hợp thanh toán theo hợp đồng.

1.2.2.3. Kiểm soát thanh toán khi dự án, công trình hoàn thành được phê duyệt quyết toán

1. Hồ sơ, tài liệu:

Khi dự án, công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, công chức kiểm soát chi tiếp nhận hồ sơ do Chủ đầu tư gửi đến, gồm:

- Quyết định phê duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành kèm Báo cáo quyết toán dự án, công trình hoàn thành.

2. Kiểm soát thanh toán:

Công chức kiểm soát chi căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành và kế hoạch vốn giao của cấp có thẩm quyền đối với dự án đã được quyết toán thực hiện các công việc như sau:

2.1. Đối với các hạng mục, gói thầu thi công xây dựng, mua sắm thiết bị, tư vấn được thanh toán theo hợp đồng, hoặc theo dự toán chi phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt đã được quyết toán:

a) Trường hợp số vốn quyết toán được duyệt lớn hơn số vốn đã thanh toán:

- Hồ sơ kiểm soát thanh toán do Chủ đầu tư gửi đến KBNN: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có); Giấy rút vốn đầu tư.

- Công chức kiểm soát chi căn cứ vào đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao, các hồ sơ đã gửi trước đây và gửi bổ sung (nếu có) để thực hiện kiểm soát thanh toán tiếp phần chênh lệch giữa số vốn được phê duyệt quyết toán và số vốn đã thanh toán.

(Trình tự các bước được thực hiện theo quy định đối với Hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành)

b) Trường hợp số vốn quyết toán được duyệt nhỏ hơn số vốn đã thanh toán:

Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành; công chức kiểm soát chi dự thảo văn bản đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu thu hồi, nộp NSNN số vốn đã thanh toán cao hơn số vốn được phê duyệt quyết toán, báo cáo Trưởng phòng/ bộ phận kiểm soát chi để trình Lãnh đạo phụ trách ký duyệt, gửi Chủ đầu tư và cấp trên của Chủ đầu tư. Nội dung công văn ghi rõ tên dự án, hạng mục công trình, hợp đồng; số vốn đã tạm

ứng, thanh toán; số vốn theo quyết toán được duyệt; số vốn đề nghị thu hồi nộp NSNN (theo từng cấp ngân sách); thời hạn nộp vào NSNN.

Căn cứ vào chứng từ đã nộp NSNN (do Chủ đầu tư gửi đến), công chức kiểm soát chi dự thảo tờ trình Lãnh đạo, báo cáo Trưởng phòng/ bộ phận kiểm soát chi đề trình Lãnh đạo phụ trách ký duyệt, gửi phòng/ bộ phận kế toán để hạch toán giảm số vốn thanh toán cho dự án.

Trường hợp sau 01 tháng kể từ khi KBNN có văn bản đơn đốc lần 1 Chủ đầu tư, nhà thầu chưa nộp số tiền chênh lệch vào NSNN, công chức kiểm soát chi tiếp tục có văn bản đơn đốc, yêu cầu Chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện. Việc đơn đốc, yêu cầu Chủ đầu tư nộp NSNN sẽ được thực hiện thường xuyên tùy theo tình hình thực tế tại đơn vị.

c) Trường hợp trong cùng một dự án có hạng mục có số vốn quyết toán được duyệt lớn hơn số vốn đã thanh toán, đồng thời có hạng mục có số vốn quyết toán được duyệt nhỏ hơn số vốn đã thanh toán:

- Đối với hạng mục có số vốn quyết toán được duyệt nhỏ hơn số vốn đã thanh toán:

Công chức kiểm soát chi dự thảo tờ trình Lãnh đạo KBNN phụ trách, kèm dự thảo văn bản yêu cầu Chủ đầu tư, Ban QLDA thu hồi lại số vốn đã thanh toán cho nhà thầu, nhà cung cấp cao hơn quyết toán được duyệt, chuyển vào TKTG của Chủ đầu tư mở tại KBNN.

- Đối với hạng mục có số vốn quyết toán được duyệt lớn hơn số vốn đã thanh toán:

Căn cứ vào số dư TKTG (số tiền thu hồi nói trên đã được Chủ đầu tư chuyển vào TKTG), Chủ đầu tư gửi đến KBNN: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có), Ủy nhiệm chi.

Công chức kiểm soát chi thực hiện kiểm soát và làm các thủ tục để thanh toán tiếp cho các hạng mục còn thiếu vốn so với quyết toán được duyệt. *(Trình tự các bước được thực hiện theo quy định đối với Hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành).*

Trường hợp thanh toán theo nguyên tắc nói trên vẫn không đủ nguồn vốn

thanh toán theo quyết toán được duyệt, Chủ đầu tư phải bố trí kế hoạch vốn để thanh toán cho dự án.

2.2. Đối với chi phí quản lý dự án:

a) Trường hợp có đủ hồ sơ, chứng từ chi theo dự toán chi phí QLDA đã được phê duyệt và được Chủ đầu tư gửi hồ sơ theo quy định đề nghị thanh toán chi phí QLDA theo quyết toán dự án, công trình thì KBNN các cấp thực hiện kiểm soát thanh toán trực tiếp từ tài khoản dự toán cho Chủ đầu tư, Ban QLDA.

b) Trường hợp chưa có hồ sơ, chứng từ chi theo dự toán chi phí QLDA đã được phê duyệt thì KBNN các cấp thực hiện kiểm soát, và tạm ứng chi phí QLDA chuyển vào TKTG của Ban QLDA để thanh toán theo đúng dự toán chi phí QLDA được duyệt.

1.3. Tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước

1.3.1. Tiêu chí đánh giá công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước

Quản lý các dự án đầu tư XDCB từ NSNN phải gắn liền với chiến lược đầu tư, nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, địa phương. Đồng thời phải gắn với việc đổi mới kế hoạch hóa đầu tư XDCB, thay thế kế hoạch hóa pháp lệnh bằng kế hoạch định hướng trên cơ sở vận dụng các quy luật phát triển của nền kinh tế thị trường. Vận dụng đúng đắn các quan hệ cung cầu, quan hệ thị trường, gắn tăng trưởng với phát triển bền vững, nâng cao năng lực nội sinh, gắn kinh tế với xã hội, coi trọng lợi ích kinh tế quốc dân gắn với hiệu quả tài chính dự án. Cụ thể gồm một hệ thống các mục tiêu chủ yếu sau:

- Khai thác tối đa vốn NSNN cho đầu tư XDCB. Việc để tỷ lệ chi cũng như quy mô bao nhiêu để đầu tư XDCB trong dự toán là một bài toán khó với nhiều mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa trước mắt và lâu dài, giữa cung và cầu... việc phân bổ lại nguồn vốn đầu tư XDCB cần coi trọng nguyên tắc thị trường để sử dụng có hiệu quả hơn vốn đầu tư XDCB từ NSNN.

- Bố trí vốn đầu tư XDCB hợp lý, điều này đòi hỏi khi tính toán phân khai

ngân sách cho từng dự án, từng lĩnh vực, từng địa phương phải khắc phục những hạn chế, đổi mới cơ cấu phù hợp, không quá tập trung, nhưng không được dàn trải. Khi phân bổ phải xem xét xuất phát từ chủ trương, định hướng, phải phân tích các quan hệ tỷ lệ liên quan đến đầu tư XDCB. Không coi nhẹ giai đoạn nào, các giai đoạn chuẩn bị đầu tư thường triển khai vội vàng thiếu căn cứ khoa học. Khắc phục hạn chế nảy sinh trong thực tế, cơ cấu lại ngân sách theo hướng tăng chi đầu tư phát triển nhưng không làm giảm chi thường xuyên (ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ công, lương công chức công chức giảm), xóa bỏ bao cấp, trợ cấp dành vốn đầu tư chủ yếu cho hạ tầng kinh tế xã hội, tiếp tục phân cấp quản lý đầu tư XDCB để khai thác sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn.

- Quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB từ NSNN phải đúng Luật và chống thất thoát, lãng phí: Vốn cho từng dự án phải kiểm soát chặt chẽ, giải ngân kịp thời đúng chế độ, đúng thời gian quy định, tăng cường kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả. Mặt khác công việc quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCB là rất lớn, phải qua nhiều cơ quan, đơn vị, nhiều khâu và lệ thuộc vào hàng loạt chế độ chính sách quy định của Nhà nước, do đó việc xác định chức năng, nhiệm vụ phải rõ ràng, khoa học, phân công phối hợp chặt chẽ, thống nhất, có nguyên tắc, đúng luật lệ thì mới nâng cao được hiệu quả.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vốn hằng năm trong quản lý dự án đầu tư XDCB. Việc quản lý tốt các dự án đầu tư XDCB sẽ đảm bảo tốt cho hoàn thành kế hoạch vốn. Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vốn được tính theo công thức:

$$\frac{\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vốn}}{\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch vốn}} = \frac{\text{Thực hiện NSNN cho đầu tư XDCB năm}}{\text{Kế hoạch NSNN cho đầu tư XDCB năm}}$$

- Số lượng các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm và tình hình chuyển nguồn vốn sang năm sau: Số lượng dự án kéo dài nhiều năm, giá trị nguồn vốn chuyển sang năm sau càng lớn chứng tỏ công tác quản lý, kiểm soát các dự án không tốt và ngược lại.

- Tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn: Số lượng các dự án hoàn thành nhưng chưa được quyết toán hoặc tắt toán tài khoản do thiếu vốn, số

vốn còn thiếu càng lớn chứng tỏ công tác quản lý, kiểm soát các dự án không tốt và ngược lại.

- Khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin báo cáo của hệ thống phần mềm ứng dụng: Để đáp ứng tốt yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo quản lý các cấp và nhu cầu kiểm soát nghiệp vụ của công chức KBNN, hệ thống phần mềm ứng dụng cần cập nhật đầy đủ các thông tin về dự án từ khi bắt đầu cho đến quá trình phát sinh nghiệp vụ quản lý và kết thúc dự án, từ đó kết xuất hệ thống báo cáo đầy đủ, kịp thời phục vụ công tác quản lý, điều hành.

1.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Như đã phân tích ở trên hoạt động đầu tư XD CB liên quan đến nhiều tổ chức, đơn vị, nhiều cấp, nhiều ngành, cùng tham gia quản lý, thực hiện. Do đó công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XD CB từ NSNN qua KBNN chịu tác động của nhiều nhân tố bao gồm cả nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan.

1.3.2.1. Nhân tố khách quan

Thứ nhất, ổn định kinh tế, kiềm chế lạm phát: Đây có thể nói là căn cứ quan trọng nhất ảnh hưởng tới quá trình kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư. Là điều kiện để xây dựng định mức chi tiêu đảm bảo cân đối thu chi ngân sách, giảm bội chi NSNN.

Thứ hai, pháp luật, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức: Hệ thống pháp luật, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi là căn cứ quan trọng trong việc xây dựng, phân bổ và kiểm soát chi NSNN. Vì vậy nó cần đảm bảo tính chính xác, phù hợp với tình hình thực tế; tính thống nhất giữa các ngành, các địa phương, các đơn vị sử dụng vốn; tính đầy đủ, bao quát được tất cả các nội dung phát sinh.

Thứ ba, điều kiện kinh tế xã hội của quốc gia: Đây là một trong những căn cứ quan trọng ảnh hưởng tới quá trình kiểm soát dự án. Đối với một quốc gia đang phát triển như nước ta, với một nguồn ngân sách hạn hẹp nhưng nhu cầu chi đầu tư để phát triển rất lớn. Vì thế, tình trạng số lượng các dự án cần đầu tư nhiều, nhưng kế hoạch vốn thì hạn hẹp, cơ chế phân bổ lại dàn trải nên dẫn đến nhiều dự án bị kéo dài, thanh toán qua nhiều năm. Đây cũng là một yếu tố

ảnh hưởng ít nhiều tới công tác kiểm soát dự án tại KBNN.

Thứ tư, ý thức chấp hành của chủ đầu tư, ban quản lý dự án: Nếu ý thức chấp hành của chủ đầu tư không cao, thì sẽ dẫn tới những thiếu sót thậm chí là sai phạm trong chi đầu tư. KBNN qua cơ chế quản lý, kiểm soát của mình đã hạn chế những thiếu sót và sai phạm này. Nhưng bên cạnh đó, quan trọng hơn, cần có những biện pháp nhằm nâng cao nhận thức của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vì họ là người chịu trách nhiệm chính trước pháp luật trong việc sử dụng vốn đầu tư.

1.3.2.2. Nhân tố chủ quan

Đây là nhân tố cơ bản, quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư nguồn vốn NSNN qua KBNN.

Thứ nhất, đó là nhân tố về tổ chức cán bộ. Cơ cấu tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XD CB giữa Phòng Kiểm soát chi và KBNN huyện có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác. Tổ chức bộ máy công kênh và việc phân cấp quản lý, kiểm soát không hợp lý sẽ dẫn đến sự lãng phí về nguồn lực con người. Vấn đề tổ chức cán bộ không những thể hiện ở việc tổ chức và sắp xếp cán bộ hiện có để thực thi công vụ mà còn phải tính đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nhận thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp... có như vậy mới nâng cao được nguồn lực con người nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB.

Suy cho cùng vấn đề con người là yếu tố quyết định nhất đối với công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XD CB. Nếu làm tốt yếu tố về con người sẽ phát huy được hiệu quả tối đa trong việc sử dụng lao động, nếu không làm tốt yếu tố này sẽ gây ra sự lãng phí rất lớn về nguồn nhân lực, đồng thời dẫn đến chất lượng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XD CB thấp, vị thế của KBNN giảm sút.

Thứ hai, quy trình nghiệp vụ cũng là yếu tố tác động lớn đến công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB. Quy trình nghiệp vụ khoa học, rõ ràng và cụ thể sẽ giúp cho việc tác nghiệp của công chức gặp nhiều

thuận lợi, hiệu quả và chất lượng công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCCB được nâng cao.

Thứ ba, trang thiết bị, phương tiện làm việc bao gồm cả các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cũng là một yếu tố quan trọng tác động đến công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCCB. Nếu trang thiết bị đầy đủ, nhiều phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại sẽ giúp cho tiết kiệm được thời gian và nâng cao hiệu quả xử lý công việc, đẩy nhanh tốc độ chu chuyển của tiền tệ trong thanh toán và góp phần làm tinh gọn bộ máy quản lý.

1.4. Một số bài học kinh nghiệm có thể áp dụng đối với Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

Bài học kinh nghiệm rút ra qua 20 năm thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư XDCCB nguồn vốn NSNN đó là:

Một là, sự đoàn kết nhất trí trong toàn hệ thống, sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư, sự nỗ lực của toàn hệ thống KBNN chủ động triển khai đồng bộ và có hiệu quả nhiều biện pháp tích cực nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hai là, bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động nghiên cứu hướng dẫn chế độ mới trong lĩnh vực quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư phù hợp với luật, quy định của Nhà nước theo từng thời kỳ; tăng cường nắm bắt tình hình thực tiễn hoạt động, xử lý linh hoạt, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ba là, không ngừng nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo KBNN các cấp như chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác trên cơ sở định hướng của ngành, có kế hoạch triển khai công việc hợp lý. Đồng thời tranh thủ sự lãnh đạo của cấp trên, của cấp uỷ, chính quyền các cấp; sự hỗ trợ hợp tác của các đơn vị trong và ngoài ngành; sự quan tâm động viên kịp thời của lãnh đạo các cấp.

Bốn là, công tác sử dụng và đào tạo cán bộ hợp lý, bố trí đúng người đúng việc, phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức. Coi trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, động

viên khuyến khích công chức nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, coi việc tổ chức học tập chế độ chính sách, cập nhật kiến thức mới là một yêu cầu bắt buộc đối với mỗi công chức, tiến tới tổ chức các buổi học tập như một sinh hoạt thường xuyên trong cơ quan.

Năm là, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan tại địa phương như cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan Xây dựng. Kinh nghiệm thực tế cho thấy những KBNN nào có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại địa phương thì sẽ làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương trong quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư.

Sáu là, định kỳ có tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ đầu tư tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi những vấn đề phát sinh, những vướng mắc cần tháo gỡ từ đó có biện pháp giải quyết kịp thời, hợp lý, đúng chế độ. Phản ánh kịp thời những khó khăn vướng mắc, những nảy sinh trong quá trình quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư, tổ chức tốt công tác thông tin báo cáo.

Bảy là, thường xuyên tổ chức thực hiện công tác tự kiểm tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn các sai sót xảy ra trong quá trình quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư. Thực hiện công khai quy trình, trình tự, thủ tục trong công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư.

Việc tự kiểm tra, rà soát hồ sơ, kiểm tra chéo hồ sơ của công chức kiểm soát chi giúp tránh được nhiều sai phạm và nâng cao được năng lực, trình độ nghiệp vụ của mình. Việc này cần được làm định kỳ hằng tháng. Kết quả của công tác rà soát hồ sơ, kiểm tra chéo hồ sơ của các công chức kiểm soát chi cần được công khai rút kinh nghiệm cho công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HƯNG YÊN

2.1. Tổng quan về Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên*

Ngày 29/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 75/SL thành lập Nha Ngân khố trực thuộc Bộ Tài chính. Đây là mốc son lịch sử đánh dấu sự ra đời của KBNN Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách và đổi mới của Đảng, Chính phủ trong lĩnh vực tài chính tiền tệ thì việc quản lý và điều hành quỹ NSNN là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Chính vì vậy, ngày 04/01/1990 Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 07/HĐBT về việc thành lập hệ thống KBNN trực thuộc Bộ Tài chính để tiếp nhận công tác quản lý quỹ NSNN và các quỹ dự trữ tài chính Nhà nước từ Ngân hàng Nhà nước chuyển sang.

Triển khai Quyết định trên, ngày 02/02/1990 Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 25 TC/QĐ/TCCB về việc thành lập hệ thống KBNN trực thuộc Bộ Tài chính. Theo Quyết định này, hệ thống KBNN được tổ chức từ Trung ương xuống cơ sở bao gồm:

- Trung ương: Cục KBNN trực thuộc Bộ Tài chính;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Chi cục KBNN trực thuộc Cục KBNN;
- Quận, huyện và cấp tương đương: Chi nhánh KBNN trực thuộc Chi cục KBNN.

Căn cứ các Quyết định trên, ngày 21/3/1990 Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 185 TC/QĐ/TCCB thành lập Chi cục KBNN Hải Hưng là đơn vị trực thuộc Cục KBNN từ ngày 01/4/1990.

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX ngày 06/11/1996 về việc chia tỉnh Hải Hưng thành Hải Dương và Hưng Yên, ngày 14/12/1996, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1143/TC-QĐ/TCCB của Bộ Tài chính về việc thành lập Kho bạc Nhà nước Hải Dương và Kho bạc Nhà nước Hưng Yên.

2.1.2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

2.1.2.1. Vị trí, chức năng của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

Trải qua quá trình phát triển, hệ thống KBNN ngày càng ổn định và phát triển về chức năng nhiệm vụ, cơ sở vật chất, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển ngành Tài chính nói riêng và sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nói chung. Tuy nhiên, trong những năm đầu của thế kỷ 21 đã diễn ra hàng loạt những sự kiện liên quan đến công tác quản lý, điều hành nền tài chính quốc gia. Điều đó đòi hỏi chức năng, nhiệm vụ của KBNN phải phù hợp với yêu cầu quản lý tài chính, ngân sách trong tình hình mới. Ngày 13/11/2003 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 235/2003/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN trực thuộc Bộ Tài chính.

Sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước đòi hỏi phải thay đổi chức năng, nhiệm vụ của KBNN phù hợp với điều kiện thực tế, ngày 26/8/2009 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 108/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN, ngày 11/02/2010, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 362/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 08/7/2015 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN trực thuộc Bộ Tài chính; ngày 15/7/2015 Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1399/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; để thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1618/QĐ-BTC ngày 22/8/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

KBNN Hưng Yên là đơn vị trực thuộc KBNN: Thực hiện chức năng quản lý quỹ ngân sách Nhà nước, các quỹ dự trữ tài chính Nhà nước; chức năng Tín dụng Nhà nước (trước đây); chức năng tổng kế toán Nhà nước; chức năng quản lý ngân quỹ Kho bạc Nhà nước và các nhiệm vụ có liên quan.

KBNN Hưng Yên có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại các Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh trên địa bàn để thực hiện giao dịch, thanh toán theo quy định của pháp luật, có trụ sở tại Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Hiến Nam, Thành phố Hưng Yên.

2.1.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

- Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý của KBNN cấp tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt và hướng dẫn của KBNN.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý của KBNN trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, kiểm tra các KBNN ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là KBNN cấp huyện) thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chế độ quy định.

- Quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính nhà nước theo quy định của pháp luật:

- + Tập trung và phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu NSNN; tổ chức thực hiện việc thu nộp vào quỹ NSNN các khoản tiền do các tổ chức và cá nhân nộp tại KBNN cấp tỉnh; thực hiện điều tiết các khoản thu cho các cấp ngân sách theo quy định của pháp luật;

- + Thực hiện kiểm soát, thanh toán, chi trả các khoản chi NSNN và các nguồn vốn khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- + Quản lý các tài sản quốc gia quý hiếm theo quyết định của cấp có thẩm quyền; quản lý tiền, tài sản, ấn chỉ đặc biệt, các loại chứng chỉ có giá của Nhà nước và của các đơn vị, cá nhân gửi tại KBNN cấp tỉnh.

- Thực hiện giao dịch thu, chi tiền mặt; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn kho, quỹ tại KBNN cấp tỉnh.

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán NSNN:

- + Hạch toán kế toán về thu, chi NSNN, các quỹ tài chính do KBNN cấp tỉnh quản lý, các khoản vay nợ, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương và các hoạt động nghiệp vụ kho bạc tại KBNN cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

- + Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi NSNN cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ Tổng kế toán Nhà nước theo quy định của pháp luật:

- + Tiếp nhận thông tin báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc khu vực kế toán nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

- + Tổ chức tổng hợp thông tin tài chính nhà nước trên địa bàn về tình hình tài sản nhà nước; nguồn lực và nghĩa vụ của Nhà nước; tình hình hoạt động, kết quả thu, chi NSNN; vốn nhà nước tại các doanh nghiệp và các tài sản, nguồn lực, nghĩa vụ khác của Nhà nước;

- + Lập báo cáo tài chính nhà nước của chính quyền địa phương, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công tác thống kê về thu, chi NSNN và các quỹ tài chính do KBNN cấp tỉnh quản lý, các khoản vay nợ, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương theo quy định; xác nhận số liệu thu, chi NSNN qua KBNN cấp tỉnh.

- Tổng hợp, đối chiếu tình hình thực hiện các hoạt động nghiệp vụ phát sinh tại KBNN cấp tỉnh.

- Quản lý ngân quỹ nhà nước tại KBNN cấp tỉnh theo chế độ quy định:

- + Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản và thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản đối với các tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch với KBNN cấp tỉnh;

- + Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản của KBNN cấp tỉnh tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ngân hàng

thương mại trên cùng địa bàn theo chế độ quy định để thực hiện các nghiệp vụ thu, chi, thanh toán của KBNN theo quy định của pháp luật;

- + Tổ chức thanh toán, đối chiếu, quyết toán thanh toán liên kho bạc theo quy định của pháp luật;

- + Tổ chức thực hiện việc phát hành và thanh toán trái phiếu Chính phủ tại KBNN cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thanh tra chuyên ngành; kiểm tra hoạt động KBNN trên địa bàn; thực hiện công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý của KBNN.

- Tổ chức quản lý và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại KBNN cấp tỉnh; quản trị cơ sở dữ liệu và các ứng dụng hợp nhất của Bộ Tài chính đặt tại KBNN cấp tỉnh.

- Quản lý bộ máy, biên chế, công chức: Thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, thi đua khen thưởng, bổ nhiệm, quy hoạch, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng công chức và hợp đồng lao động thuộc phạm vi quản lý của KBNN cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính và KBNN.

- Quản lý và thực hiện công tác hành chính, quản trị, tài vụ, xây dựng cơ bản nội bộ theo quy định của KBNN, của Bộ Tài chính và của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện chương trình hiện đại hoá hoạt động KBNN; cải cách hành chính theo mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, công khai hoá thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ và cung cấp thông tin để tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có quan hệ giao dịch với KBNN cấp tỉnh.

- Tổ chức và quản lý các điểm giao dịch thuộc KBNN cấp tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc KBNN giao.

- KBNN cấp tỉnh có quyền:

- + Trích tài khoản tiền gửi của tổ chức, cá nhân để nộp NSNN hoặc áp dụng các biện pháp hành chính khác để thu cho NSNN theo quy định của pháp luật;

+ Được từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

+ Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KBNN theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

- KBNN là cơ quan hành chính trực thuộc Bộ Tài chính được tổ chức theo hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương gồm 3 cấp:

+ Cấp Trung ương;

+ Cấp tỉnh;

+ Cấp huyện.

- Tại KBNN tỉnh có Giám đốc và các Phó Giám đốc:

+ Giám đốc do Tổng Giám đốc KBNN bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo quy định của pháp luật.

+ Giám đốc KBNN cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc KBNN và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của KBNN trên địa bàn tỉnh, thành phố.

+ Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

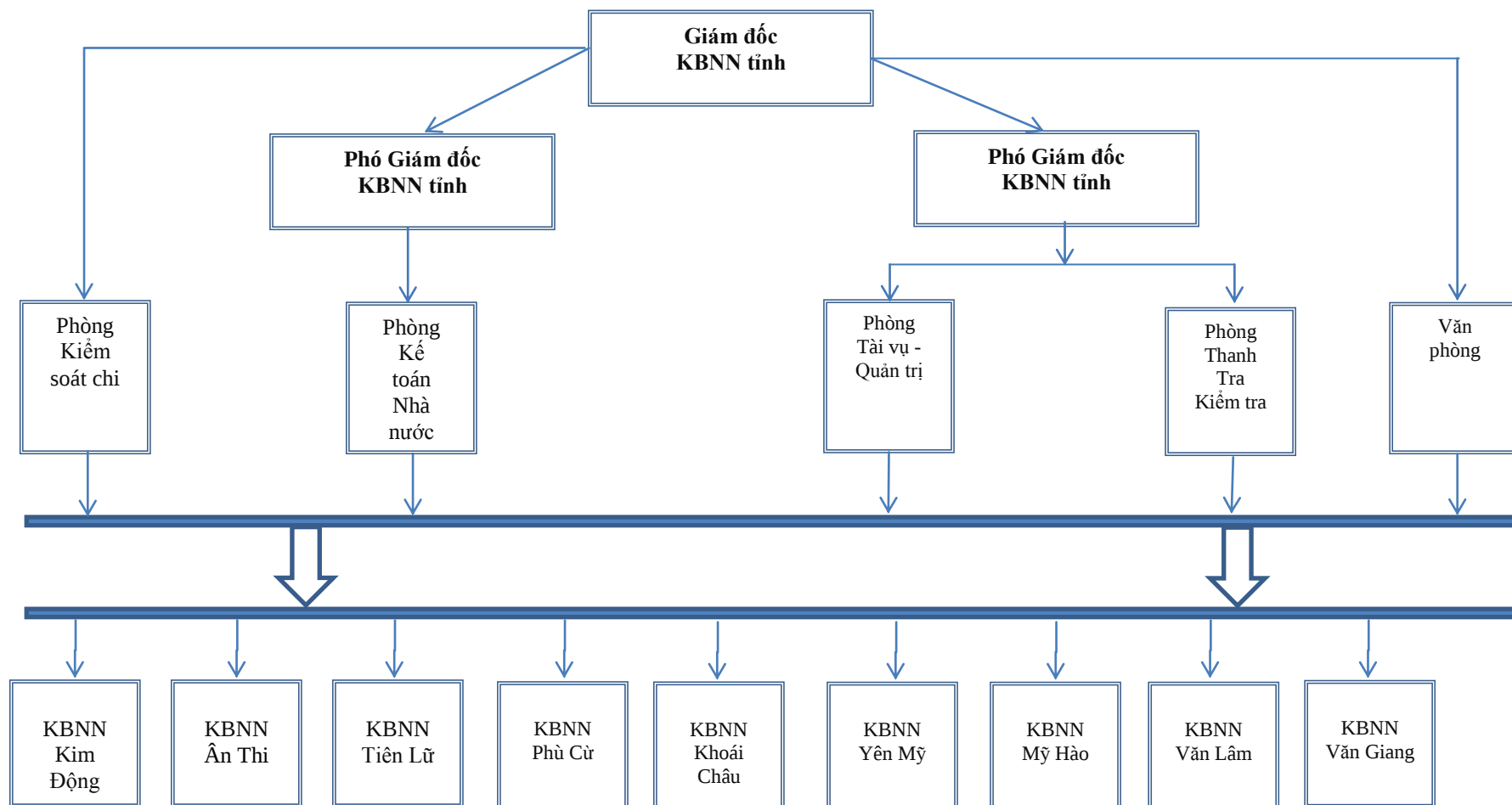
- Bộ máy giúp việc Giám đốc KBNN tỉnh:

+ Tại KBNN tỉnh: Có 02 Phó Giám đốc và các đơn vị:

1. Phòng Kế toán nhà nước;
2. Phòng Kiểm soát chi;
3. Phòng Thanh tra - Kiểm tra;
4. Phòng Tài vụ - Quản trị;
5. Văn phòng.

+ Tại KBNN các huyện, thị xã: Có Giám đốc và 01 Phó Giám đốc; KBNN huyện tổ chức làm việc theo chế độ chuyên viên.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUNG YÊN
(Theo Quyết định số 1618/QĐ-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính)



Hình 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

2.1.4. Quy mô giao dịch của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

KBNN Hưng Yên có quan hệ công tác thường xuyên với các đơn vị trên địa bàn như: Cục thuế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch đầu tư, Chi cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại, các đơn vị sử dụng ngân sách,... Đây là các mối quan hệ tác nghiệp, phối hợp giải quyết để đảm bảo công tác hạch toán thu chi NSNN trên địa bàn được tổ chức thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng chế độ quy định. Số lượng đơn vị sử dụng kinh phí từ NSNN có quan hệ giao dịch với KBNN Hưng Yên là khá lớn (Bảng 2.1).

Bảng 2.1. Số lượng đơn vị giao dịch và số lượng tài khoản của các đơn vị giao dịch với KBNN Hưng Yên

Chỉ tiêu Năm	Đơn vị giao dịch	Trong đó		Tài khoản	Trong đó	
		Văn phòng KBNN tỉnh	Các đơn vị trực thuộc		Văn phòng KBNN tỉnh	Các đơn vị trực thuộc
2014	1.165	163	1.002	8.056	1.642	6.414
2015	1.187	167	1.020	8.102	1.656	6.446
2016	1.223	185	1.038	8.882	1.872	7.010
2017	1.246	192	1.054	9.701	2.110	7.591
2018	1.091	221	870	9.332	2.150	7.182

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

2.1.5. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

Với chức năng quản lý quỹ NSNN, KBNN Hưng Yên đã tổ chức tốt các hoạt động tập trung nguồn thu NSNN trên địa bàn, đồng thời tổ chức kiểm soát thanh toán, chi trả các nhu cầu chi tiêu của các đơn vị giao dịch sử dụng NSNN trên địa bàn, đảm bảo ổn định cân đối ngân sách ở các cấp.

Tỉnh Hưng Yên có số chi ngân sách khá lớn và những năm gần đây tiếp tục tăng cường thực hiện tiết kiệm chi theo các văn bản hướng dẫn nhà nước, mọi khoản chi đều được kiểm soát nghiêm túc và chặt chẽ, đảm bảo được kiểm tra kiểm soát trước, trong và sau khi chi; các đơn vị KBNN luôn kịp thời phát hiện và trả lại hồ sơ không đủ điều kiện thanh toán cho đơn vị giao dịch, tránh

thất thoát lãng phí, nâng cao chất lượng, hiệu quả chi NSNN.

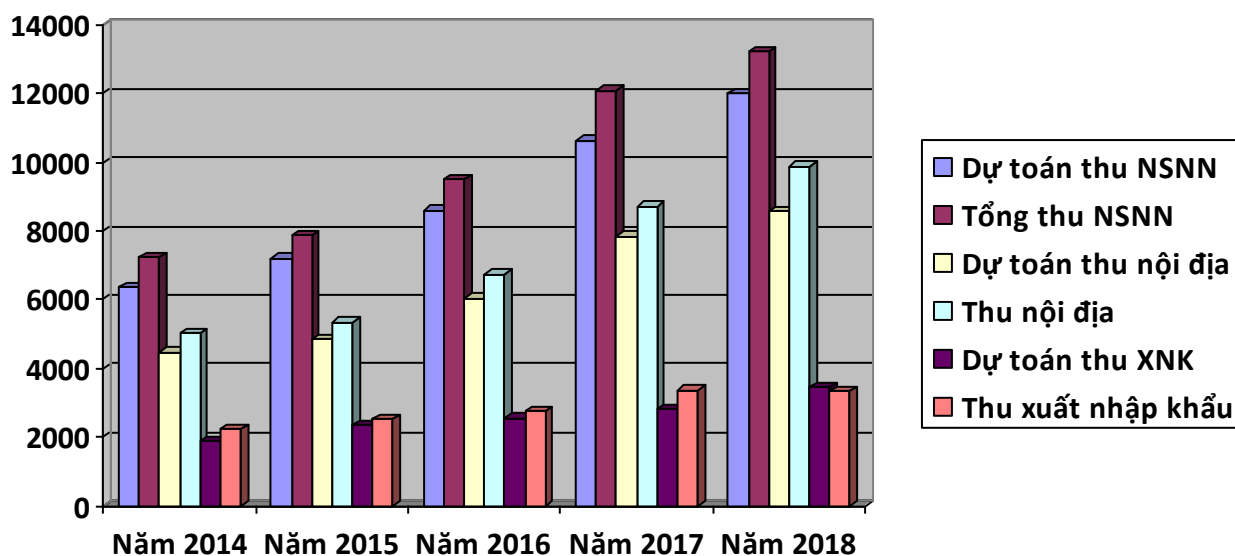
Thu ngân sách tại tỉnh Hưng Yên tăng trưởng khá ổn định, hằng năm số thu đều vượt kế hoạch so với dự toán được giao. Các cơ quan chức năng tỉnh Hưng Yên đã tổ chức tốt công tác thu NSNN, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, các đối tượng nộp thuế hoạt động đa ngành nghề tạo nên nguồn thu ổn định cho tỉnh, đảm bảo nhu cầu chi tiêu cho hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển của tỉnh. Từ năm 2017 đến nay, tỉnh Hưng Yên tự cân đối ngân sách, không phải nhận khoản thu trợ cấp cân đối từ Ngân sách Trung ương.

Bảng 2.2. Tình hình thu NSNN tại tỉnh Hưng Yên

Đơn vị tính: tỷ đồng

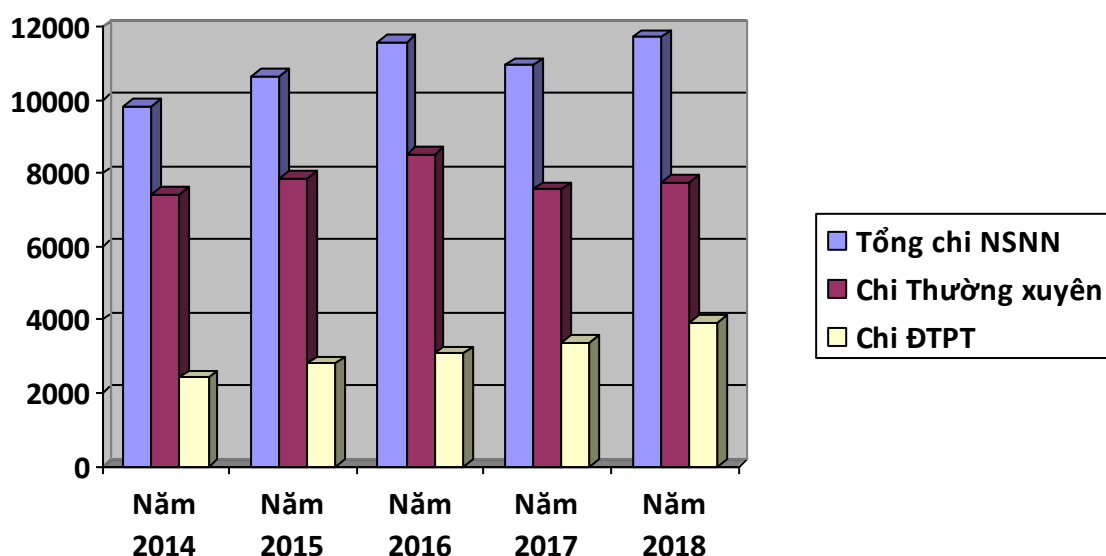
Nội dung Năm	Tổng thu NSNN			Trong đó					
				Thu nội địa			Thu xuất nhập khẩu		
	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ
Năm 2014	6.350	7.225	114%	4.472	5.011	112%	1.878	2.214	118%
Năm 2015	7.200	7.864	109%	4.850	5.346	110%	2.350	2.518	107%
Năm 2016	8.594	9.503	111%	6.044	6.752	112%	2.550	2.751	108%
Năm 2017	10.650	12.079	113%	7.850	8.703	111%	2.800	3.376	121%
Năm 2018	12.005	13.229	110%	8.565	9.888	115%	3.440	3.341	97%

(Nguồn: Báo cáo thu NSNN các năm 2014-2018 của KBNN Hưng Yên)



Bảng 2.3. Cơ cấu chi NSNN tại tỉnh Hưng Yên*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Nội dung \ Năm	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2018/2014
Tổng chi NSNN	9.843	10.643	11.573	10.946	11.713	118,9%
<u>Trong đó:</u>						
Chi thường xuyên	7.421	7.845	8.502	7.559	7.756	104,5%
Chi ĐTPT	2.417	2.793	3.067	3.385	3.919	162,1%

(Nguồn: Báo cáo quyết toán chi NSNN các năm 2014-2018 của KBNN Hưng Yên)

Trong những năm 2014-2018 số chi NSNN ổn định nhưng cơ cấu nội dung tính chất chi biến động ở từng lĩnh vực, từng mục chi cụ thể:

Đối với chi thường xuyên: Chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng chi NSNN, khoản chi này gắn liền với việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của chính quyền các cấp, đóng vai trò quan trọng của bộ máy quản lý Nhà nước. Nó mang tính chất tương đối ổn định và là một sự đòi hỏi tất yếu; số chi năm sau cao hơn năm trước với tỷ lệ tăng ít. Các khoản chi thường xuyên hằng năm trong 5 năm qua chiếm từ 66% - 75% so với tổng chi NSNN.

Đối với chi ĐTPT: Trong những năm 2014-2018 biến động tương đối theo hướng tỷ trọng chi ĐTPT tăng dần qua các năm và chiếm tỷ lệ từ 25% - 33% tổng chi NSNN, tỉnh Hưng Yên là tỉnh có ngành công nghiệp phát triển, có tốc độ đô thị hóa nhanh, chi ĐTPT chủ yếu phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng như đường xá, cầu cống, điện lưới, trường học, xây dựng nông thôn mới.

2.2. Thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

2.2.1. Công tác kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên giai đoạn 2014-2018

Trong những năm qua, công tác đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được quan tâm, chủ trương của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh là phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng cơ bản. Chi ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi NSNN trên địa bàn và có xu hướng ngày càng tăng.

Hằng năm trung bình có khoảng trên 2.000 dự án, công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách có phát sinh các khoản chi được kiểm soát thanh toán qua KBNN Hưng Yên. Nhiều công trình quan trọng đã được hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bảng 2.4. Số lượng dự án đầu tư nguồn vốn NSNN tại tỉnh Hưng Yên

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
- Tổng số dự án	5.059	5.306	5.443	6.208	3.492
+ NS Trung ương	51	57	58	71	62
+ NS tỉnh	450	555	694	926	469
+ NS huyện	1.865	1.973	1.970	1.961	1.026
+ NS xã	2.693	2.721	2.721	3.250	1.935

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn thách thức, năm 2018 sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đạt được kết quả chủ yếu sau:

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 9,64%;
2. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 10,58%; Công nghiệp và xây dựng 51,56%; Thương mại, dịch vụ 37,86%;
3. Tổng sản phẩm bình quân đầu người 55,3 triệu đồng;
4. Tổng vốn đầu tư phát triển đạt 31.548 tỷ đồng, tăng 11,08% so với năm 2017;
5. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 13.168 tỷ đồng, đạt 110% dự toán HĐND giao, tăng 1.153 tỷ đồng, tương đương 9,6% so với năm 2017. Trong đó: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 3.341 tỷ đồng, đạt 97% dự toán; thu nội địa là 9.827 tỷ đồng, đạt 115% dự toán HĐND giao, tăng 1.188 tỷ đồng, tương đương 14% so với năm 2017.

Về công nghiệp: Phát triển công nghiệp là một trong những định hướng ưu tiên để thực hiện đường lối phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều khu công nghiệp được đầu tư và khai thác sử dụng như khu công nghiệp Phố Nối A, Phố Nối B, khu công nghiệp Thăng Long II,... thu hút vốn đầu tư của nhiều doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Sản xuất công nghiệp tiếp tục được duy trì tốc độ tăng khá, trong đó số lượng doanh nghiệp đăng ký mới và đi vào hoạt động tiếp tục tăng, nhiều doanh nghiệp mới đi vào hoạt động có quy mô lớn đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển ngành công nghiệp của tỉnh.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm xuống; công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ có xu hướng tăng lên. Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với chính sách phát triển kinh tế của tỉnh trong thời gian vừa qua, đó là phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; tập trung đầu tư

xây dựng, tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp và dịch vụ; coi trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm những lĩnh vực có lợi thế, có giá trị tăng cao, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Về nông nghiệp, thủy lợi: Nhiều tuyến đê đã được bê tông hóa trở thành đường giao thông thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Sản xuất nông nghiệp có nhiều thuận lợi, năng suất hầu hết các loại cây trồng, vật nuôi hằng năm đều tăng. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hằng năm tăng bình quân 3,50% so với năm trước.

Hoạt động đầu tư, xây dựng: Hoạt động xây dựng được tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển mạnh. Nhiều dự án đầu tư bất động sản, công trình giao thông trọng điểm, cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị mới được xây dựng. Năm 2018, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đạt 31.547.880 triệu đồng, tăng 11,08% so với năm 2017. Phân theo nguồn vốn: Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước đạt 2.373.736 triệu đồng, tăng 13,43%; vốn trái phiếu Chính phủ 1.105.689 triệu đồng, tăng 1,47%; vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước 776.988 triệu đồng, tăng 2,17%; vốn vay từ các nguồn khác 179.321 triệu đồng, giảm 3,76%; vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước (vốn tự có) 50.812 triệu đồng, giảm 17,29%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 16.682.049 triệu đồng, tăng 10,57%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 9.896.818 triệu đồng, tăng 14,66%; vốn huy động khác 482.467 triệu đồng, giảm 2,05%.

Năm 2018, vốn đầu tư ngân sách địa phương đạt 2.164.566 triệu đồng, tăng 14,33% so với năm 2017. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 958.572 triệu đồng, tăng 1,56%; vốn ngân sách cấp huyện 605.808 triệu đồng, tăng 26,23%; vốn ngân sách cấp xã 600.186 triệu đồng, tăng 27,84%.

Tuy vậy công tác đầu tư trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế như chính sách thu hút đầu tư, công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, công tác đền bù

giải phóng mặt bằng... còn gặp nhiều khó khăn, bất cập. Việc phân bổ nguồn lực đầu tư chưa tạo sự đột phá, phân bổ vốn đầu tư còn dàn trải, chưa thực sự tạo ra môi trường thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư. Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hằng năm và số lượng dự án lớn, đòi hỏi phải có một cơ chế quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư chặt chẽ nhưng phải thông thoáng, gắn kết hơn giữa những cơ quan quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn thì nguồn vốn đầu tư mới sớm phát huy tác dụng.

Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn lớn, tăng nhanh hằng năm nhưng qua công tác kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư cho thấy tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn vẫn còn khá lớn ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội; công tác quản lý dự án đầu tư còn những tồn tại, hạn chế nhất định.

2.2.2. Nguyên tắc kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

Một là, chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) được mở tài khoản thanh toán các dự án đầu tư tại đơn vị KBNN thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán của KBNN và thuận tiện cho công tác giao dịch của chủ đầu tư. Thủ tục mở tài khoản được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và hướng dẫn của KBNN.

Hai là, thực hiện kiểm soát thanh toán trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn bổ sung, sửa đổi; KBNN không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán của chủ đầu tư.

Cán bộ kiểm soát chi thuộc Phòng Kiểm soát chi KBNN Hưng Yên tiếp nhận hồ sơ, chứng từ do chủ đầu tư gửi đến trực tiếp hoặc gửi qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến; thực hiện kiểm soát tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành theo quy định về quản lý tài chính, quản lý đầu tư XD CB hiện hành.

Ba là, được phép tạm dừng thanh toán các dự án và phối hợp với chủ đầu tư, các cơ quan có liên quan thu hồi số vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng, trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước, đồng thời báo cáo UBND đồng cấp và KBNN cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý. Trường hợp phát hiện quyết định của cấp có thẩm quyền liên quan đến chi đầu tư trái với quy định hiện hành, KBNN phải có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời gian quy định mà không được trả lời hoặc được trả lời mà thấy chưa phù hợp với quy định phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cấp trên và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.

Bốn là, số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã được cấp có thẩm quyền bố trí cho dự án. Số vốn thanh toán (bao gồm vốn tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt giá trị hợp đồng, hoặc dự toán chi phí được duyệt; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng nguồn vốn (bao gồm cả bổ sung, điều chỉnh nếu có) và không vượt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn.

Năm là, thực hiện quản lý, kiểm soát cam kết chi đối với các khoản chi của NSNN theo quy định tại Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách qua Kho bạc Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

2.2.3. Phương thức kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

2.2.3.1. Kiểm soát hồ sơ ban đầu

Tuỳ theo từng giai đoạn đầu tư, tài liệu do chủ đầu tư gửi đến KBNN và chỉ gửi một lần cho cả quá trình thực hiện dự án (trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh) được quy định cho phù hợp như: Hồ sơ mở tài khoản; Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi

phí cho công tác chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc công tác chuẩn bị đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Riêng đối với trường hợp tự thực hiện: Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền); Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có); văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ; Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán gói thầu của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thanh toán hợp đồng theo đơn giá.

Riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tài liệu bổ sung hằng năm: Kế hoạch vốn đầu tư hằng năm của dự án do Ủy ban nhân dân các cấp thông báo.

Khi nhận được các tài liệu trên, KBNN thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của tài liệu, trả lời cho chủ đầu tư và yêu cầu một lần những nội dung cần phải bổ sung, hoàn thiện.

2.2.3.2. Kiểm soát từng lần tạm ứng, thanh toán

Mỗi lần tạm ứng hoặc thanh toán, chủ đầu tư phải gửi đến KBNN các hồ sơ, chứng từ phù hợp với từng nội dung chi phí như: Chi phí xây dựng; chi phí khảo sát, thiết kế; chi phí đền bù; chi phí thiết bị; chi ban quản lý dự án,...

Đối với trường hợp tạm ứng: Ngoài các hồ sơ ban đầu, để được tạm ứng, chủ đầu tư còn phải gửi đến KBNN: Giấy đề nghị tạm ứng vốn đầu tư; Giấy rút

vốn đầu tư; Bảo lãnh tạm ứng đối với trường hợp bắt buộc phải có theo quy định. KBNN kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ chứng từ, mức đề nghị theo tỷ lệ tạm ứng quy định của từng loại vốn nếu đủ điều kiện thì làm thủ tục chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng.

Đối với trường hợp thanh toán: Ngoài các hồ sơ ban đầu, mỗi lần thanh toán, chủ đầu tư còn phải gửi KBNN các tài liệu: Bảng xác định giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán; Bảng kê thanh toán (đối với trường hợp tự làm); Giấy rút vốn đầu tư; Giấy đề nghị thanh toán các dự án đầu tư đối với trường hợp (thanh toán KLHT hoặc thanh toán tạm ứng) vốn đầu tư.

Khi nhận được các hồ sơ, chứng từ của chủ đầu tư gửi đến, KBNN tiến hành kiểm tra, kiểm soát theo các nội dung phù hợp với từng hình thức thanh toán. Trong khoảng thời gian tối đa quy định cho từng loại công việc; căn cứ vào hồ sơ đã nhận, cán bộ kiểm soát chỉ thực hiện kiểm soát sự đầy đủ, tính pháp lý của hồ sơ tạm ứng, thanh toán (bao gồm cả việc kiểm tra mẫu dấu, chữ ký) phù hợp mã dự án, mục lục ngân sách; đảm bảo đầy đủ và thống nhất giữa các chỉ tiêu ghi trên các hồ sơ, chứng từ đề nghị tạm ứng, thanh toán; đồng thời cần tập trung kiểm tra các nội dung sau:

- Dự án đã được giao kế hoạch vốn năm của cấp có thẩm quyền (theo nguồn vốn, niên độ kế hoạch) nằm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn và đã được nhập trên TABMIS theo quy định hiện hành, phù hợp với dữ liệu trên TABMIS.

- Kiểm tra các khoản đề nghị tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng đảm bảo thuộc đối tượng thực hiện cam kết chi thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi theo quy định hiện hành.

- Đối với hồ sơ đề nghị tạm ứng: Kiểm tra, đối chiếu hạng mục, nội dung công việc đề nghị tạm ứng phù hợp với dự toán, hoặc hợp đồng đã ký; Kiểm tra mức vốn đề nghị tạm ứng phù hợp với quy định hiện hành, trong phạm vi kế hoạch vốn năm được giao.

- Đối với hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành:

+ Đối với các công việc thực hiện theo hợp đồng:

Kiểm tra, đối chiếu hạng mục, nội dung công việc, khối lượng hoàn thành ghi tại Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng đề nghị thanh toán có phù hợp với tên công trình, hạng mục, nội dung công việc hoặc số lượng và danh mục thiết bị nếu có (đối với hợp đồng mua sắm thiết bị) quy định trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có) đã ký; giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán không được vượt giá trị hợp đồng kinh tế đã ký kết, hoặc dự toán được duyệt (trường hợp chỉ định thầu và thanh toán theo dự toán được duyệt hoặc trường hợp tự thực hiện hoặc phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng thanh toán theo dự toán); phù hợp với từng loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng.

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá:

Thực hiện kiểm tra, xem xét sự phù hợp giữa đơn giá đề nghị thanh toán với đơn giá ghi trong hợp đồng, hoặc dự toán được duyệt nếu hợp đồng quy định thanh toán theo đơn giá trong dự toán được duyệt. Trường hợp đơn giá trong hợp đồng, hoặc dự toán được duyệt là đơn giá chi tiết theo chi phí đầu vào của khối lượng XD CB (đơn giá nguyên vật liệu, chi phí máy móc thi công, chi phí nhân công, ...) thì chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc xác định đơn giá và giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán, KBNN không chịu trách nhiệm và không kiểm tra, xem xét sự phù hợp của đơn giá đề nghị thanh toán của chủ đầu tư.

+ Đối với các công việc thực hiện không theo hợp đồng:

Kiểm tra nội dung công việc, khối lượng hoàn thành ghi tại Giấy đề nghị thanh toán các dự án đầu tư để đảm bảo nội dung, khối lượng hoàn thành được thanh toán phù hợp với dự toán chi phí được duyệt.

+ Đối với ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực quản lý nhiều dự án, định kỳ 6 tháng và hết năm kế hoạch, chủ đầu tư phân bổ chi phí quản lý dự án

(khối lượng công việc hoàn thành theo dự toán) cho từng dự án gửi KBNN làm thủ tục thu hồi vốn tạm ứng.

+ Đối với trường hợp ủy thác quản lý dự án:

Trong trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực, việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của hợp đồng ủy thác. Chủ đầu tư và bên được ủy thác có trách nhiệm quy định cụ thể phạm vi ủy thác trong hợp đồng.

Trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác toàn bộ cho ban quản lý dự án chuyên ngành, ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án (bao gồm cả việc rút dự toán và giao dịch với cơ quan kiểm soát thanh toán), thì ngoài nội dung công việc ủy thác, chủ đầu tư phải ủy quyền chủ tài khoản cho bên nhận ủy thác và nội dung trên phải được quy định cụ thể trong hợp đồng.

2.2.3.3. Kiểm soát khi quyết toán

Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, KBNN căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch vốn được giao trong năm của dự án để kiểm soát thanh toán cho dự án.

Hồ sơ, tài liệu thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

2.2.4. Kết quả kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

Qua công tác kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN, hệ thống KBNN Hưng Yên đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát và thanh toán theo đúng chế độ quy định; các khoản chi đều được kiểm tra, kiểm soát, xác định chính xác số được thanh toán.

Từ đó, đã góp phần hạn chế những thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của NSNN. Đồng thời qua đó cùng với các cấp, các

ngành tạo lập, củng cố kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành chế độ quy định trong lĩnh vực quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Kết quả trong giai đoạn 2014-2018 KBNN Hưng Yên đã phát hiện và từ chối thanh toán nhiều trường hợp chi không đúng chế độ hoặc khối lượng không có trong dự toán, giá trúng thầu được duyệt.

Bảng 2.5. Kết quả kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước tại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2014-2018

Nội dung \ Năm	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
- Tổng số dự án	5.059	5.306	5.443	6.208	3.492
- Từ chối thanh toán:					
+ Số lượt đơn vị	460	651	696	573	569
+ Số tiền (tỷ đồng)	48,1	65,3	52,4	101	4,2

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

2.3. Đánh giá công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

2.3.1. Ưu điểm

Thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành và địa phương, KBNN Hưng Yên đã chủ động có văn bản hướng dẫn các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách trong việc thực hiện thanh toán kế hoạch vốn (dự toán) hằng năm, tích cực hướng dẫn, giải thích để tạo sự đồng thuận của các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan trong thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách để nắm bắt, tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình kiểm soát thanh toán; tranh thủ sự chỉ đạo của UBND tỉnh, kịp thời báo cáo KBNN những vấn đề vượt thẩm quyền để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính; không gây khó khăn đối với các đơn vị sử dụng ngân sách.

Chủ động rà soát, đối chiếu, cung cấp số liệu phục vụ cho việc quản lý, điều hành ngân sách, quyết liệt trong việc đôn đốc chủ đầu tư, các đơn vị sử

dụng ngân sách thu hồi số vốn đã tạm ứng, tăng cường phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tránh thất thoát trong việc quản lý, sử dụng vốn.

Tích cực nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các văn bản dự thảo của các Bộ, ngành và địa phương; kịp thời giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn xử lý nghiệp vụ khi chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách có yêu cầu; tăng cường công tác tự kiểm tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghiệp vụ nhằm đảm bảo chấp hành tốt các quy định của nhà nước trong lĩnh vực được giao quản lý.

Chủ động rà soát, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư trong việc quyết toán dự án công trình hoàn thành, đồng thời tổng hợp số liệu về tình hình tất toán tài khoản các dự án đầu tư trong toàn tỉnh để phân tích, đánh giá chi tiết nguyên nhân và biện pháp xử lý đối với từng trường hợp cụ thể. Trên cơ sở đó tham mưu đề UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo các đơn vị trong việc xử lý tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm tra, theo dõi hồ sơ lưu trữ tại Kho bạc, tăng cường trách nhiệm của chủ đầu tư, cơ quan thẩm định quyết toán và các đơn vị có liên quan trong việc chấp hành các quy định của nhà nước.

Tích cực vận động, tuyên truyền triển khai thành công Hệ thống dịch vụ công trực tuyến KBNN, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong công tác giao dịch với KBNN, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020 trở thành Kho bạc điện tử. Tính đến hết ngày 30/6/2019, KBNN Hưng Yên đã có 1.025 đơn vị tham gia Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến trong tổng số 1.033 đơn vị giao dịch, đạt 99,23%; tổng số hồ sơ giải quyết qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến tính từ đầu năm 2019 là 74.949, chiếm 68,30% so với tổng số 109.249 hồ sơ đã giải quyết (*Nguồn: Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2019 của KBNN Hưng Yên*). Việc sử dụng Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến đã tránh được tình trạng chậm trễ trong thanh toán, ngăn chặn việc giả mạo chữ ký và con dấu, đơn vị giao dịch được biết rõ trạng thái xử lý hồ sơ từng thời điểm từ khi lập hồ sơ, gửi KBNN, xử lý và trả kết quả, tiết kiệm được chi phí hành chính do giảm thời gian đi lại của khách hàng. Vì vậy, đây là một bước tiến lớn

trong quá trình cải cách thủ tục hành chính; thực hiện công khai, minh bạch quá trình xử lý hồ sơ của KBNN; từng bước hiện đại hóa công tác kiểm soát chi NSNN, góp phần hiện đại hóa ngành tài chính của tỉnh và góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hưng Yên.

2.3.2. Hạn chế

- Một là, về trách nhiệm của chủ đầu tư trong triển khai thực hiện dự án:

+ Một số trường hợp chủ đầu tư chưa khẩn trương xử lý dứt điểm đối với những dự án còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng để sớm bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công xây dựng; chậm có biện pháp tháo gỡ khó khăn, chưa chủ động hoàn thiện hồ sơ (từ việc bổ sung, điều chỉnh, thẩm tra và phê duyệt dự án, duyệt thiết kế dự toán đến việc thẩm tra phê duyệt khối lượng phát sinh, tổ chức nghiệm thu khối lượng, hoàn thiện hồ sơ thanh toán, v.v...) gửi KBNN làm cơ sở kiểm soát, thanh toán, vẫn để dồn thanh toán vào cuối năm.

+ Đối với các dự án khởi công mới: Còn nhiều chủ đầu tư chưa khẩn trương hoàn thiện các thủ tục trình phê duyệt thiết kế, dự toán, các thủ tục đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, mở tài khoản tại KBNN và đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, ký hợp đồng gửi tới KBNN để giải ngân vốn. Vì vậy, hằng năm tỷ lệ giải ngân đạt chưa cao.

Bảng 2.6. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư hằng năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn	Số giải ngân đến hết ngày 31/01 năm sau	Kế hoạch vốn còn lại	Tỷ lệ (%)
	Kế hoạch vốn năm 2015	2.987.452	2.354.027	633.425	78,8%
I	Dự án Trung ương quản lý	187.316	218.425	-31.109	116,6%
II	Dự án địa phương quản lý	2.800.136	2.135.602	664.534	76,3%
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	1.852.537	1.385.686	466.851	74,8%
2	<i>Ngân sách huyện</i>	399.241	369.799	29.442	92,6%
3	<i>Ngân sách xã</i>	548.358	380.117	168.241	69,3%
	Kế hoạch vốn năm 2016	3.773.039	2.662.139	1.110.900	70,6%
I	Dự án Trung ương quản lý	193.256	153.468	39.788	79,4%
II	Dự án địa phương quản lý	3.579.783	2.508.671	1.071.112	70,1%
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	1.838.037	1.335.419	502.618	72,7%

2	Ngân sách huyện	804.204	440.338	363.866	54,8%
3	Ngân sách xã	937.542	732.914	204.628	78,2%
	Kế hoạch vốn năm 2017	3.210.402	2.500.224	710.178	77,9%
I	Dự án Trung ương quản lý	80.462	60.477	19.985	75,2%
II	Dự án địa phương quản lý	3.129.940	2.439.747	690.193	77,9%
1	Ngân sách tỉnh	1.578.944	1.049.574	529.370	66,5%
2	Ngân sách huyện	680.211	613.488	66.723	90,2%
3	Ngân sách xã	870.785	776.685	94.100	89,2%
	Kế hoạch vốn năm 2018	4.190.783	3.347.763	743.946	79,9%
I	Dự án Trung ương quản lý	103.134	97.760	11.704	94,8%
II	Dự án địa phương quản lý	4.087.649	3.250.003	732.242	79,5%
1	Ngân sách tỉnh	1.767.765	1.228.264	539.501	69,5%
2	Ngân sách huyện	1.035.430	903.057	26.969	87,2%
3	Ngân sách xã	1.284.454	1.118.682	165.772	87,7%
	Kế hoạch vốn năm 2019 (đến hết 30/6/2019)	3.359.573	1.977.620	1.381.953	58,9%
I	Dự án Trung ương quản lý	684.573	555.135	129.438	81,1%
II	Dự án địa phương quản lý	2.675.000	1.422.485	1.252.515	53,2%
1	Ngân sách tỉnh	1.202.638	466.248	736.390	38,8%
2	Ngân sách huyện	700.259	270.480	429.779	38,6%
3	Ngân sách xã	772.103	685.757	86.346	88,8%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

+ Đối với các dự án chuyển tiếp: Một số chủ đầu tư chưa đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, chưa thực hiện quy định về thời hạn nghiệm thu khối lượng và làm thủ tục thanh toán với KBNN; chưa kịp thời xử lý các vướng mắc thuộc thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thanh toán vốn của các dự án. Vì vậy, số lượng các dự án chuyển tiếp qua nhiều năm và hằng năm số kế hoạch vốn chuyển tiếp sang năm sau là khá lớn.

Bảng 2.7. Số lượng các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm

Thời điểm	Dưới 2 năm	2-3 năm	3-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014	861	1.249	1.546	201	3.857
31/12/2015	1.014	1.205	1.731	419	4.369
31/12/2016	1.090	1.259	1.807	791	4.947
31/12/2017	1.167	1.423	2.148	1.470	6.208
31/12/2018	969	1.150	626	399	3.144

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

Bảng 2.8. Tình hình chuyển nguồn vốn sang năm sau và giải ngân*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn	Số giải ngân đến hết 31/01 năm sau	Kế hoạch vốn còn lại	Tỷ lệ (%)
	Kế hoạch vốn năm 2014 kéo dài sang năm 2015	445.654	429.817	15.837	96,4%
I	Dự án Trung ương quản lý	25.482	24.837	645	97,5%
II	Dự án địa phương quản lý	399.320	370.073	29.247	92,7%
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	392.435	363.188	29.247	92,5%
2	<i>Ngân sách huyện</i>	3.150	3.150		100%
3	<i>Ngân sách xã</i>	3.735	3.735		100%
	Kế hoạch vốn năm 2015 kéo dài sang năm 2016	445.654	429.817	15.837	96,4%
I	Dự án Trung ương quản lý	25.482	24.837	645	97,5%
II	Dự án địa phương quản lý	427.172	411.980	15.192	96,4%
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	420.172	404.980	15.192	96,4%
2	<i>Ngân sách huyện</i>	5.750	5.750		100%
3	<i>Ngân sách xã</i>	1.250	1.250		100%
	Kế hoạch vốn năm 2016 kéo dài sang năm 2017	430.831	387.480	43.351	89,9%
I	Dự án Trung ương quản lý	24.064	15.342	8.722	63,8%
II	Dự án địa phương quản lý				
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	180.487	167.456	13.031	92,8%
2	<i>Ngân sách huyện</i>	189.002	170.680	18.322	90,3%
3	<i>Ngân sách xã</i>	37.278	34.002	3.276	91,2%
	Kế hoạch vốn năm 2017 kéo dài sang năm 2018	611.724	593.878	17.846	97,1%
I	Dự án Trung ương quản lý	17.045	15.681	1.364	92,0%
II	Dự án địa phương quản lý	594.679	578.197	16.482	97,2%
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	515.485	509.859	5.626	98,9%
2	<i>Ngân sách huyện</i>	23.376	20.544	2.832	87,9%
3	<i>Ngân sách xã</i>	55.818	47.794	8.024	85,6%
	Kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài sang năm 2019 (Đến hết 30/6/2019)	522.459	91.009	431.450	17,4%
I	Dự án Trung ương quản lý	907		907	0,0%
II	Dự án địa phương quản lý	521.552	90.009	430.543	17,4%
1	<i>Ngân sách tỉnh</i>	406.311	41.685	364.626	10,3%
2	<i>Ngân sách huyện</i>	75.617	22.396	53.221	29,6%
3	<i>Ngân sách xã</i>	39.624	26.928	12.696	68%

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

- *Hai là*, về kỷ luật trong chấp hành các chế độ quản lý NSNN:

Hiện nay, vai trò của chủ đầu tư rất lớn nhưng thực tế không ít chủ đầu tư, ban QLDA có trình độ, năng lực còn hạn chế, gây trở ngại nhiều trong quá trình lập các thủ tục đầu tư XD CB, tổ chức đấu thầu, chọn thầu, nghiệm thu giá trị khối lượng XD CB hoàn thành, lập hồ sơ thanh toán.

Bên cạnh đó, một số chủ đầu tư, ban QLDA trách nhiệm chưa cao; nhiều dự án đã có khối lượng hoàn thành theo hợp đồng nhưng không tổ chức nghiệm thu hoặc chậm hoàn tất thủ tục gửi đến Kho bạc để thanh toán; đặc biệt nhiều dự án được bố trí kế hoạch trả nợ, kể cả có quyết định phê duyệt quyết toán nhưng chủ đầu tư vẫn chưa đề nghị thanh toán; hoặc việc tạm ứng hiện nay được quy định theo mức tối thiểu nhưng chủ đầu tư vẫn không áp dụng sự thông thoáng này khi ký hợp đồng, nên không tạo sự thuận lợi nhất định về nguồn vốn cho các nhà thầu để đẩy nhanh khối lượng XD CB hoàn thành sớm hơn.

Việc bổ sung, điều chỉnh dự toán diễn ra nhiều lần trong năm nhất là vào dịp cuối năm. Số dự án thực hiện quá thời gian quy định khá phổ biến, có dự án vượt thời gian kéo dài 3 đến 4 năm.

- *Ba là*, việc nhập dữ liệu dự toán trên hệ thống TABMIS:

Việc nhập số liệu dự toán, kế hoạch vốn của cơ quan tài chính vào hệ thống TABMIS còn tình trạng chưa đầy đủ, kịp thời đối với một số dự án nên một số báo cáo (B5-01/BC-NS/TABMIS, B5-03/BC-NS/TABMIS) trên hệ thống không phản ánh đúng số liệu thực tế, gây khó khăn cho việc đối chiếu của Kho bạc. Trong đó bên cạnh nguyên nhân khách quan như nguồn thu chưa đảm bảo được nguồn chi cũng có một số trường hợp do nguyên nhân chủ quan.

- *Bốn là*, về cơ chế quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư:

Trong thời gian qua, cơ chế chính sách về đầu tư XD CB có nhiều thay đổi nhưng văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành có liên quan không kịp thời, thiếu đồng bộ, không thống nhất, chưa cụ thể,... nên quá trình triển khai thực hiện tại địa phương còn nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập; gây ra tình trạng phải chờ đợi hướng dẫn bổ sung, chờ ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền,... Do vậy,

các chủ đầu tư, các ban QLDA mất khá nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để giải ngân.

- *Năm là*, tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn:

Nguồn vốn đầu tư trên địa bàn lớn, tăng nhanh hằng năm nhưng công tác quản lý đầu tư XDCCB trong các khâu còn hạn chế, dẫn đến tình trạng nợ đọng XDCCB trên địa bàn vẫn còn khá lớn, tại thời điểm 30/6/2017 toàn tỉnh có 4.941 dự án chưa được tất toán tài khoản do còn thiếu vốn; tổng số vốn các dự án còn thiếu so với tổng mức đầu tư là 7.127.240 triệu đồng (Bảng 2.9 và Bảng 2.10); nhiều dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán, tất toán tài khoản; ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý của các cơ quan chức năng và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**Bảng 2.9. Tình hình quyết toán các dự án đầu tư
nguồn vốn NSNN tại tỉnh Hưng Yên tại thời điểm 30/6/2017**

TT	Địa bàn	Tổng số dự án hoàn thành từ 2016 trở về trước	Trong đó đã được phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn				Trong đó chưa được phê duyệt quyết toán			
			Dự án TW quyết định đầu tư	Dự án tỉnh quyết định đầu tư	Dự án huyện quyết định đầu tư	Dự án xã quyết định đầu tư	Dự án TW quyết định đầu tư	Dự án tỉnh quyết định đầu tư	Dự án huyện quyết định đầu tư	Dự án xã quyết định đầu tư
	TỔNG CỘNG	4.941	10	90	354	255	25	510	1.505	2.192
1	Ân Thi	381		4	29	12		41	103	192
2	Khoái Châu	377		5	42	19	2	44	73	192
3	Kim Động	568		2	9	26	1	37	129	364
4	Mỹ Hào	680		1	30	10		32	267	340
5	Phù Cừ	218			9	52	1	17	15	124
6	Tiên Lữ	288		2	67	57		19	41	102
7	Văn Giang	511			2	12		28	185	284
8	Văn Lâm	553		2	25	62		23	71	370
9	Yên Mỹ	493		3	15	1	1	40	262	171
10	TP Hưng Yên	602		14	126	4		50	359	49
11	Cơ quan tỉnh	270	10	57			20	179		4

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

**Bảng 2.10. Tình hình quyết toán, bố trí vốn các dự án đầu tư nguồn vốn NSNN
có thời gian hoàn thành từ năm 2016 trở về trước tại thời điểm 30/6/2017**

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị/Cấp quản lý	Dự án đã có Quyết định phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn					Dự án chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán				Tổng số dự án chưa tất toán TK còn thiếu vốn so với TMĐT	Tổng số vốn còn thiếu so với TMĐT
	Số lượng dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế Thanh toán	Giá trị quyết toán được duyet	Số vốn còn thiếu so với TMĐT	Số lượng dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế Thanh toán	Số vốn còn thiếu so với TMĐT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Huyện Mỹ Hào	41	96.104	83.176	85.719	12.928	639	1.317.057	856.214	460.843	680	473.771
- TW quản lý					0					0	0
- Tỉnh quản lý	1	2.138	1.994	1.994	144	32	131.170	64.279	66.891	33	67.035
- Huyện quản lý	30	82.006	70.194	72.434	11.812	267	734.346	470.265	264.081	297	275.893
- Xã quản lý	10	11.960	10.988	11.291	972	340	451.541	321.670	129.871	350	130.843
Huyện Văn Lâm	89	205.049	178.002	190.993	27.047	464	837.027	545.164	291.863	553	318.910
- TW quản lý					0					0	0
- Tỉnh quản lý	2	14.072	13.606	13.651	466	23	177.364	99.235	78.129	25	78.595
- Huyện quản lý	25	100.953	89.135	93.536	11.818	71	245.336	155.928	89.408	96	101.226
- Xã quản lý	62	90.024	75.261	83.806	14.763	370	414.327	290.001	124.326	432	139.089

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Huyện Ân Thi	45	157.592	121.569	128.965	36.023	336	564.064	367.091	196.973	381	232.996
- TW quản lý					0					0	0
- Tỉnh quản lý	4	59.688	43.355	44.321	16.333	41	73.060	44.896	28.164	45	44.497
- Huyện quản lý	29	80.305	64.024	70.250	16.281	103	176.289	123.250	53.039	132	69.320
- Xã quản lý	12	17.599	14.190	14.394	3.409	192	314.715	198.945	115.770	204	119.179
Huyện Tiên Lữ	126	328.664	266.919	297.790	61.745	162	322.882	213.854	109.028	288	170.773
- TW quản lý					0					0	0
- Tỉnh quản lý	2	21.893	13.761	14.129	8.132	19	30.464	21.949	8.515	21	16.647
- Huyện quản lý	67	226.401	187.160	209.140	39.241	41	128.933	80.034	48.899	108	88.140
- Xã quản lý	57	80.370	65.998	74.521	14.372	102	163.485	111.871	51.614	159	65.986
Huyện Khoái Châu	66	278.987	223.087	236.312	55.900	311	989.172	605.482	383.690	377	439.590
- TW quản lý					0	2	33.098	32.847	251	2	251
- Tỉnh quản lý	5	80.316	58.263	58.479	22.053	44	489.055	249.813	239.242	49	261.295
- Huyện quản lý	42	160.077	130.306	141.826	29.771	73	192.410	120.981	71.429	115	101.200
- Xã quản lý	19	38.594	34.518	36.007	4.076	192	274.609	201.841	72.768	211	76.844
Huyện Văn Giang	14	28.786	27.299	27.773	1.487	497	926.839	740.200	186.639	511	188.126
- TW quản lý					0					0	0
- Tỉnh quản lý					0	28	79.358	60.762	18.596	28	18.596
- Huyện quản lý	2	1.298	1.178	1.216	120	185	449.559	371.523	78.036	187	78.156
- Xã quản lý	12	27.488	26.121	26.557	1.367	284	397.922	307.915	90.007	296	91.374
Huyện Kim Động	37	106.522	97.704	97.086	8.818	531	1.037.536	775.129	262.407	568	271.225
- TW quản lý						1	14.875	7.800	7.075	1	7.075
- Tỉnh quản lý	2	32.981	30.403	27.811	2.578	37	224.265	193.593	30.672	39	33.250
- Huyện quản lý	9	17.968	15.985	16.112	1.983	129	355.809	250.738	105.071	138	107.054
- Xã quản lý	26	55.573	51.316	53.163	4.257	364	442.587	322.998	119.589	390	123.846

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Huyện Phù Cù	61	138.706	100.564	112.983	38.142	157	266.927	164.365	102.562	218	140.704
- TW quản lý						1	16.460	1.700	14.760	1	14.760
- Tỉnh quản lý					0	17	23.912	18.798	5.114	17	5.114
- Huyện quản lý	9	53.795	33.393	36.833	20.402	15	46.575	31.096	15.479	24	35.881
- Xã quản lý	52	84.911	67.171	76.150	17.740	124	179.980	112.771	67.209	176	84.949
Huyện Yên Mỹ	19	151.735	100.985	100.152	50.750	474	1.195.381	851.837	343.544	493	394.294
- TW quản lý						1	39.241	35.055	4.186	1	4.186
- Tỉnh quản lý	3	134.858	86.625	85.552	48.233	40	198.895	139.200	59.695	43	107.928
- Huyện quản lý	15	16.711	14.207	14.445	2.504	262	653.744	446.565	207.179	277	209.683
- Xã quản lý	1	166	153	155	13	171	303.501	231.017	72.484	172	72.497
TP Hưng Yên	144	785.687	553.850	525.844	231.837	458	1.470.428	967.828	502.600	602	734.437
- TW quản lý										0	0
- Tỉnh quản lý	14	376.405	227.030	153.533	149.375	50	530.051	338.654	191.397	64	340.772
- Huyện quản lý	126	403.797	321.711	367.137	82.086	359	877.601	584.614	292.987	485	375.073
- Xã quản lý	4	5.485	5.109	5.174	376	49	62.776	44.560	18.216	53	18.592
CQ thuộc tỉnh	67	4.464.266	4.055.113	2.065.749	409.153	203	7.115.330	3.762.069	3.353.261	270	3.762.414
- TW quản lý	10	1.095.029	1.001.434	960.892	93.595	20	719.575	365.145	354.430	30	448.025
- Tỉnh quản lý	57	3.369.237	3.053.679	1.104.857	315.558	179	6.395.245	3.396.465	2.998.780	236	3.314.338
- Huyện quản lý										0	0
- Xã quản lý						4	510	459	51	4	51
TỔNG CỘNG	709	6.742.098	5.808.268	3.869.366	933.830	4.232	16.042.643	9.849.233	6.193.410	4.941	7.127.240
- TW quản lý	10	1.095.029	1.001.434	960.892	93.595	25	823.249	442.547	380.702	35	474.297
- Tỉnh quản lý	90	4.091.588	3.528.716	1.504.327	562.872	510	8.352.839	4.627.644	3.725.195	600	4.288.067
- Huyện quản lý	354	1.143.311	927.293	1.022.929	216.018	1.505	3.860.602	2.634.994	1.225.608	1.859	1.441.626
- Xã quản lý	255	412.170	350.825	381.218	61.345	2.192	3.005.953	2.144.048	861.905	2.447	923.250

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

- *Sáu là*, về vai trò và trách nhiệm của KBNN:

Lực lượng cán bộ hệ thống KBNN Hưng Yên, nhất là ở KBNN huyện làm công tác kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư còn có những hạn chế. Số lượng và chất lượng cán bộ có đủ trình độ nghiệp vụ tài chính và nghiệp vụ XD CB phân bổ không đồng đều, chủ yếu tập trung tại KBNN tỉnh, còn tại KBNN các huyện lực lượng mỏng, chỉ có từ 01 đến 02 cán bộ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ có nơi còn yếu.

- *Bảy là*, việc xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm soát, thanh toán các dự án đầu tư:

Công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB còn còn thực hiện thủ công nhiều bước. Việc thu thập, tổng hợp số liệu để báo cáo cho các cấp chính quyền địa phương mất rất nhiều thời gian và chưa đảm bảo tính cập nhật tại mọi thời điểm, bởi vì công tác tổng hợp số liệu còn làm bằng phương pháp thủ công trên Excel, KBNN tỉnh khi lập báo cáo số liệu toàn tỉnh thì phải tổng hợp số liệu từ các file Excel do KBNN các huyện, thị xã gửi lên.

Việc nhập dữ liệu, kết xuất số liệu và tổng hợp báo cáo thanh toán các dự án theo các tiêu chí khác nhau còn chưa đáp ứng kịp thời cho các cơ quan chuyên môn và chính quyền các cấp trong chỉ đạo điều hành.

Việc tổng hợp số liệu về thanh toán các dự án đầu tư là rất khó khăn, bởi một dự án được sử dụng rất nhiều nguồn vốn và lại kéo dài qua nhiều năm không theo quy định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nhiều lần.

Trên thực tế, việc xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản còn những hạn chế cụ thể sau:

+ Chưa có chức năng theo dõi tình hình dự án từ khi phát sinh đến khi dự án được tất toán tài khoản (phần mềm hiện nay chỉ theo dõi số thanh toán theo kế hoạch hằng năm), dẫn đến khó khăn khi phải theo dõi tình hình quyết toán, tất toán tài khoản của hàng ngàn dự án.

+ Chưa có chức năng theo dõi số dự án đã được quyết toán công trình hoàn thành để biết được tình trạng dự án đang thừa hay thiếu vốn, hiện nay vẫn phải mở sổ theo dõi thủ công.

+ Chưa có chức năng tổng hợp tình hình các dự án theo từng chủ đầu tư trong địa bàn toàn tỉnh (hiện nay tổng hợp bằng cách cộng thủ công số liệu của KBNN tỉnh và 09 huyện, thị xã). Do vậy, khó đánh giá công tác quản lý, trách nhiệm của từng chủ đầu tư, mất thời gian tổng hợp, số liệu không chính xác, khi cần không có số liệu ngay.

+ Chưa có chức năng cảnh báo các rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ (quá thời hạn thực hiện dự án; hợp đồng; thời hạn tạm ứng,...) để có biện pháp xử lý, đôn đốc. Hiện nay vẫn phải mở sổ theo dõi thủ công.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những tồn tại và hạn chế của công tác kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư là do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- *Một là*, cơ chế kiểm soát, cấp phát, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư chưa đồng bộ và mang tính ổn định; thủ tục hành chính còn rườm rà, bất cập, dẫn đến những hạn chế, yếu kém trong quản lý dự án đầu tư XD CB mà rất khó khắc phục. Cụ thể:

+ Quy chế về đầu tư XD CB liên tục được sửa đổi, bổ sung và thay thế. Chính phủ ban hành các Nghị định hướng dẫn Luật; Bộ Xây dựng ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Nghị định về đầu tư XD CB; Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý, thanh toán các dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư XD CB; KBNN ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình nghiệp vụ thực hiện, kiểm soát chi vốn đầu tư XD CB,... Như vậy mỗi khi có sửa đổi Nghị định của Chính phủ kéo theo các Bộ, Ngành, địa phương liên quan phải thay đổi văn bản hướng dẫn. Mặt khác, Luật và các nghị định chưa được chi tiết, dẫn đến các Bộ, Ngành, địa phương trong quá trình hướng dẫn còn chông chéo và thiếu đồng bộ, nhiều nội dung không rõ ràng hoặc chưa được đề cập hết. Từ đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức triển khai thực hiện

của các cơ quan cấp dưới, đặc biệt là các chủ đầu tư và cơ quan quản lý kiểm soát, thanh toán các dự án đầu tư.

+ Việc phân định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý chưa thực sự rõ ràng, còn trùng lặp, nhiều đơn vị cùng tham gia vào công tác quản lý đầu tư, nhưng trách nhiệm mỗi cơ quan chưa được quy định một cách rõ ràng trong việc lập, thẩm định kiểm tra báo cáo khả thi, tổng dự toán, báo cáo quyết toán (cơ quan Kế hoạch đầu tư, cơ quan Tài chính, cơ quan KBNN).

+ Việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định nhiều nơi chưa sâu sát, kịp thời, đầy đủ; nhiều huyện, xã đến nay chưa tổ chức bộ phận chuyên môn phục vụ cho việc thẩm định quyết toán công trình hoàn thành.

+ Nhiều dự án chưa được bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán theo quy định về thời gian bố trí đủ vốn theo quyết định đã phê duyệt. Một số trường hợp đã được phê duyệt quyết toán nhưng không được ưu tiên bố trí vốn để thanh toán hết công nợ theo quyết định đã phê duyệt.

- *Hai là*, năng lực, trình độ của một số chủ đầu tư, của các ban quản lý dự án còn yếu do không chuyên về nghiệp vụ về XD CB mà chủ yếu là kiêm nhiệm. Đặc biệt là trình độ của một số cán bộ cấp xã còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc thay đổi cán bộ ở các xã diễn ra thường xuyên sau mỗi nhiệm kỳ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB từ NSNN. Vì vậy, việc triển khai các bước về trình tự như: Lập, trình duyệt dự án cho đến việc làm các thủ tục thanh quyết toán vốn đầu tư theo quy định bị chậm so với tiến độ thực hiện kế hoạch vốn năm cũng như kế hoạch khối lượng.

- *Ba là*, ý thức chấp hành chính sách, chế độ về đầu tư XD CB của một số chủ đầu tư và nhà thầu chưa nghiêm, có nhiều dự án tuy đã hoàn thành đưa vào sử dụng, nhưng chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện các thủ tục quyết toán, dẫn đến tồn đọng chưa tất toán tài khoản tại cơ quan KBNN, cụ thể:

+ Một số nhà thầu chưa phối hợp với chủ đầu tư thực hiện lập hồ sơ quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; chưa xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết.

+ Nhiều chủ đầu tư chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc đôn đốc, yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng; chưa lập và trình cơ quan chuyên môn thẩm định theo đúng thời gian quy định (nhất là chủ đầu tư cấp huyện, xã).

- *Bốn là*, công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định chưa được tiến hành thường xuyên nhằm phát hiện và ngăn chặn tiêu cực, lãng phí, thất thoát từ khi chúng còn là những biểu hiện tiềm ẩn. Công tác kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình theo quy trình công nghệ thi công của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng bị buông lỏng.

- *Năm là*, hệ thống các phần mềm ứng dụng đã triển khai nhưng chưa có thiết kế tổng thể, chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa các phần mềm, chưa thiết kế mối ràng buộc dữ liệu, chưa cập nhật đầy đủ thông tin chi tiết của từng dự án nên hệ thống báo cáo chưa được tổng hợp một cách nhanh chóng, đầy đủ và thuận tiện cho người sử dụng. Do đó, việc tổng hợp tình hình các dự án đầu tư mất nhiều thời gian, đôi khi không đảm bảo chất lượng và tính kịp thời để phục vụ công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUNG YÊN

3.1. Phương hướng tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

3.1.1. Bối cảnh trong nước tác động đến công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

3.1.1.1. Bối cảnh trong nước và những định hướng của Đảng, Nhà nước

Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đã tạo cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; định hướng phát triển, phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế; đổi mới công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phân định rõ hơn chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng của các tổ chức kinh doanh vốn và tài sản của Nhà nước.

Với những định hướng đó, trong thời gian tới, yêu cầu tiếp tục đổi mới hệ thống cơ chế chính sách cho phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí;
- Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn để nâng cao chất lượng dự toán;
- Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, đảm bảo tính thống nhất về thể chế của NSNN và vai trò chủ đạo của Ngân sách trung ương;
- Nâng cao tính minh bạch, dân chủ, công khai và trách nhiệm giải trình trong quản lý NSNN;
- Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ; hiện đại hóa công nghệ giám sát;
- Chuẩn mực hóa hệ thống kế toán, kiểm toán phù hợp với thông lệ quốc tế;
- Mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng;
- Thực hiện chính sách lãi suất theo nguyên tắc thị trường.

3.1.1.2. Phương hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hưng Yên

Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 đề ra mục tiêu tổng quát là: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ để xây dựng Hưng Yên đến năm 2020 là tỉnh đạt mức khá trong vùng đồng bằng sông Hồng với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; có hệ thống kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, theo hướng hiện đại.*

Phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo để đáp ứng nguồn lực cho phát triển; tạo môi trường đầu tư - kinh doanh lành mạnh, có sức cạnh tranh cao; liên kết chặt chẽ với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các địa phương khác để phát triển nhanh và bền vững, tạo tiền đề vững chắc để Hưng Yên cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại trước năm 2020; nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; quốc phòng, an ninh được bảo đảm”.

Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đề ra các mục

tiêu chủ yếu: “Tăng trưởng bình quân năm: GRDP tăng từ 7,5-8%; giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản tăng từ 2,5-3%, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng từ 9-10%, thương mại - dịch vụ tăng 8,5-9,5%; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 16%; duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Đến năm 2020: Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 55% - dịch vụ 37% - nông nghiệp 8%; giá trị thu được bình quân 210 triệu đồng/ha; 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 13.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 9.000 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 05 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người 75 triệu đồng; tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,5%; tỷ lệ hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt trên 90%; 90% số cơ quan, đơn vị, gia đình và 87% số làng, khu phố đạt danh hiệu văn hóa; thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II, thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III, huyện Văn Giang (thị trấn Văn Giang mở rộng), thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thời - Dân Tiến đạt đô thị loại IV”.

Để đạt mục tiêu trên, đầu tư phát triển có ý nghĩa quan trọng. Do vậy, tỉnh Hưng Yên đã xác định chiến lược đầu tư phù hợp, đề ra các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển, cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Cụ thể:

- Tập trung thu hút đầu tư, phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp, cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới cơ chế, chính sách tạo sự hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh. Có cơ chế, chính sách tạo vốn, huy động các nguồn lực cho đầu tư hạ tầng, phát triển các khu, cụm công nghiệp; đặc biệt ưu tiên phát triển các khu, cụm công nghiệp lớn để thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại, công nghiệp sạch... có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tăng thu ngân sách, tập trung ở các huyện Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang và Ân Thi (dọc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng).

- Rà soát, bổ sung các quy hoạch phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp phụ trợ để thực hiện tái cơ cấu ngành sản xuất, phát huy tối đa lợi thế, gắn kết giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và phát triển bền vững. Cải thiện môi trường sản xuất ở các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp địa phương phát triển. Tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để sớm bàn giao đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án; đồng thời, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân có đất bị thu hồi. Phấn đấu đến năm 2020: Chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân tăng từ 9-10%/năm; có 2 - 3 khu công nghiệp mới và 10 cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng đi vào hoạt động; tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có vốn đăng ký trên 10 tỷ USD. Tiếp tục có cơ chế phù hợp để khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, thúc đẩy kinh tế làng nghề. Xây dựng cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực đầu tư nhà ở, hạ tầng thiết yếu cho công nhân tại các khu công nghiệp; tạo môi trường, điều kiện phát triển nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị. Huy động các nguồn lực xã hội và ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển. Tổng vốn huy động khoảng 150.000 tỷ đồng, trong đó thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới 50.000 tỷ đồng. Phấn đấu đến năm 2020: Trên 80% km đường tỉnh đạt cấp đường quy hoạch; 100% các tuyến đường huyện, đường liên xã được cứng hóa trải nhựa hoặc bê tông; 100% đường thôn, xóm và các tuyến trục chính đường nội đồng được cứng hóa, cơ bản hoàn thành tiêu chí giao thông nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

- Hoàn thành tuyến đường và cầu Hưng Hà nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; nâng cấp Quốc lộ 38 đoạn qua tỉnh Hưng Yên; xây dựng các tuyến đường vành đai 3,5, vành đai 4, đường nối vành đai V vùng Thủ đô qua địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng đường đê sông Luộc, cầu La Tiến, đường tỉnh 377 và 387, đường 207B, xây dựng đường gom trên tuyến QL.5, QL.39 và ĐT.380, nâng cấp đường huyện 17 (đường 207B cũ), các tuyến đường kết nối giữa quốc lộ 39 với đường đê tả sông Hồng, đường trục Bắc -

Nam, đường đê tả sông Hồng giai đoạn 2. Xây dựng cảng sông Hồng, sông Luộc và một số công trình khác. Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thành các dự án: Nạo vét nâng cấp sông Điện Biên, sông Đồng Quê - Cừu An, các sông trực thuộc hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải; đầu tư nâng cấp, xây mới các trạm bơm theo quy hoạch; hoàn thiện các kênh mương, công trình thủy lợi. Chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp; xây dựng quy hoạch hai bên đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình gắn với phát triển công nghiệp huyện Ân Thi và huyện Yên Mỹ; trục đường kinh tế Bắc - Nam của tỉnh gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp, đô thị huyện Mỹ Hào và huyện Văn Lâm; quy hoạch hai bên đường trục liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên gắn với phát triển đô thị và công nghiệp huyện Khoái Châu và huyện Văn Giang.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo bước đột phá trong xây dựng, phát triển các đô thị. Phân đấu đến năm 2020: Bình quân diện tích nhà ở $25\text{m}^2/\text{sàn/người}$; tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,5%; xây dựng thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II, thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III; huyện Văn Giang, thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thờ - Dân Tiến đạt đô thị loại IV; xây dựng 5 - 6 khu vực đạt đô thị loại V.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, gắn với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bền vững, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Đề án Xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020; Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP. Tập trung nguồn lực xã hội đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phân đấu đến năm 2020 có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Động viên các nguồn lực, khai thác các nguồn thu, tăng tỷ lệ thu nội địa, đảm bảo chi hiệu quả; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách hằng năm. Tăng cường quản lý thuế, chống thất thu, gian lận và nợ đọng thuế. Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp và hình thức huy động vốn; mở rộng đầu tư cho vay, tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng quản lý.

3.1.2. Định hướng phát triển của hệ thống Kho bạc Nhà nước

Thực hiện định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến 2020 của đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã có phê duyệt định hướng phát triển tài chính đến năm 2020 với mục tiêu tổng quát là: Bảo đảm tiềm lực tài chính quốc gia đủ mạnh để chủ động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và vững chắc, có khả năng kiểm soát lạm phát, ổn định tiền tệ, giá cả thị trường; hệ thống chính sách động viên, phân phối tài chính có hiệu lực cao, đảm bảo công bằng, năng động, phù hợp với thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có tác động mở đường khai thông các nguồn nội lực, thu hút ngoại lực và sử dụng hiệu quả toàn bộ các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, công khai, minh bạch, dân chủ, được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, làm cho tài chính trở thành thước đo hiệu quả mọi hoạt động kinh tế, là động lực phát triển kinh tế - xã hội; năng lực, hiệu lực quản lý Nhà nước về tài chính được tăng cường và đổi mới trên cơ sở cải cách hành chính, hiện đại hóa công cụ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý tài chính; củng cố và nâng cao vị thế tài chính Việt Nam trong quan hệ quốc tế trên cơ sở bảo đảm độc lập tự chủ và an ninh tài chính quốc gia.

KBNN phải thực sự trở thành một trong những công cụ quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính Nhà nước, đặc biệt là cải cách tài chính công theo hướng công khai; minh bạch, từng bước phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của Chính phủ, chất lượng hoạt động quản lý tài chính vĩ mô.

Cải cách hành chính theo hướng minh bạch, công khai và đơn giản hóa các chính sách, chế độ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. KBNN với chức năng quản lý quỹ NSNN, thực hiện nhiệm vụ kiểm soát các khoản chi NSNN, đã xác định trọng tâm cải cách hành chính của ngành KBNN là công tác quản lý NSNN, đây là nhiệm vụ quan trọng của ngành và cũng là nhiệm vụ có quan hệ với các đối tượng sử dụng NSNN nhiều nhất.

Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020 với những nội dung: “*Xây dựng KBNN hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển ổn định vững chắc trên cơ sở cải cách thể chế, chính sách, hoàn thiện tổ chức bộ máy, gắn với hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực để thực hiện tốt các chức năng: Quản lý quỹ NSNN và các quỹ tài chính Nhà nước; quản lý ngân quỹ và quản lý nợ Chính phủ; tăng cường năng lực, hiệu quả và tính công khai, minh bạch trong quản lý các nguồn lực tài chính của Nhà nước trên cơ sở thực hiện Tổng kế toán Nhà nước. Đến năm 2020, các hoạt động KBNN được thực hiện trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và hình thành Kho bạc điện tử*”.

3.1.3. Định hướng triển khai Luật đầu tư công giai đoạn 2020-2030

Hiện nay, đầu tư công vẫn được xác định là nguồn lực quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời gian tới. Để nâng cao hiệu quả đầu tư công trong giai đoạn mới (giai đoạn 2020-2030), Nhà nước ta sẽ triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công; nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư công.

Thứ hai, tăng cường quản lý đầu tư công, chú trọng nâng cao hiệu quả công tác chuẩn bị đầu tư; tăng cường công tác rà soát để bảo đảm các chương trình, dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được triển khai theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Thứ ba, tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong triển khai thực hiện. Chú trọng công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cụ thể. Chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm để thúc đẩy giải ngân nâng cao hiệu quả đầu tư.

Thứ tư, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của nền kinh tế theo cơ chế thị trường. Trong đó, đối với vốn đầu tư công cần tập trung đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu và dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn, lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và liên vùng, liên địa phương.

3.2. Một số giải pháp tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

3.2.1. Tăng cường cơ chế, chính sách quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

3.2.1.1. Thực hiện tốt công tác quản lý cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước

Kiểm soát cam kết chi là việc KBNN thực hiện kiểm soát và giữ lại một khoản dự toán NSNN đã được duyệt của các đơn vị sử dụng ngân sách để đảm bảo khả năng thanh toán cho các hợp đồng đã được ký kết giữa đơn vị với các nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Thực hiện quản lý và kiểm soát cam kết chi là một trong những cơ sở đầu tiên để thực hiện kế toán dồn tích (*theo dõi khoản chi từ khi nó được phân bổ ngân sách, ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà cung cấp cho đến khi thực hiện thanh toán cho hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đó*). Xét trên phương diện quản lý, cam kết chi sẽ hỗ trợ việc kiểm soát chi tiêu NSNN của các đơn vị dự toán và dự án đầu tư, đặc biệt trong chi đầu tư XD CB nó góp phần ngăn chặn tình trạng nợ đọng thanh toán vì khắc phục được tình trạng thiếu vốn, nâng cao trách nhiệm, kỷ luật tài chính không chỉ với cơ quan tài chính, cơ quan KBNN mà đối với cả các đơn vị dự toán, chủ đầu tư các dự án.

Thực hiện kiểm soát cam kết chi cũng góp phần từng bước đưa các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ vào quản lý theo hướng: Chỉ có nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ tốt, có uy tín và chất lượng thì mới đưa vào quản lý và được cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu vực công. Từng bước thanh toán, chi trả trực tiếp từ NSNN cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

3.2.1.2. Đẩy mạnh công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

- Các ngành, các cấp cần phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đầu tư. Gắn trách nhiệm vật chất đối với những nhà thầu, chủ đầu tư chậm thanh toán, quyết toán. Ngay từ khi triển khai dự án phải đảm bảo đầy đủ và thực hiện đúng trình tự, thủ tục đầu tư XD CB theo quy định. Tránh hiện tượng vốn chờ công trình, và khuyến khích đẩy nhanh tiến độ bằng cách: Ưu tiên vốn cho các dự án có đầy đủ khối lượng được đề xuất và điều tiết kế hoạch bằng cách cắt bỏ kế hoạch các dự án không có khối lượng và bổ sung cho các dự án thừa khối lượng.

- Áp dụng tỷ lệ % tạm giữ chờ quyết toán, để khi tiến hành thẩm tra, phê duyệt công trình hoàn thành, nếu có điều chỉnh tăng, giảm chi phí thì các cơ quan hữu quan đỡ mất thời gian kiểm tra tình hình thực hiện công nợ chủ đầu tư đối với các quan thụ hưởng (chưa nói đến việc thất thoát vốn của Nhà nước khi nhà thầu tuyên bố phá sản, bỏ trốn, hoặc cố tình không nộp vào NSNN). Ngoài ra còn thúc đẩy các chủ đầu tư lập nhanh báo cáo quyết toán để thanh toán phần tạm giữ.

- Trước khi thẩm tra, phê duyệt, khuyến khích chủ đầu tư mời các tổ chức kiểm toán để kiểm toán báo cáo quyết toán các công trình hoàn thành.

- Khi nghiệm thu các phần khuất của công trình, nên mời các cơ quan chủ trì quyết toán chứng kiến, giám sát; lúc đó có thể xác định được các thông số, kích thước hình học của các cấu kiện bị che khuất mà khi công trình hoàn thành không thể thấy được nhằm tránh tình trạng chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát thông đồng với nhau gây thất thoát vốn cho công trình.

- Tổng hợp số liệu các dự án có thời gian hoàn thành từ năm 2016 trở về

trước để tham mưu UBND các cấp thực hiện các giải pháp đẩy mạnh công tác quyết toán, tất toán tài khoản dự án đã hoàn thành nhiều năm. Phân loại các dự án theo các tiêu chí khác nhau để có giải pháp thực hiện cho từng dự án cụ thể:

- + Dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán;
- + Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn;
- + Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của Bộ, ngành trung ương;
- + Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND tỉnh;
- + Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của từng UBND huyện, thành phố;
- + Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của từng UBND xã, phường, thị trấn.

Theo báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát số liệu tính tại thời điểm 30/6/2017, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 4.941 dự án có thời gian hoàn thành từ năm 2016 trở về trước nhưng chưa có phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền hoặc đã có phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn, kết quả phân loại cụ thể như sau:

- Số dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn là 709 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 934.097 triệu đồng, trong đó:

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của Bộ, ngành trung ương là 10 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 93.595 triệu đồng;

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND tỉnh là 90 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 562.872 triệu đồng;

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND huyện, thành phố là 354 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 216.018 triệu đồng;

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND xã, phường, thị trấn là 255 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 61.612 triệu đồng.

- Số dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán là 4.232 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 6.193.450 triệu đồng, trong đó:

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của Bộ, ngành trung ương là 25 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 380.702 triệu đồng;

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND tỉnh là 510 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 3.725.195 triệu đồng;

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND huyện, thành phố là 1.505 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 1.225.608 triệu đồng;

+ Thẩm quyền phê duyệt dự án công trình hoàn thành của UBND xã, phường, thị trấn là 2.192 dự án với số vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư đã phê duyệt là 861.945 triệu đồng.

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp của KBNN Hưng Yên)

Đối với các dự án đã được phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn, cần lập danh sách chi tiết từng dự án, từng chủ đầu tư, số vốn còn thiếu để đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí bổ sung nguồn vốn để thanh toán cho các dự án, đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thực hiện quyết toán, tắt toán tài khoản.

3.2.1.3. Từng bước tiến tới loại bỏ việc duyệt bổ sung dự toán, thanh toán khối lượng phát sinh

Việc cho phép duyệt dự toán bổ sung cũng như thanh toán khối lượng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư có nghĩa là tổng số vốn đầu tư của công trình, dự án bị tăng lên và như vậy tất cả những con số, những tính toán về hiệu quả của đầu tư làm căn cứ để quyết định cho phép đầu tư bị đảo lộn và không còn ý nghĩa nữa.

Sở dĩ như vậy là do mọi chỉ số tính toán về hiệu quả đầu tư, khả năng đáp ứng vốn của NSNN đều được dựa trên dự toán hoặc tổng dự toán được duyệt. Con số này do duyệt bổ sung, thanh toán khối lượng phát sinh mà tăng lên nó sẽ biến một dự án theo tính toán ban đầu có hiệu quả cao thì nay lại là dự án hiệu quả thấp hoặc thậm chí không có hiệu quả. Mặt khác, đây là kẽ hở để các chủ đầu tư, đơn vị thi công lợi dụng làm thất thoát ngân sách nhà nước.

Đúng về mặt quản lý ngân sách khi chi phí đầu tư cho dự án tăng lên có nghĩa là ngân sách sẽ phải bỏ thêm một lượng vốn trong tổng lượng vốn eo hẹp của mình mà không được báo trước, không nằm trong kế hoạch, dẫn đến NSNN sẽ bị thâm hụt. Do đó, cần loại bỏ hẳn việc bổ sung dự toán cũng như cho phép thanh toán khối lượng phát sinh, trừ những trường hợp phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai, dịch họa,... Những phát sinh chi phí do lỗi ở khâu nào khâu đó phải chịu trách nhiệm thanh toán:

- Phát sinh do việc thay đổi thiết kế phải do đơn vị thiết kế thanh toán.
- Phát sinh do lập dự toán sai do đơn vị lập và thẩm tra dự toán thanh toán.

Như vậy không nên dùng NSNN để chi trả cho những khối lượng phát sinh do sai sót dù vô tình hay cố ý của các cơ quan, đơn vị hay tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư. Nên khuyến khích áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói để nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

3.2.2. Tăng cường công tác tổ chức cán bộ của Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

3.2.2.1. Nâng cao năng lực, trình độ của công chức làm nhiệm vụ quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư và đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng

Một trong những nhân tố cực kỳ quan trọng trong quản lý, điều hành ngân sách đúng pháp luật và có hiệu quả là nhân tố con người hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân sách. Quản lý tài chính - ngân sách là vấn đề phức tạp, hơn nữa quy định về quản lý, điều hành ngân sách luôn thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu đổi mới, do vậy phải chú trọng trong công tác tuyển dụng cán bộ, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức làm việc trong lĩnh vực này, nhất là thực hiện các chủ trương, chính sách mới, các nghiệp vụ mới phát sinh.

Trong thời gian tới công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của công chức và đẩy mạnh phòng chống tham nhũng là một trong những biện pháp cần thiết và hỗ trợ tích cực trong việc đảm bảo hiệu quả quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB từ NSNN. Tham nhũng có quan hệ đồng biến với độc quyền và tùy tiện, nghịch biến với sự minh bạch và tính trách nhiệm. Từ đó, để đẩy lùi tình trạng tham nhũng cần phải giảm bớt độc quyền, giảm bớt tùy tiện trong hoạt động quản lý vốn NSNN; cần phải tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm, cả trách nhiệm giải trình và trách nhiệm hậu quả; cần thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng chống tham nhũng để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách. Trong thời gian tới cần tiếp tục nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ công chức làm nhiệm vụ quản lý, kiểm soát, thanh toán các dự án đầu tư.

Trình độ và năng lực công chức nghiệp vụ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi cơ chế kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư. Để thực thi đúng cũng như phát huy hiệu quả của cơ chế kiểm soát thanh toán thì việc ban hành cơ chế chính sách hoàn chỉnh là điều kiện cần, còn việc nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ công chức là một trong những điều kiện đủ. Theo đó, cần phải thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là: Xác định và định hướng đúng việc nâng cao chất lượng đội ngũ công chức.

- Xác định rõ yêu cầu cụ thể đối với từng công chức thực hiện kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB bao gồm yêu cầu ở từng nội dung, từng môi trường công tác.

- Tiêu chuẩn hóa công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện, thị xã trực thuộc.

- Cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của công chức cấp lãnh đạo, công chức cấp thừa hành.

- Phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức làm công tác kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư một cách thường xuyên, đặc biệt là chú trọng bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và tập huấn về chế độ, văn bản mới.

- Làm tốt công tác quy hoạch đối với công chức lãnh đạo và công chức chuyên môn, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể đối với từng đối tượng cho phù hợp.

- Khuyến khích công tác nghiên cứu, đặc biệt là những vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình thực thi công vụ, đề ra những phương hướng, giải pháp giải quyết. KBNN Hưng Yên cần có những quy định bắt buộc và có những hình thức khen thưởng phù hợp về vật chất cũng như tinh thần cho những công chức có thành tích tốt công tác nghiên cứu.

- Quan tâm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho công chức, khuyến khích, khơi dậy lòng yêu ngành, yêu nghề của công chức trong các đơn vị KBNN.

Hai là: Nâng cao chất lượng công chức để đảm bảo kiểm soát thanh toán chính xác, an toàn, tiết kiệm cho NSNN. Xử lý những tồn tại khách quan như tính thời vụ trong thanh toán các dự án đầu tư hằng năm (30-40% lượng vốn đầu tư XD CB được thanh toán trong tháng 12 và tháng 01 hằng năm...); xử lý nhanh và chính xác trong công tác báo cáo, hạch toán kế toán, thông tin điều hành ngân sách bằng các biện pháp tổng hợp như chấm điểm nghiệp vụ hàng tháng A, B, C (gắn với thi đua và khuyến khích vật chất, thu nhập); xây dựng phong trào thi đua gắn chất lượng chuyên môn với công tác đoàn thể; tổ chức thi nghiệp vụ hằng năm sau mỗi kỳ tập huấn; tổ chức viết báo cáo sáng kiến và báo cáo

chuyên đề công tác hằng năm. Xây dựng các phần mềm nghiệp vụ có gắn với đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất (nhất là hiện đại hóa công nghệ thông tin); tổ chức sắp xếp, phân công công chức một cách hợp lý; mạnh dạn sử dụng công chức trẻ và có năng lực, trình độ cho những vị trí điều hành quản lý nghiệp vụ.

Chỉ khi thực hiện tốt những giải pháp nêu trên thì mới thực sự lựa chọn, xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ công chức giỏi về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức; thực thi và phát huy được hiệu quả của cơ chế quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCCB từ NSNN.

3.2.2.2. Tăng cường phối hợp công tác

Tăng cường phối hợp giữa Phòng Kiểm soát chi, bộ phận tin học, KBNN các huyện, thị xã; coi trọng việc phối hợp với các cơ quan tài chính, kế hoạch ở tỉnh và các huyện, thị xã. Quản lý tốt các dự án đầu tư nguồn vốn NSNN là một vấn đề quan trọng vì bất kỳ một dự án đầu tư nào cũng qua rất nhiều khâu quản lý. KBNN có vai trò quan trọng trong quá trình quản lý các dự án đầu tư, trong đó có nhiều tác nghiệp nhỏ. Muốn có được sự thống nhất cao phải có sự phối hợp và phân công nhiệm vụ rõ ràng, chặt chẽ, hợp lý. Biện pháp này yêu cầu công chức quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư vừa phải nắm chắc nghiệp vụ và hiểu rõ quy trình, vị trí của công việc mình đang làm vừa phải có ý thức trách nhiệm cao. Vì vậy, để đạt mục tiêu, yêu cầu và hiệu quả trong quản lý cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Đối với phối hợp trong nội bộ đơn vị:

- + Nhận dạng nguồn gốc và tính chất vốn đầu tư xây dựng (XDCCB tập trung, CTMT, ODA, TPCP, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, ngân sách xã...) để có phương pháp kiểm soát thanh toán thích hợp (hồ sơ, chứng từ gồm những gì, quy trình luân chuyển chứng từ, nghiệp vụ quản lý như thế nào...).

- + Xây dựng quy chế phân công phối hợp chi tiết cụ thể, chặt chẽ theo quy trình quản lý vốn một cách khách quan, khoa học. Triển khai chương trình hành động theo kế hoạch công tác chung của đơn vị, có phân chia thời gian và phân việc cho từng bộ phận, từng công chức.

- Đối với công tác phối hợp với cơ quan tài chính, kế hoạch, các chủ đầu tư, cần nổi quan trọng nhất là trao đổi thông tin. Giải pháp này yêu cầu KBNN phải nâng cao chất lượng thông tin với độ chính xác và tính kịp thời cao. Do vậy phải nắm vững nghiệp vụ, nắm chắc các quy trình, các kỹ năng thao tác trên máy tính để khai thác tốt Hệ thống tổng hợp báo cáo từ Kho dữ liệu và Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu ngân sách và KBNN (TABMIS). Do vấn đề quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCB có nhiều phức tạp nên các thông tin cần được cập nhật và xử lý kịp thời, những vướng mắc cần phải được trao đổi và có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, đảm bảo giải quyết nhanh, đúng chế độ và đảm bảo phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các cơ quan liên quan như Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính, KBNN, các chủ đầu tư cần phải có chương trình giao ban định kỳ để giải quyết các vấn đề mới phát sinh.

Một kênh phối hợp quan trọng góp phần quản lý, kiểm soát tốt vốn đầu tư là quan hệ với chủ đầu tư, chủ đầu tư vừa với tư cách là đối tượng quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án vừa là khách hàng được phục vụ nên luôn đặt ra nhiều yêu cầu về phối hợp. Biện pháp tăng cường là phải thường xuyên cập nhật chế độ chính sách (tập huấn, gửi văn bản hướng dẫn, đôn đốc...) cho chủ đầu tư để triển khai thực hiện đúng quy định. Mặt khác yêu cầu chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và làm tốt các hồ sơ thanh toán. Ngược lại chủ đầu tư có quyền yêu cầu Kho bạc về chất lượng phục vụ, đánh giá cụ thể các tác nghiệp và ứng xử của KBNN nơi mình giao dịch. Đây là mối quan hệ biện chứng cần phát huy để đạt được sự hoàn thiện trong công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCB từ NSNN.

3.2.3. Hiện đại hóa công nghệ, hoàn thiện quy trình về quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Hưng Yên

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay là vấn đề quan trọng và then chốt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các hoạt động

ng nghiệp vụ của KBNN nói riêng. Một trong những mục tiêu phát triển công nghệ của hệ thống KBNN cần phải ưu tiên trong giai đoạn này là ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCH.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCH là rất quan trọng và mang lại hiệu quả cao vì đặc thù của công tác này là:

- Công chức quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCH của Kho bạc phải theo dõi nhiều thông tin chi tiết của rất nhiều dự án, chủ đầu tư khác nhau. Chính vì vậy áp dụng công nghệ thông tin sẽ góp phần ngăn ngừa những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình xử lý nghiệp vụ, có căn cứ tin cậy cho việc xuất quỹ NSNN để trả tiền cho các đơn vị nhận thầu.

- Trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay, lĩnh vực đầu tư XDCH là lĩnh vực nhạy cảm, trong đó vai trò quản lý của Kho bạc có vị trí đặc biệt quan trọng, vì đó là giai đoạn cuối cùng của tiền kiểm, quỹ NSNN sẽ được xuất ra trả cho đối tượng thụ hưởng ngay sau đó. Trong khi quy mô, tính chất của các dự án đầu tư XDCH thường lớn và phức tạp, lại thường tập trung cao độ vào thời điểm cuối năm và đầu năm ngân sách nên việc kiểm soát sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Nếu không được sự trợ giúp của các ứng dụng công nghệ thông tin thì những sai sót, nhầm lẫn là khó có thể tránh khỏi.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy cần phải thực hiện giải pháp xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCH, góp phần thực thi và nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCH từ NSNN, cụ thể là: Xây dựng phần mềm hỗ trợ lập báo cáo, tổng hợp và tra cứu thông tin phục vụ quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCH qua mạng máy tính trong toàn hệ thống KBNN tỉnh; kết nối với các chương trình ứng dụng khác để khai thác, truy xuất dữ liệu phục vụ kết xuất các loại báo cáo, tăng khả năng khai thác, sử dụng có hiệu quả các danh mục hệ thống sẵn có; đáp ứng được yêu cầu quản lý dự án từ khi phát sinh đến khi dự án đủ điều kiện để

tất toán tài khoản; phục vụ đắc lực cho việc quản lý, điều hành của Lãnh đạo KBNN Hưng Yên và các cấp chính quyền địa phương, tăng hiệu lực, hiệu quả sử dụng vốn NSNN.

3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước

3.2.4.1. Thực hiện chế độ tự kiểm tra, đánh giá quá trình chấp hành pháp luật và chế độ quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản một cách có nề nếp

Công tác thanh tra, kiểm tra là công cụ quan trọng trong việc chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát và tăng cường tiết kiệm, nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB từ NSNN. Các đơn vị được thanh tra, kiểm tra cần tạo điều kiện cho cơ quan thanh tra, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ; cung cấp thông tin, tài liệu một cách trung thực, có ý thức trách nhiệm và tinh thần cầu thị, sẵn sàng hợp tác với đoàn thanh tra, kiểm tra. KBNN Hưng Yên cần nâng cao ý thức pháp luật cho đội ngũ công chức trong đơn vị, tạo điều kiện về kinh phí, về thời gian và lực lượng cho công tác thanh tra, kiểm tra. Mặt khác, phải tự đề phòng, ngăn ngừa những sai phạm ngay tại đơn vị. Do vậy, thường xuyên phải thực hiện chế độ tự kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và việc chấp hành quy định của pháp luật về chế độ quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XD CB một cách nghiêm túc và có nề nếp.

3.2.4.2. Tăng cường công tác thanh tra trong việc chấp hành chế độ quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đối với các đơn vị trực thuộc

Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Thanh tra, kiểm tra, giám sát là một trong những nội dung bảo đảm cho việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách của Nhà nước, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần làm lành mạnh nền tài chính quốc gia. Vì vậy, cần chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cả về phương diện tổ chức và hoạt động. Mặt khác, cần đảm bảo đủ điều kiện và xác lập cơ chế hoạt động phù

hợp, có chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra.

Rà soát, đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung các quy định về chế tài xử lý vi phạm quy định trong các văn bản pháp luật, bảo đảm đủ hiệu quả để ngăn chặn các sai phạm trong quản lý, điều hành ngân sách, góp phần lập và giữ vững kỷ luật tài chính. Những sai phạm trong quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư từ ngân sách phải được xử lý nghiêm minh, công khai, kịp thời, đúng quy định của pháp luật, hạn chế việc xử lý nội bộ, bưng bít thông tin.

3.2.4.3. Tăng cường kiểm tra sau khi thanh toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản

Hiện nay các đơn vị KBNN thường mới chú trọng đến việc kiểm soát trước khi thanh toán, còn kiểm tra sau khi thanh toán còn có tư tưởng xem nhẹ. Tuy nhiên, trên thực tế việc kiểm tra sau khi thanh toán là rất quan trọng bởi vì: Trong điều kiện còn thực hiện tạm ứng vốn cho nhà thầu thì yêu cầu kiểm tra chặt chẽ sau khi thanh toán phải được coi trọng nhằm hạn chế những rủi ro cho NSNN; phải đảm bảo đồng vốn của NSNN được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả vào công trình, dự án, tránh trường hợp nhà thầu nhận vốn ứng nhưng lại dùng số tiền đó vào việc khác, không chịu thi công hoặc thi công cầm chừng, đối phó, dẫn đến công trình bị kéo dài thời gian thi công, chậm đưa vào khai thác sử dụng, giảm hiệu quả vốn đầu tư.

Trong đầu tư XD CB việc thanh toán khối lượng hoàn thành được chia ra theo từng điểm dừng kỹ thuật. Công trình chỉ hoàn thành đưa vào khai thác khi toàn bộ dự án hoàn thành, do đó trong từng bước dừng kỹ thuật sau khi thanh toán cần giám sát, kiểm tra đảm bảo nhà thầu tiếp tục tập trung năng lực thi công theo đúng tiến độ, đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng kế hoạch.

KBNN với chức năng quản lý quỹ NSNN cần phải có những cải cách mạnh mẽ nhằm kiểm soát chặt chẽ các khoản chi đầu tư từ NSNN, góp phần đấu tranh loại bỏ tiêu cực, nhũng nhiễu, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí,

đảm bảo sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tiền, tài sản của Nhà nước. Qua đó, góp phần xây dựng bộ máy hành chính Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

3.2.5. Chú trọng triển khai Luật đầu tư công giai đoạn 2020-2030

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công. Theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP: *“Thông tin, dữ liệu được thu thập, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công là thông tin, dữ liệu, tài liệu gốc của các chương trình, dự án đầu tư công. Trường hợp số liệu bản giấy và trên Hệ thống khác nhau thì thông tin trên Hệ thống là cơ sở để lập, thẩm định, giao, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm”*.

Như vậy, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu có vai trò rất quan trọng, các cơ quan, đơn vị phải tích cực nghiên cứu, chủ động triển khai thực hiện, cập nhật thông tin lên hệ thống quản lý.

Các trình tự, thủ tục phải thực hiện trên Hệ thống giám sát đánh giá đầu tư công của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bao gồm:

- (1) Lập, thẩm định, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn;
- (2) Lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm;
- (3) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công;
- (4) Theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công;
- (5) Quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.

3.2.6. Đề xuất, kiến nghị

Đầu tư XDCB có vai trò quyết định trong việc tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật cho xã hội, là nhân tố quyết định là thay đổi cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia và mỗi địa phương, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Xuất phát từ ý nghĩa to lớn đó, việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư từ NSNN qua KBNN là tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức được vị trí quan trọng đó và trên cơ sở những tồn tại, hạn chế khách quan trong công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất, kiến nghị như sau:

3.2.6.1. Đối với Bộ Tài chính

Thứ nhất, đề nghị Bộ Tài chính chỉ đạo các cơ quan tài chính địa phương làm tốt việc đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư khi dự án công trình hoàn thành, tập trung thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dứt điểm các dự án đã hoàn thành tồn đọng từ lâu chưa được phê duyệt quyết toán.

Thứ hai, trên cơ sở Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công các Nghị định của Chính phủ về quản lý vốn đầu tư, Bộ Tài chính cần có những hướng dẫn mang tính chiến lược, ổn định lâu dài, hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực quản lý tài chính, nhất là quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư XDCB đề KBNN các cấp thực hiện.

Thứ ba, đề nghị Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra việc tuân thủ chế độ kế toán TABMIS trong việc nhập dữ liệu dự toán, kế hoạch vốn; bảo đảm số liệu các báo cáo được đầy đủ, phản ánh đúng số liệu thực tế, thuận lợi cho việc quản lý, theo dõi, đối chiếu của Kho bạc.

3.2.6.2. Đối với Kho bạc Nhà nước

Thứ nhất, xây dựng hoàn thiện Quy trình kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư theo hướng thủ tục đơn giản, minh bạch, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị giao dịch. Đề nghị KBNN nghiên cứu hợp nhất quy trình kiểm soát cam kết chi NSNN, quy trình kiểm soát chi vốn đầu tư và vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư và quy trình kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư thuộc xã, phường, thị trấn qua KBNN thành một quy trình chung, vì các nội dung chính của các quy trình này cơ bản là giống nhau và một chủ đầu tư có thể quản lý cả các công trình có nhiều nguồn vốn, nhiều cấp ngân sách tham gia.

Thứ hai, thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản liên quan đến quản lý đầu tư XDCB cho các KBNN để làm căn cứ kiểm soát. Tăng cường công tác thông tin, báo cáo từ KBNN cơ sở, đặc biệt là tiếp nhận kịp thời những tồn tại, vướng mắc từ thực tế. Từ đó có các cơ chế quản lý, điều hành chung, phù hợp để KBNN địa phương thực hiện, tránh việc xử lý mang tính chất tình huống, cục bộ

nhưng không giải quyết triệt để, dứt điểm các tồn tại phát sinh.

Thứ ba, hiện nay hầu hết các khoản chi đầu tư từ NSNN đều cấp qua KBNN. Công chức kiểm soát chi không những phải nắm vững nghiệp vụ mà còn phải nắm vững kiến thức cơ bản về lĩnh vực XD CB, những quy định của Nhà nước về Luật đấu thầu, Luật xây dựng, Luật Đầu tư công,... Vì vậy KBNN cấp trên cần quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho công chức làm công tác kiểm soát chi theo hướng chuyên nghiệp để nắm bắt được các yêu cầu, nhiệm vụ mới của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư, tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KBNN đối với các chủ đầu tư, ban quản lý dự án khi đề xảy ra sai phạm theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. Từ đó tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành chế độ, chính sách của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án.

3.2.6.3. Đối với UBND các cấp

Thứ nhất, UBND các cấp cần chủ động và nâng cao hiệu quả trong việc phân bổ vốn đầu tư XD CB, bám sát vào các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc và quy định về thủ tục đầu tư XD CB. Để có cơ sở bố trí kế hoạch vốn đầu tư XD CB năm kế hoạch, ngay từ đầu những năm trước đó UBND các cấp chỉ đạo cơ quan tài chính kế hoạch rà soát các công trình cần đầu tư cải tạo trình HĐND các cấp phê duyệt danh mục đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và UBND các cấp về đầu tư XD CB.

Thứ hai, việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư hằng năm cần phải có những quy định chặt chẽ để tăng cường trách nhiệm trong việc điều hành triển khai dự án. Việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch hiện nay hằng năm điều chỉnh nhiều lần, không có giới hạn về thời gian cụ thể đã gây ra hiện tượng các chủ đầu tư không khẩn trương đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công cũng như nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án đầu tư.

Thứ ba, tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ để nâng cao trình độ quản lý cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án; nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư về toàn bộ quá trình sử dụng vốn, chịu trách nhiệm toàn bộ các giai đoạn của quá trình đầu tư. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Thứ tư, thực hiện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo thẩm quyền và đúng thời hạn quy định; bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho dự án đã phê duyệt quyết toán; đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi được phê duyệt quyết toán.

Thứ năm, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, chặt chẽ các chủ đầu tư, tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng, các nhà thầu trong việc chấp hành quy định về nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành; lập hồ sơ quyết toán hợp đồng và quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị chủ đầu tư, ban QLDA trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư XD CB trong việc đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng cuối năm của các đơn vị trên địa bàn.

Quy định chế tài xử lý vi phạm theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước; xử lý nghiêm minh các nhà thầu có vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư:

- Không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên theo quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

- Không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên.

- Không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời

gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng được tham gia đấu thầu dự án mới.

3.2.6.4. Đối với nhà thầu

Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện lập hồ sơ quyết toán hợp đồng, quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng ngay sau khi hoàn thành nội dung công việc; xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết; báo cáo cấp thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ kịp thời.

3.2.6.5. Đối với chủ đầu tư

Đối với các dự án hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên, chủ đầu tư, ban QLDA phải báo cáo rõ nguyên nhân dẫn đến chậm trễ, làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân có liên quan để cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Cụ thể:

- Đối chiếu, chốt số liệu với KBNN Hưng Yên các dự án có thời gian hoàn thành 2016 trở về trước, đề xuất phương án để phối hợp giải quyết.

- Đối với nhà thầu không chấp hành các quy định lập hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành, gây chậm trễ, chủ đầu tư báo cáo cấp thẩm quyền và các đơn vị có liên quan để công khai danh sách trên phương tiện thông tin đại chúng, nhà thầu vi phạm sẽ không được tham gia đấu thầu các dự án khác.

- Đối với dự án đã hoàn thành, đã được phê duyệt quyết toán nhưng còn thiếu vốn, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí vốn để thanh toán hết công nợ, thông báo với Kho bạc để thực hiện tất toán tài khoản công trình hoàn thành.

- Đối với những dự án đã hoàn thành, đã được phê duyệt quyết toán và đã bố trí vốn để thanh toán công nợ nhưng nhà thầu không đến làm thủ tục thanh toán, chủ đầu tư cần phải có văn bản đôn đốc, nếu nhà thầu không đến làm thủ tục theo đúng thời hạn quy định trên văn bản đã yêu cầu (hoặc nhà thầu đã giải thể), chủ đầu tư phải có văn bản gửi Kho bạc đề nghị được tất toán tài khoản và chủ đầu tư phải cam kết mọi phát sinh sau này chủ đầu tư và nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Trường hợp chủ đầu tư đã nhận được kết quả thẩm định quyết toán, nhưng chưa nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, chủ đầu tư phải báo cáo cấp thẩm quyền biết để chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng quy định.

3.2.6.6. Đối với cơ quan tài chính chịu trách nhiệm thẩm định quyết toán

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư trong việc thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định thuộc phạm vi quản lý.

- Đối chiếu, chốt số liệu với Kho bạc các dự án có thời gian hoàn thành 2016 trở về trước, đề xuất phương án để phối hợp giải quyết.

- Rà soát, công khai danh sách các chủ đầu tư, còn dự án vi phạm quy định về thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán; làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành; thực hiện nghiêm chế tài xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ.

- Định kỳ báo cáo cấp thẩm quyền về tình hình thực hiện công tác quyết toán công trình hoàn thành (*Nêu cụ thể về số hồ sơ đã nhận của chủ đầu tư, số hồ sơ đã trình UBND các cấp ra quyết định phê duyệt quyết toán, số hồ sơ chưa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán*), nêu rõ lý do để cấp có thẩm quyền biết, chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng quy định.

3.2.6.7. Đối với cơ quan kế hoạch

- Đối chiếu, chốt số liệu với Kho bạc các dự án có thời gian hoàn thành 2016 trở về trước, đề xuất phương án để phối hợp giải quyết.

- Kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư trong việc thực hiện kế hoạch giao; xử lý các nhà thầu, chủ đầu tư vi phạm trong công tác quyết toán công trình hoàn thành; thực hiện công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các nhà thầu, chủ đầu tư có hành vi vi phạm; nhà thầu vi phạm sẽ không được tham gia đấu thầu, chủ đầu tư vi phạm sẽ không được giao làm chủ đầu tư các dự án khác.

CHƯƠNG 4

XÂY DỰNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Mô tả các chức năng chính

4.1.1. Hệ thống

STT	Chức năng	Mô tả	Ghi chú
1	Đăng nhập hệ thống	Mỗi công chức KSC muốn tham gia hệ thống phải được cấp 1 tài khoản đăng nhập	
2	Tham số hệ thống	Các tham số sử dụng khi khởi tạo hệ thống	
3	Phân công chuyên quản	Lãnh đạo đơn vị phân công dự án cho một cán bộ kiểm soát chi chuyên quản dự án	
4	Đăng xuất hệ thống	Thoát ra khi kết thúc phiên làm việc	

4.1.2. Danh mục

STT	Chức năng	Mô tả	Ghi chú
1	Danh mục dự án	Cập nhật và lưu các thông tin về dự án	
2	Danh mục chủ đầu tư	Cập nhật và lưu thông tin về chủ đầu tư dự án (dùng cho việc thống kê báo cáo theo chủ đầu tư)	
3	Danh mục địa bàn hành chính	Lưu mã, tên ĐBHC của dự án (dùng cho việc thống kê báo cáo theo đơn vị hành chính)	
4	Danh mục cấp quản lý	Lưu cấp quyết định thực hiện dự án	
5	Danh mục nguồn vốn	Lấy từ Danh mục dùng chung	
6	Danh mục nhân viên	Lưu mã, tên người sử dụng	
7	Danh mục SHKB trên địa bàn	Lấy từ Danh mục dùng chung	

4.1.3. Nhập dữ liệu dự án

STT	Chức năng	Mô tả	Ghi chú
1	Thông tin dự án	Cho phép NSD cập nhật, tra cứu các thông tin dự án dựa trên các chỉ tiêu và tiêu thức tại hồ sơ pháp lý.	
1.1	Cập nhật thông tin dự án		
1.2	Tra cứu thông tin dự án		
2	Số liệu của dự án	Cho phép NSD cập nhật, tra cứu số liệu dự án theo hồ sơ.	
2.1	Quyết toán dự án: 2.1.1. Nhập dữ liệu phát sinh 2.1.2. Tra cứu		
2.2	Tình hình tạm ứng: 2.2.1. Nhập dữ liệu phát sinh 2.2.2. Tra cứu		

4.1.4. Báo cáo

STT	Chức năng	Mô tả	Ghi chú
1	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn ĐTXDCB	Cho phép NSD kết xuất các báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch vốn ĐTXDCB chi tiết từng nguồn vốn, tổng hợp theo các tiêu thức (cấp ngân sách, năm kế hoạch,...)	
2	Báo cáo tình hình giải ngân	Cho phép NSD kết xuất báo cáo tình hình giải ngân chi tiết đến từng dự án, tổng hợp theo các tiêu thức (kho bạc quản lý; địa bàn hành chính; chủ đầu tư,...)	
3	Báo cáo tình hình quyết toán dự án	Cho phép NSD kết xuất báo cáo tình hình quyết toán dự án	
4	Cảnh báo thông tin quản lý 4.1. Cảnh báo về thời hạn thực hiện dự án 4.2. Cảnh báo về thời hạn thực hiện hợp đồng 4.3. Cảnh báo về thời hạn thanh toán tạm ứng	Cho phép NSD kết xuất báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện dự án, thực hiện hợp đồng, thanh toán tạm ứng	

4.2. Mô tả chi tiết dữ liệu

4.2.1. Danh mục dự án

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	MA_DA	Mã dự án	
2	TEN	Tên dự án	
3	SHKB	Cơ quan KB Kiểm soát	
4	MA_CDT	Mã Ban QLDA/Chủ đầu tư	Nhập vào
5	DBHC	Mã địa bàn hành chính	Nhập vào
6	SO_QD	Số quyết định	
7	NGAY_QD	Ngày quyết định	
8	NGAY_KC	Ngày khởi công	
9	NGAY_HT	Ngày hoàn thành	
10	NHOM_DA	Nhóm dự án	
11	TM_DTU	Tổng mức đầu tư	
12	NGUOI_QL	Cán bộ được phân công chuyên quản	
13	TINH_TRANG_DA	Tình trạng thực hiện dự án	Nhập vào '0' – Chưa hoàn thành '1' – Đã hoàn thành
14	SO_QD_QTOAN	Số quyết định quyết toán dự án	Nhập vào
15	GIA_TRI QUYET_TOAN	Giá trị phê duyệt quyết toán	Nhập vào
16	TINH_TRANG_QT	Tình trạng quyết toán	Cập nhật khi nhập vào Số quyết định quyết toán: '0' – Chưa quyết toán '1' – Đã quyết toán
17	TINH_TRANG_TT	Tình trạng tắt toán tài khoản	Nhập vào '0' – Chưa tắt toán '1' – Đã tắt toán

4.2.2. Danh mục chủ đầu tư

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	SHKB	Cơ quan KB Kiểm soát	
2	MA_CDT	Mã chủ đầu tư	
3	TEN	Tên chủ đầu tư	
4	DIACHI	Địa chỉ trụ sở	
5	DIENTHOAI	Điện thoại liên lạc	
6	GIAMDOC	Giám đốc	
7	CQQL	Cơ quan quản lý cấp trên	
8	TINH_TRANG	Tình trạng hoạt động	

4.2.3. Danh mục cấp quản lý

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	SHKB	Cơ quan KB Kiểm soát	
2	MA_CQL	Mã cấp quản lý	
3	TEN	Tên cấp quản lý	

4.2.4. Danh mục địa bàn hành chính

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	MA_CHA	Mã địa bàn hành chính cấp trên	
2	MA_DB	Mã địa bàn hành chính	
3	TEN	Tên địa bàn hành chính	
4	TINH_TRANG	Tình trạng hoạt động	

4.2.5. Danh mục nguồn vốn

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	SHKB	Cơ quan KB Kiểm soát	
2	MA_NVON_CHA	Mã cha	
3	MA_NVON	Mã Nguồn vốn	
4	TEN	Tên nguồn vốn	
5	TINH_TRANG	Tình trạng hoạt động	

4.2.6. Danh mục nhóm dự án

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	MA_NHOM_DA	Mã nhóm dự án	
2	TEN	Tên nhóm dự án	
3	TINH_TRANG	Tình trạng hoạt động	

4.2.7. Danh mục người sử dụng

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	SHKB	Cơ quan KB quản lý	
2	MA_NSD	Mã người sử dụng đăng nhập	
3	TEN	Tên người sử dụng	
4	PASS	Mật khẩu	
5	CHUC_DANH	Chức danh người sử dụng	
6	TINH_TRANG	Tình trạng hoạt động	

4.2.8. Số liệu dự án

4.2.8.1. Số liệu thực hiện (SCTH)

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	SHKB	Cơ quan KB Kiểm soát	
2	MA_DA	Mã dự án	
3	NIEN_DO_KH	Niên độ báo cáo	
4	NAM_KH	Năm phát sinh số kế hoạch vốn hoặc số thanh toán	
5	NGAY	Ngày nhập chứng từ	
6	MA_NVON	Mã nguồn vốn theo quy định	
7	MA_CAPNS	Mã cấp ngân sách	
8	KHV	Giá trị Kế hoạch vốn được cấp phát	
9	TTKLHT	Giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành	
10	TAM_UNG	Giá trị tạm ứng	

11	DU_TAM_UNG	Giá trị số dư tạm ứng	
12	THU_HOI_TAM_UNG	Giá trị số thu hồi tạm ứng	
13	GIAM_TTKLHT	Giá trị giảm TTKLHT	
14	GIAM_TAM_UNG	Giá trị giảm tạm ứng	
15	TRANG_THAI	Trạng thái hoạt động	
16	NGUOI_KSOAT	CB chuyên quản	

4.2.8.2. Theo dõi tạm ứng (SCTU)

STT	Tên trường	Diễn giải	Ghi chú
1	SHKB	Cơ quan KB Kiểm soát	
2	MA_DA	Mã dự án	
3	SO_HOP_DONG	Số hợp đồng	Nhập vào
4	NGAY	Ngày nhập dữ liệu	Lấy từ THBC hoặc Nhập vào
5	TAM_UNG	Giá trị tạm ứng	
6	DU_TAM_UNG	Giá trị số dư tạm ứng	Lấy từ THBC hoặc Chương trình cập nhật từ dữ liệu nhập vào
7	THU_HOI_TAM_UNG	Giá trị số thu hồi tạm ứng	
8	GIAM_TAM_UNG	Giá trị giảm tạm ứng	
9	NGAY_HET_HAN_TU	Ngày hết hạn tạm ứng	Nhập vào
10	NGAY_HD	Ngày hiệu lực hợp đồng	Nhập vào
11	NGAY_HET_HAN_HD	Ngày hết hạn hợp đồng	Nhập vào
12	TINH_TRANG_HD	Tình trạng hợp đồng	Nhập vào '0' – Chưa thanh toán tạm ứng '1' – Đã thanh toán tạm ứng

4.3. Mô tả màn hình nhập dữ liệu

4.3.1. Màn hình nhập thông tin dự án

- Sau khi người sử dụng thực hiện chức năng “Tra cứu thông tin dự án”, hiển thị màn hình nhập thông tin dự án như sau:

Cập nhật thông tin dự án

Thông tin dự án

Mã dự án *	7779992	Chính trang, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hòa Huyện Mỹ Hào	
Mã QHNS	1043842	UBND Thị Xã Mỹ Hào	
Nhóm dự án *	Dự án nhóm C		
Ngày khởi công	15/07/2019	Ngày hoàn thành	15/09/2021
Mã CTMT			
Mã NKT *	312,292		
Mã chương *	405		
Ban QLDA/Chủ đầu tư	1043842	UBND Thị Xã Mỹ Hào	
Mã dự án cha		Nhiệm vụ thực hiện	Hợp đồng kinh tế
Số quyết định	2364	Ngày quyết định	15/08/2018
Nhà tài trợ		Tình trạng *	Hoạt động
Mã ĐBHC	328	Trạng thái dự án	Chưa hoàn thành
Số QĐ quyết toán		Trạng thái tất toán tk	Chưa tất toán
Trạng thái quyết toán	Chưa quyết toán		

Tổng mức đầu tư

Tổng mức đ.tư *	79.299.699.000	(VND)	Trong đó: TPCP		(VND)
Giá trị quyết toán		(VND)	NSNN	79.299.699.000	(VND)
		(VND)	ODA		(VND)

Ghi **Thoát**

- Các thông tin của dự án được đồng bộ từ hệ thống phần mềm dùng chung. Người sử dụng cần nhập thêm các thông tin quản lý:

- + Mã Ban QLDA/Chủ đầu tư;
- + Mã Địa bàn hành chính;
- + Tình trạng Dự án: Đã hoàn thành (Mặc định là chưa hoàn thành).

4.3.2. Màn hình nhập thông tin tạm ứng

- Sau khi người sử dụng thực hiện chức năng “Dữ liệu tạm ứng”, hiển thị màn hình như sau:

Thông tin tra cứu

Mã kho bạc: 0411 VP KBNH Hưng Yên Mã đơn vị: 041100 Phòng Kiểm soát chi - KBN Mã chương: Mã dự án: 7779992 Chính trang, cải tạo hệ thống Mã QHNS: Mã CTMT: Tổng mức đ.tư: Nhóm DA: Tất cả Mã dự án cha: Trạng thái KX: Tất cả Người quản lý: mb\taoiv101 Mã ngành k.tế: **Tra cứu**

Kết quả tra cứu: 1 bản ghi

Mã DA	Tên DA	Tổng mức đ.tư	Trong đó TPCP	Trong đó NSNN	Trong đó ODA	Mã QHNS	
7779992	Chính trang, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hòa Huyện Mỹ Hòa	79.299.699.000		79.299.699.000		1043842	UBND Thị Xã

Trang 1 / 1

Sửa Xóa Thoát

Tra cứu dữ liệu thành công

- Người sử dụng nhập thông tin vào ô “Mã dự án”, nhấn nút “Tra cứu”, chương trình hiển thị dòng thông tin dự án. Người sử dụng nhấn nút “Sửa” để nhập thêm thông tin về tạm ứng của dự án. Chương trình hiển thị màn hình cho phép cập nhật thông tin tạm ứng như sau:

Cập nhật thông tin tạm ứng cho dự án

Danh sách

	Mã KB	Mã DA	Số HĐ	Ngày tư	Tạm ứng	Dư tư
▶	0411	7779992	06/201...	06/11/2019		

Thông tin tạm ứng của dự án

Mã dự án * 7779992 Chính trang, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hòa Huyện Mỹ Hào

Mã Ban QLDA 1043842 UBND Thị Xã Mỹ Hào

Ngày khởi công 15/07/2019 Ngày hoàn thành 15/09/2021

Tổng mức đầu tư 79.299.699.000 Số dư cuối tạm ứng

Ngày 06/11/2019 Số Hợp đồng 06/2019/HĐ-XD

Tạm ứng Thu hồi tạm ứng

Giảm tạm ứng Dư TƯ

Ngày hợp đồng 26/09/2019 Ngày hết hạn Hợp đồng 15/09/2021

Trạng thái dự án Chưa thanh toán tạm ứng Ngày hết hạn tạm ứng 15/09/2021

Xóa Thêm dòng

Ghi Thoát

- Người sử dụng nhập thêm các thông tin quản lý: Số hợp đồng, số tiền tạm ứng (hoặc số thu hồi/giảm tạm ứng tùy theo nghiệp vụ phát sinh), ngày hợp đồng, ngày hết hạn hợp đồng, ngày hết hạn tạm ứng. Khi dự án phát sinh thêm hợp đồng hoặc phát sinh thêm nghiệp vụ liên quan số tạm ứng thì nhấn nút “Thêm dòng” để nhập thêm thông tin quản lý.

4.3.2. Màn hình nhập thông tin quyết toán

- Sau khi người sử dụng thực hiện chức năng “Tra cứu thông tin dự án”, hiển thị màn hình nhập thông tin quyết toán như sau:

Cập nhật thông tin dự án

Thông tin dự án

Mã dự án	* 7779992	Chính trang, cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nội thị đô thị Mỹ Hòa Huyện Mỹ Hòa	
Mã QHNS	1043842	UBND Thị Xã Mỹ Hòa	
Nhóm dự án	* Dự án nhóm C		
Ngày khởi công	15/07/2019	Ngày hoàn thành	15/09/2021
Mã CTMT			
Mã NKT	* 312,292		
Mã chương	* 405		
Ban QLDA/Chủ đầu tư	1043842	UBND Thị Xã Mỹ Hòa	
Mã dự án cha		Nhiệm vụ thực hiện	Hợp đồng kinh tế
Số quyết định	2364	Ngày quyết định	15/08/2018
Nhà tài trợ		Tình trạng	* Hoạt động
Mã ĐBHC	328	Trạng thái dự án	Chưa hoàn thành
Số QĐ quyết toán		Trạng thái tất toán tk	Chưa tất toán
Trạng thái quyết toán	Chưa quyết toán		

Tổng mức đầu tư

Tổng mức đ.tư	* 79.299.699.000	(VND)	Trong đó: TPCP		(VND)
Giá trị quyết toán		(VND)	NSNN	79.299.699.000	(VND)
			ODA		(VND)

Ghi Thoát

- Người sử dụng cần nhập vào các thông tin:

- + Số Quyết định quyết toán dự án;
- + Giá trị phê duyệt quyết toán;
- + Tình trạng tất toán tài khoản: “Đã tất toán” hay “Chưa tất toán”.

4.4. Mô tả các tiêu thức trên màn hình kết xuất báo cáo

4.4.1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn ĐTXDCB

Điều kiện báo cáo

Mẫu báo cáo: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Ngày kết xuất báo cáo: 03/04/2020 CB chuyên quản: mb\tuoiivt01

Mã dự án: Mã chủ đầu tư:

Kho bạc: 0411 Đơn vị tính: Đồng

Niên độ: 2020

In Thoát

4.4.2. Báo cáo chi tiết tình hình giải ngân

Tổng hợp báo cáo tình hình giải ngân

Điều kiện báo cáo

Mẫu báo cáo: 2.BC tình hình Giải ngân

Ngày kết xuất báo cáo: 03/04/2020 Niên độ: 2020

Mã dự án: Chủ đầu tư:

Mã DBHC: CB chuyên quản: mb\tuoiivt01

Mã nguồn: Đơn vị tính: Đồng

Kho bạc: 0411

In Thoát

4.4.3. Báo cáo tình hình quyết toán vốn theo dự án, công trình từ khi khởi công

Báo cáo tình hình quyết toán vốn theo dự án, công trình từ khi khởi công

Điều kiện báo cáo

Mẫu báo cáo: BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN THEO DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TỪ KHI KHỞI CÔNG

Ngày kết xuất báo cáo: 03/04/2020 CB chuyên quản: mb/tuoivt01

Mã dự án: Mã chủ đầu tư:

Kho bạc: 0411 Đơn vị tính: Đồng

In Thoát

4.4.4. Báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện dự án

Báo cáo cảnh báo thông tin quản lý

Điều kiện báo cáo

Mẫu báo cáo: Cảnh báo về thời hạn thực hiện dự án

Ngày kết xuất báo cáo: 03/04/2020 CB chuyên quản: mb/tuoivt01

Mã dự án: Mã chủ đầu tư:

Kho bạc: 0411

Niên độ: 2020

In Thoát

4.4.5. Báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện hợp đồng

Báo cáo cảnh báo thông tin quản lý

Điều kiện báo cáo

Mẫu báo cáo: Cảnh báo về thời hạn thực hiện hợp đồng

Ngày kết xuất báo cáo: 03/04/2020 CB chuyên quản: mbhtuoivt01

Mã dự án: Mã chủ đầu tư:

Kho bạc: 0411

Niên độ: 2020

In Thoát

4.4.6. Báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện thanh toán tạm ứng

Báo cáo cảnh báo thông tin quản lý

Điều kiện báo cáo

Mẫu báo cáo: Cảnh báo về thời hạn tạm ứng

Ngày kết xuất báo cáo: 03/04/2020 CB chuyên quản: mbhtuoivt01

Mã dự án: Mã chủ đầu tư:

Kho bạc: 0411

Niên độ: 2020

In Thoát

4.5. Các mẫu biểu báo cáo

(Xem phần Phụ lục)

4.6. Kết quả sau khi triển khai

Sau khi triển khai phần mềm tại KBNN tỉnh và 09 KBNN huyện, thị xã trực thuộc, phần mềm đáp ứng tốt các yêu cầu về quản lý, kiểm soát thanh toán các dự án trên hệ thống mạng diện rộng; đem lại những tiện ích như sau:

- Công tác đối chiếu và cung cấp số liệu cho các đơn vị liên quan như Tài chính, Kế hoạch, Thanh tra - kiểm tra, Kiểm toán, các ban quản lý dự án và chủ đầu tư được thực hiện nhanh chóng, chính xác. Qua đó các cơ quan, đơn vị chủ động nắm bắt được tình hình quản lý các dự án và tiến độ giải ngân để đưa ra các giải pháp quản lý có hiệu quả nguồn vốn đầu tư; đồng thời tham mưu, đề xuất với các cấp chính quyền địa phương quản lý và điều hành các dự án đầu tư XD CB từ NSNN.

- Theo dõi được tình hình thực hiện kế hoạch vốn tại địa phương một cách tổng hợp và chi tiết theo từng dự án, từng chủ đầu tư, từng địa bàn; quản lý chặt chẽ số dư kế hoạch vốn chi tiết đến từng dự án, từng nguồn vốn, tránh tình trạng chi vượt kế hoạch vốn.

- Theo dõi và tổng hợp tình hình thanh toán, quyết toán, tất toán tài khoản các dự án, tình trạng thừa vốn hay thiếu vốn của từng dự án một cách nhanh chóng, chính xác.

- Qua việc mở sổ theo dõi và cập nhật trên phần mềm, việc đưa ra các báo cáo cảnh báo về thời hạn thực hiện dự án, thời hạn thực hiện hợp đồng, thời hạn tạm ứng được thực hiện dễ dàng, tạo điều kiện thuận lợi cho công chức kiểm soát không mất nhiều thời gian tra cứu như trước đây mà vẫn có thông tin đầy đủ, tin cậy.

- Số liệu báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp toàn tỉnh được cập nhật nhanh chóng, kịp thời và chính xác tại các thời điểm bất kỳ theo yêu cầu. Vì vậy, việc cung cấp các báo phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền địa phương và của lãnh đạo được nhanh chóng, có thể đáp ứng tại bất cứ thời điểm nào khi có yêu cầu.

- Phần mềm có khả năng kết nối để sử dụng các danh mục hệ thống, thông tin dữ liệu sẵn có từ các phần mềm ứng dụng khác của KBNN hiện đang vận hành; giảm thiểu thời gian, công sức của công chức trong việc theo dõi, quản lý, kiểm soát các dự án và lập các báo cáo khi có yêu cầu của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là các báo cáo cần lấy số liệu tổng hợp trên toàn tỉnh.

KẾT LUẬN

Những năm gần đây công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN Hưng Yên đã được các cấp, các ngành hết sức quan tâm, hệ thống KBNN trên địa bàn đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Tuy vậy, công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên vẫn còn tồn tại những bất cập; hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN vẫn còn hạn chế; công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản vẫn còn nhiều bước thực hiện thủ công. Việc tổng hợp số liệu để báo cáo các cấp chính quyền địa phương đôi khi chưa kịp thời và chưa đảm bảo tính cập nhật tại mọi thời điểm. Do vậy, việc triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là hết sức cần thiết.

Trong quá trình nghiên cứu nhóm tác giả đã giải quyết cơ bản các yêu cầu đặt ra, thể hiện trên các nội dung:

- **Nội dung 1:** Nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- **Nội dung 2:** Điều tra khảo sát về thực trạng công tác quản lý, kiểm soát, tổng hợp báo cáo kiểm soát chi các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- **Nội dung 3:** Phân tích thực trạng quản lý, kiểm soát vốn đầu tư xây dựng nguồn vốn NSNN qua hệ thống KBNN Hưng Yên, làm rõ những thành tựu đạt được, chỉ rõ những hạn chế và những nguyên nhân chủ yếu.

- **Nội dung 4:** Đề xuất các giải pháp tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN qua KBNN Hưng Yên trong điều kiện hiện nay và những yêu cầu mới đang đặt ra.

- **Nội dung 5:** Xây dựng, triển khai thử nghiệm ứng dụng phần mềm quản

lý, tổng hợp báo cáo về kiểm soát chi ngân sách nhà nước các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Nhóm tác giả hy vọng rằng trên cơ sở hệ thống hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng về công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN; từ thực trạng công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, những nội dung nghiên cứu, những giải pháp và kiến nghị trình bày trong đề tài sẽ góp phần hoàn thiện công tác quản lý, kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN - một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quản lý NSNN trên địa bàn tỉnh./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2013), Luật Ngân sách Nhà nước.
2. Quốc hội (2013), Luật Đấu thầu.
3. Quốc hội (2014), Luật Đầu tư công.
4. Quốc hội (2014), Luật Xây dựng.
5. Chính phủ (2007), Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 về việc phê duyệt chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020.
6. Chính phủ (2013), Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
7. Chính phủ (2014), Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
8. Chính phủ (2015), Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
9. Chính phủ (2015), Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
10. Chính phủ (2015), Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 Về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
11. Chính phủ (2015), Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 Về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.
12. Chính phủ (2015), Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.
13. Bộ Tài chính (2007), Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN.
14. Bộ Tài chính (2010), Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 quy định về quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN.

15. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN.

16. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN.

17. Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (2016), Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hưng Yên về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

18. Kho bạc Nhà nước (2015), Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 15/7/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

19. Kho bạc Nhà nước (2016), Quyết định số 5657/QĐ-KBNN ngày 28/12/2016 về việc ban hành Quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

20. Phạm Kiên Cường (2013). Tăng cường kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La. Luận văn thạc sĩ kinh doanh và quản lý, chuyên ngành Kinh tế Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

21. Ưông Thị Minh Huyền (2015). Kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước quận Thanh Xuân. Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

22. Nguyễn Thành Anh Việt (2015). Nâng cao hiệu quả kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư công qua Kho bạc Nhà nước huyện Hóc Môn - Thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Tài chính - Marketing.

23. Hoàng Văn Thành (2005). Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung Ương.

24. Nguyễn Hồng Lam (2012). Nâng cao chất lượng giải ngân vốn đầu tư - Những kiến nghị từ thực tế. Tạp chí Quản lý Ngân quỹ quốc gia, (123).